

PHI-VÂN

ĐỒNG QUÊ

PHỎNG-SỰ

GIẢI NHẤT CUỘC THI
VĂN - CHƯƠNG CỦA
HỘI KHUYẾN - HỌC
CẦN - THƠ NĂM 1943



IN LẦN THỨ TƯ

PHI - VÂN
ĐỒNG QUÊ
PHÒNG - SỰ
GIẢI NHẤT CUỘC THI
VĂN - CHƯƠNG CỦA
HỘI KHUYẾN - HỌC
CẦN - THƠ NĂM 1943
IN LẦN THỨ TƯ
NHỮNG TÁC - PHẨM CỦA NHÀ XUẤT - BẢN ĐẤT - NƯỚC
24, đường Nguyễn-An-Ninh - SAIGON

ĐỒNG QUÊ
PHÒNG - SỰ
GIẢI NHẤT CUỘC THI
VĂN - CHƯƠNG CỦA
HỘI KHUYẾN - HỌC
CẦN - THƠ NĂM 1943
NHÀ XUẤT BẢN
ĐẤT - NƯỚC
IN LẦN THỨ TƯ
ĐỒNG QUÊ, TÁC-PHẨM CỦA PHI-VÂN,
ĐƯỢC GIẢI NHẤT CUỘC THI VĂN-
CHƯƠNG CỦA HỘI KHUYẾN - HỌC
CẦN - THƠ NĂM 1943, ĐƯỢC VĂN - SĨ
TRUNG - HOA DỊCH RA BẠCH - THOẠI
NĂM 1950, XUẤT BẢN LẦN THỨ TƯ



Nguồn sách scan: TVE-4U

Đánh máy: @thuhang1319, @mientay2012, @cabal2131, @chikobe, @ZzmarszZ97,
@trung_luoc, @thuhang1319 và @thaytumap.

Soát lỗi: @ruoi moi

Định dạng file: 4DHN

Soát lần cuối, đánh bổ sung chỗ thiếu: 4DHN

Tạo ebook: 4DHN

Ebook này được thực hiện theo “DỰ ÁN 1000 CUỐN SÁCH VIỆT” MỘT
THỜI VANG BÓNG của diễn đàn TVE-4U.ORG

Ngày hoàn thành: 17-3-2016

MỤC LỤC

LỜI TÁC- GIẢ

THAY LỜI TỰA

PHẦN THỨ NHẤT

MUỐN ĂN TRỨNG NHẠN

CHÂU XƯƠNG CỬ THANH-LONG-ĐAO

TRAO THÂN.... CON KHỈ MỐC

CÀNH TRE CỬ CẶP GIÒ XƯA

ĐỒNG-TRÁC BIẾT SẬP GIÀN

ÔNG TƯỚNG “THẦY BA”

ĐẠO

QUỖ-VƯƠNG

TIẾNG HÒ TRONG ĐÊM VẮNG

CHỢ HAY QUÊ

CÁC CON OI, THẦY PHEN NÀY THỌ TỬ

SANH NGHỀ TỬ NGHIỆP

PHẦN THỨ NHÌ

CÂU CÁ

CÁ MẮC CÂU

TÔN-SU’

ĐẠO PHÙ THẦN

ÔM MÀ XƠ RỐP...

...MÀ HA XƠ RỐP

OAN....!

... NGHIỆT!

MUỘN-MÀNG

TỬ-THÙ

TRĂNG THANH

HẬN NGHÌN ĐỜI

ĐOẠN KẾT

LỜI TÁC- GIẢ

Đây là những bài báo. Bởi thế cách hành-văn cũng như nội-dung đều có tính-cách “nhật-trình”.

Lối văn gần như câu-thả.

Câu-chuyện có vẻ nhất-thời.

Nhưng tôi cứ để nguyên cho nhà xuất-bản. Nghĩ rằng: hồi ấy tôi đã để ngòi bút chạy theo dòng ý-tưởng, dầu khéo dầu vụng, cách thuật chuyện cũng được cái đặc-điểm là ghi tâm-trạng tôi lúc viết.

Hình-ảnh những nhân-vật trong chuyện - những người đã cùng tôi sống chung - ngày nay đã mờ trong ký-ức.

Kể lại một quãng đời phải chăng là sống lại với ngày qua? Có lẽ thế. Nhưng tôi muốn xa hơn: Vẽ một bức tranh phong-tục và tập-quán.

Thật là quá cao-vọng.

Tự thấy còn thấp-kém, nhưng tôi vẫn cố-gắng. Đây là những bài đầu, tôi ước-mong sẽ có thể viết thêm.

Nếu chưa hiển được độc-giả những bài đúng theo nguyên-tắc tôi đã tự vạch, thì xin hẹn lại ở những bài sau.

PHI-VÂN

THAY LỜI TỰA

Chỗ hứng-thú của quyển phỏng-sự ấy là nó cho ta thấy những phong-tục cũ-kỹ ở thôn-quê, những tin-tưởng dị-đoan của hạng bình dân lao-động. Nó cho ta thấy những cuộc giao-tiếp, xung-đột giữa bọn điền-chủ và tá-điền, những tâm-hồn mộc-mạc trong bọn này và những oai-quyền thế-lực của bọn kia. Đọc qua, chúng ta thấy mình len-lỏi chốn đồng quê, đang mục-kích những cuộc tụ-hợp chơi-bời, những cảnh cần-lao rộn-riếp. Thỉnh-thoảng như đưa lại giọng hò trầm bổng trong đám gặt, như phất lại mùi thơm thanh-đạm của lúa vàng.

Tác-giả lại còn dắt ta đi quanh co trong những sông rạch ở vùng Bạc-liêu, Cà-mau và sau mấy ngày dạo chơi mệt-mỏi, tác-giả dừng lại cho ta thấy một cảnh-sắc êm-đềm: trên bờ sông Trẹm, lững-lờ mấy làn khói trắng bốc lên và dưới hàng dừa xanh tươi, một thiếu-phụ ẵm con đứng đợi chồng về, lâu-lâu đuổi bầy gà đang bới trên giồng rau cải. Hoặc giữa đêm trường vắng-vẻ, chiếc thuyền xuôi mái theo Rạch Bần, tác-giả mời ta trông lên bờ sau hàng dừa nước âm-u, một vài ánh đèn le-lói; nghe từ xa đưa lại tiếng chày giã gạo, tiếng chó sủa đêm...

Cho được kể lại rất tài tình những điều quan-sát rất kỹ-càng, làm cho ta như nghe, như thấy, lúc cảm, lúc vui, tất phải nhờ một ngọn bút tỉ-mỉ mà linh-hoạt, một giọng văn thành thật mà hữu-duyên, một cách viết tự nhiên, không rườm-rà mà đầy đủ.

Ông Phi-Vân đã gồm cả mấy điều kiện ấy: Quyển phỏng-sự của ông như một tấn tuồng gay-cấn đặt trong cảnh trí xanh tươi; hay là - muốn nói cho rõ hơn - nó là một “nông kịch” chia ra nhiều lớp: có hồi hộp, có vui cười và và sau rốt kết cuộc rất thương-tâm, khiến cho độc-giả phải ngậm-ngùi cảm động.

Có lẽ đó là bài luân-lý sâu sắc mà tác-giả không muốn chỉ cho rõ-ràng, để ta tự hiểu ngầm mà thương hại cho hạng nông dân lao-lực. Họ chỉ sống một cuộc đời mộc-mạc, siêng-năng; nhưng mãi kiếp phải làm nạn nhân cho bọn giàu sang thế-lực. Mà cả thấy chúng ta, theo như tác-giả nói lại là “nạn nhân của một thời-kỳ”; cho nên đối với mọi người ta nên để lòng thương hại và thứ dung, và nên cầu nguyện cho chốn đồng quê được chút vui tươi yên ổn...

(Trích lục một đoạn
bài diễn-văn của giáo-
sư Nguyễn-văn-Kiết
chủ-tịch của Hội
Khuyến-học Cần-thơ
đọc trong dịp lễ phát
giải thưởng văn-chương
Thủ-khoa Nghĩa năm
1943).

ĐỒNG QUÊ của Phi-Vân là sách nửa phỏng-sự, nửa ký-sự về phong-tục, sinh-hoạt ở đồng quê miền Hậu giang.

Chuyện lý thú, văn gãy-gọn, tác-giả tỏ cho ta thấy đã đem tâm hồn mình sáp-nhập với dân chúng, với đất nước.

(Ánh Sáng Văn-Chương)



Đọc ĐỒNG QUÊ, bạn sẽ thấy bao nhiêu hủ-tục buồn cười và xung-đột của chủ-điền và tá-điền đã diễn ra ở đồng quê Nam bộ mà bạn Phi-Vân đã vẽ lại bằng ngòi bút giản-dị và linh-hoạt.

(Nhật-báo Việt-Thanh)

Tôi tin chắc ĐỒNG QUÊ của ông Phi-Vân sẽ là một kho-tàng vô giá để khảo-cứu tiếng địa-phương Nam-Việt, để góp từ-ngữ dùng trong việc học.

(TRỌNG-TOÀN - Hương hoa Đất nước)



Những câu chuyện trong ĐỒNG QUÊ ai cũng có thể biết được, nhưng tác-giả khéo kéo độc-giả phải say mê. Khi đọc được một bài, phải đọc một bài nữa và sẽ đọc cho đến hết luôn mà không hề biết chán ở một chỗ nào.

(VĂN-MAI - Nhật-báo Thời-Cuộc)



Trong ĐỒNG QUÊ, Tây, Tàu, Việt chen lẫn nhau; mới, cũ tranh-giành nhau. Một xã-hội thất-học, một thời-đại hư-hèn, một chế-độ nguy-hại.

Các bạn sẽ cùng tác-giả nhận-xét như thế để rồi với cái đầu-óc mới-mẻ, với cái bản-lĩnh vừa được trui-rèn, các bạn sẽ đề-nghị một giải-pháp, bảo một cách ôn-hoà:

“Phải sửa-đổi!”

(THUẦN-PHONG - Nhật-báo Tiếng Dội)

PHẦN THỨ NHẤT

PHÔNG- SỰ NGĂN

MUỐN ĂN TRỨNG NHẠN

Không biết mỗi bữa trưa hè oi-ả, trời nắng nung người, có ai nghe người đàn-bà Bạc-liêu đưa vông kéo-cà kéo-kẹt ru con:

*Tháng ba cơm gói ra
Hòn,*

*Muốn ăn trứng nhạn
phải lòn Hang Mai...*

mà ngao-ngán nổi gì không?

Riêng tôi, có một dạo, đang thất-thếu trên đường từ Vĩnh-châu ra biển, nghe được câu hát này, tôi thấy thích-thích, đoán chừng rằng Hang Mai có lẽ là ở miền nào xa lắm. Tôi định có ngày đến viếng cho thoả lòng.

Bây giờ tôi đứng trước Hang Mai!

Cho hay nếu mình chịu bước chân đi thì còn lạ gì với những cái tên mà mình cứ tưởng-tượng nó ở đầu trời cuối biển nào!

Hang Mai là gì?

Các bạn giàu tưởng-tượng đừng cho rằng Hang Mai là một chỗ mà vào mùa đông lạnh, hoa mai vườn cánh khoe vàng!

Không, “Mai” đây chỉ có nghĩa là quê-mùa cổ-lũ ở chốn đồng quê: là... là... Khi!

Vậy, Hang Mai tức là hang của loài khi.

Kinh Hang Mai ở làng Khánh-lâm (Cà-mau), bắt đầu từ kinh Biện-Nhị, phía dưới công-sở trở ra Tiểu-dừa.

Kêu là “kinh” cho nó oai một chút chớ nó quanh-co như “cửu-khúc trường-xà!”. Nó có không biết bao nhiêu ngách và không biết bao nhiêu trấp cản đường.

Ở bên bờ, người ta có thể gặp những con trúc, rái, kỳ-đà, chồn, ong mật và vô-số cá.

Tôi được một lần đi suốt con kinh Hang Mai, và đi một cách “đàng-hoàng” vinh-diệu.

Ông Xã trong làng gả con gái.

Ông Xã mà gả con gái thì phải biết, cái đám ấy nó long-trọng đến bậc nào?

Muốn có “cái gì” thêm long-trọng hơn nữa, lúc đưa con về nhà chồng, ông lại tìm ngay chúng tôi:

- Thăng Sáu mầy có tài ăn nói, thằng Năm mầy có ngón đàn hay, vậy bây vui lòng theo tao qua bên “đàng trai” cho “rôm” và để bên ấy biết rằng làng mình cũng có lắm “nhân-tài”!

Tôi ngồi vò ngọn tóc:

- Từ đây qua rạch “Bà già Sốc” xa quá cậu à! Vả lại tôi có tật ngủ sớm, hễ thức khuya một chút là muốn nằm liệt ra rồi!

- Không sao, xuống ghe tha-hồ mà ngủ, hại gì mậy!

- Úy, thần rừng quỷ bụi đất Khánh-lâm này ơi, nhè ở đây mà cậu bảo ngủ dưới ghe cho muỗi mòng nó tha đi!

- Cái thằng! Không mấy thuở cậu mượn mà lại làm bộ làm tịch!...

Thằng Năm xen vào:

- Đi mầy, ra miệt biển chơi, xuống ghe tao đàn cho mầy nghe, buồn ngủ thế nào được!

Rồi nó lấy tôi ra ngoài:

- Mầy ngu lắm, tội gì mà để “chúng nó” đi riêng một mình!

- Chúng nào?

- Con Tư ông Chủ, con gái Bộ Liễm, con Tám, chớ còn chúng nào nữa! Tụi nó sẽ đi chung với mình một ghe, gục chung với chúng mình một lượt, chẳng phải là “sung sướng” lắm à?



Đường về rạch Bà già Sốc dài trên ba chục cây số, phải đi suốt con kinh Hang Mai dọc ra mé biển.

Đàng trai lại rước dâu vào lúc mười giờ tối. Lễ xong, chúng tôi cùng nhau xuống ghe lườn. Đàng trai đi hai ghe, đàng gái theo hai ghe, một ghe ông già bà cả, một ghe thanh-niên. Ai trông thấy cũng thì-thào khen-ngợi, không hổ danh ông Xã chút nào.

Tôi mắc lo theo đuổi lũ gái, quên coi thẳng Năm nó vác cây đàn kìm thế nào mà lâu lâu cái thùng đàn khua leng-keng, leng-keng in như tiếng chuông của thằng Chệc bán bông cỏ.

Vào một đêm không trăng. Sao đầy trời. Bóng đêm bao-phủ như bức màn mờ.

Gặp mùa gió bắc, ngồi trong mui chệt nghe hơi sương xuống cũng đủ lạnh-lùng.

Thỉnh-thoảng ngọn gió đồng hiu-hắt lùa vào khoang gần tắt phụp ngọn đèn dầu.

Bên ngoài, các anh chèo vừa nhịp vừa mái ăn rập vừa “hò khoan” vang dậy.

Bên trong, ngồi đối diện với mấy cô áo màu xanh đỏ, thằng Năm cảm hứng lên dây Tố-lan đồn một bản Vọng-cổ rất “mùi”.

Tôi bị con ma buồn ngủ kéo hai mí mắt gần sụp, nhưng sợ gục lên gục xuống, “con Tám” nó cười, nên rán kèm vững cái cần cổ. Tuy vậy chút chút cái đầu cũng gặc qua được một cái như để nhịp “song-lang” giùm cho thằng Năm.

Các cô ngồi thủ-thỉ, lâu lâu chăm-chú dòm thẳng Năm đang “hình mũi” cho mấy ngón tay nhấn vuốt hai sợi dây đàn.

Hố hò khoan

Con gái ông Bang

Che dù che lọng,

Con gái bà bóng

Thối lửa tắt đèn...

Cà rùm tùm beng.

Hố hò khoan,

*Con đĩa đeo bà,
Con gà cục-tác,
Mỏ-nhát cầm chèo,
Con mèo cầm lái,
Con rái chạy buồm,
Con tôm tát nước...
Là cái hố hò khoan...*

- Ghe ai ngừng lại!

Bên ngoài, bỗng có tiếng hét vang lên.

Tiếng hò khoan dứt ngang.

Thằng Năm nhè-nhẹ để cây đàn xuống.

Các cô xanh mặt dòm giáo-giác.

Tôi đang gục lia cũng hoảng hồn nhảy ra ngoài.

Ba ghe trước đều buông chèo. Đàng xa hơn, mấy ngọn đuốc sáng loà từ trên xuống nhỏ nhỏ ra.

Dưới ánh sáng, mấy anh chàng lực-lưỡng, mình trần trụi-trụi, đang phò anh chúa đoàn, bơi ào lại.

- Ăn cướp mầy Năm ơi!

Thằng Năm “mẹ thờ” vừa nghe tôi kêu cướp đã tuôn ra ngoài phóng đùng xuống kinh lợi vô bờ lủi mất.

Các cô run lên cầm-cập sa-sấm áp nín lấy tôi. Bụng tôi thì đã thấy điếng mà bị “con Tám” ôm ngang cần cổ lại càng điếng hơn nữa.

-Mấy ghe kia lập-tức ngừng lại, thằng Sáng¹ ở đây!

Giọng hét sang-sảng như Trương Phi hét Tào Tháo ở cầu Tràn-bản.

Mấy anh chèo ghe tôi khiếp đảm cũng nhảy đùng đùng xuống nước.

Tôi thối tắt đèn xô mấy cô nằm rạp dưới khoang ghe, rồi ngóc đầu lên dòm.

Bọn cướp lục ghe dâu rầm rầm.

Nghe tiếng khóc xen lẫn tiếng hăm dọa, tôi rợn người toan chỗi dậy nhảy đi, nhưng mấy cánh tay các cô bầu chặt như sam, không tài nào gỡ nổi.

Thôi thì, hoạ mang, mang lấy cho cùng, tôi chết cũng đợi đến số-phận mình.

Nhưng... bọn cướp đã hô “buồm” và mấy chiếc xuồng rẽ nước bắn đi...

Hú vía! Thì ra họ đã “no hàng” ở ghe đàn ông, không cần đến chúng tôi nữa.

Tôi lồm-cồm ngồi dậy, đỡ mấy cô áo màu lên. Áo màu không còn là màu nữa. Bùn nước trong khoang ghe đã nhuộm thành rần-ri mất rồi, mà mấy cô chỉ là những tàu lá đang run.

Không kịp lên tiếng hú coi thẳng Năm núp ở đâu, và đến coi ghe đàn ông trước lành dữ thế nào, tôi ngấm-nghi bực cười nhớ đến câu hát trên đường Vĩnh-châu:

*Tháng ba cơm gói ra
hòn,*

*Muốn ăn trứng nhận
phải lòn Hang Mai...*

CHÂU XƯƠNG CỬ THANH-LONG-ĐAO

Hồi ấy bạn tôi và tôi còn gõ đầu trẻ để “kiếm xu mua gạo” trong cái làng mà nghe đến tên, các bạn sẽ rùng mình: làng Rạch Cóc!

Thằng Năm Quấy (bạn tôi) có tính liến-thoảng, chưa gì đã bàn tìm nơi khác để sanh phượng. Anh ta bảo:

- Thôi đi, tao sợ cóc lắm, vô trong ấy, buổi cơm nào người ta cũng cho ăn toàn là cóc thì chết đói vẫn hoàn chết đói!

Nhưng một tháng sau, chúng tôi đã “quen nước quen cái” với xóm Rạch Cóc.

Cóc đâu chẳng thấy, chỉ thấy toàn là Thầy Rùa, Thầy Pháp, Thầy Đồng, bà Cốt, cô Tư, Cô Hai, cô Bảy.

Các bạn đừng thêm: cô Năm Bến-tre, cô Ba Cần-thơ... coi chừng cái cần cổ: mấy cổ vặn họng thì không khéo phải tổn một con gỏi...²

Ở đây có xác Ông - tức Quan Công - là được nhiều người rước nhất.

Nhưng muốn cầu Đức Quan Thánh về thì phải tốn một con heo: con heo ấy, sau lễ đàn rỗi, lễ cổ-nhiên là phải về tay ông Xác.

Chúng tôi đã được xem nhiều lần cách chữa bệnh của xác Ông, và lần nào cũng như lần nào, thấy con heo to-tướng đặt ngay bàn giữa, thằng Năm Quấy cũng bảo tôi:

- Cái thằng cha xác không biết nó ăn làm sao cho hết mấy con heo!

Ông Xác làng Rạch Cóc có vẻ oai-nghi đặc-biệt mà lúc Ông đã nhập vào rồi, thì xem còn lăm-liệt hơn nữa.

Và lúc Đức Quan Vân-Trường nạt to:

- Châu Xương, cử Thanh-long-đao!... thì ngài liền tung mình đi một bộ võ tuyệt-diệu.

Đứng ngoài xem, tôi cũng phải khen thắm: “Quả thật đệ-nhất anh-hùng!” Còn bao nhiêu khán-giả khác đều cúi đầu, mặt lộ vẻ sợ-sệt: “Ông đang cử Thanh-long-đao coi chừng!”

Mỗi khi xem tới khúc ấy, thằng Năm Quấy thúc hông tôi, bảo nhỏ:

- Châu Xương chưa kịp cử đao, sao ông hươi sớm thế?

Tôi trả cái thúc lại, cũng bảo nhỏ:

- Câm miệng! Coi chừng Ông vớt trái!

Quên cho các bạn biết chúng tôi đang ở đậu nhà ông Cả trong làng. Một hôm, con gái ông đau. Ông Cả vốn là người không tiếc một con “gỏi”, nên vội ngay xác Ông đến và sửa-soạn nhà cửa cho lễ đàn tiện bề tiến-hành.

Gia-nhân làm thịt một con heo đúng tạ. Thằng Năm Quấy lại bảo với tôi;

- Đấy! Thêm một con nữa. Mới có ba hôm mà nó đã được hai con rồi, khoái thật!

Tối lại, gần hết dân trong làng đều tề-tụ trước nhà ông Cả để chờ xem lên đàn.

Đèn đốt sáng trưng. Gia-quyển ông Cả đều đứng ngoài nhà trước, chỉ có hai chúng tôi là từ trong ngõ ra, không phải chen lấn ở hạng “cá kèo” như mọi lần khác.

Ông đã nhập xác.

Ai nấy đều đứng im.

- Ta là Quan Vân-Trường, Hán Thọ-đình-hầu!

Ông lại còn nói thêm, nói nhiều lắm, hỏi nhiều lắm.

Ông Cả vừa run-run vái lạy, vừa lập-cập trả lời.

Thằng Năm Quấy thì cứ mãi nhìn... mấy cô gái ở hạng “cá kèo”.

- Châu Xương, cử Thanh-long-đao!

Tôi đang chăm-chú xem, bỗng giật mình đánh thót vì bên tai có tiếng la:

- Dạ!.

Thôi chết rồi, thằng Năm Quấy làm sao thế? Ừ chính người lên tiếng là thằng Năm Quấy, mà thằng Năm Quấy bây giờ lại cầm dao phay sáng giới từ chỗ đứng nhảy phắt ra, phùng mang, trợn mắt múa vù-vù xem ghê quá.

Trong khán-giả, tự-nhiên có tiếng xầm-xì.

Thằng Năm Quấy múa một vòng như Chệc Sơn-đông mãi võ, làm khán-giả sợ-sệt lẫn nhau lui xa ra.

Không còn một cái đầu nào dám nhìn lên.

Thằng Năm Quấy vẫn múa.

Tôi đứng cạnh chỗ xác Ông, thấy ngực lão ta phập-phồng và miệng lão ta há-hốc.

Lúc thằng Năm Quấy múa gần ông ta, tôi nghe có tiếng bảo:

- Chia hai! chia hai!

Nó múa thêm một vòng nữa rồi quì xuống dựng cây dao ngang mày.

Chụp lấy con dao, mặt Ông trở lại oai-nghi, Ông tung mình đi một bộ võ tuyệt-diệu.

Khán-giả vẫn cúi đầu.



- Mình phải chia ăn chứ! Mấy xem mới có ba ngày mà nó được những hai con rồi!

Trời ơi, nghĩ được cái ý ấy, tao sướng quá và phục... tao quá! Tao không thèm cho mầy hay là sợ mầy cản-trở. Trong lúc tụi nó lục-đục ở nhà trước, tao xuống nhà bếp lấy con dao đem giấu phía sau tấm vách giữa, rồi tao chực-hờm khi nó kêu “Cử Thanh-long-đao” là nhảy ra. Sẵn trước kia có làm thầy tuồng cho gánh hát Thái-Dương của thằng cha Cống-Quỳnh, tao có học quơ bậy cặp song-tô, nên đến khúc ấy tao chụp quây vù-vù cho tụi khán-giả sợ lui ra xa.

Tao biết rồi thế nào thằng chả cũng nói với tao một cái gì, mầy bảo có “thánh” lắm không...?”

TRAO THÂN.... CON KHỈ MỐC

HƯƠNG BA cầu-nhàu: “Cái làng gì mà kỳ-khôi quá! Các ông nghĩ: Làm cha mẹ, ai cũng muốn cho con nó được nên vợ nên chồng, đằng này họ mắng bo-bo mấy cái hủ-tục bắt-bẻ từ chút, đòi-hỏi từ cái lẽ mọn, đã thèm rồi mới chịu gả con gái...”

- “Chịu gả” mà có xong cho đâu! Đây để tới lúc mình tới rước dâu rồi chú coi, chém chết ông Bái hay ông Tộc-trưởng bên ấy cũng “vạn” anh cai Sốt đủ điều...”

Ông Chánh Khá nói thêm một cách chán-nản:

- Mà cái xứ gì ở xa tí-mù!

Rồi chán-nản nhìn hàng cây mắm ở ven rừng, “giẫm chân” bên bờ sông Ông Đốc.

Chiếc ghe máy có cái mũi ngạo-nghe, khoe những dây cờ lon-con, giăng từ cột buồm ra sau lái.

Tiếng máy chạy sinh-sịch.

Trời về chiều.

Tàu chạy hôm nay nữa, là hai hôm rồi: sông Ông Đốc, kinh xáng Bà Kẹo, Đàm Cùn, kinh xáng Thọ-mai, nhưng xóm Kiến-vàng vẫn còn xa lơ xa lắc.

Họ đàn trai đã mệt-nhọc ngồi trong chiếc tàu chật-hẹp. Người ta ăn hết ba lượt bánh mì với thịt quay mua ở Cà-mau. Chú rể ngày đầu còn khăn đóng áo dài, hôm sau đã cởi dẹp lại một bên, mặc chiếc áo thun giả ngồi ở trước mũi tàu ngong-ngóng, thỉnh-thoảng vươn vai hít không-khí rồi cú-rũ nhìn lũ trẻ trong xóm chạy theo tàu, trên bờ sông vỗ tay reo:

- Ê! Đám cưới!...

Đi họ còn có cả ba cô gái: áo tím, áo xanh, “bọt-đê” dài thườn-thượt.

Họ tỉ-mỉ từng chút, luôn luôn sẽ nhặt sống áo và lai quần hàng thẳng bóng để đôi giày cườm khỏi vướng mà làm lấm hư đi...

Hôm xuống tàu, ba cô chọn một chỗ sạch, ngồi nói chuyện với nhau khe-khe, ai mời ăn gì cũng từ-chối, thỉnh-thoảng đưa cái bóp đầm lên soi kiếng, sửa lại cái vành môi.

Nhưng hôm nay, ông Chánh Khá đã vắt cái áo đen trên vai và gói cái khăn đóng lại; ông chủ-hôn Cai Sót đã nằm ngáp trên chiếc sập con, thì các cô cũng đành chia nhau ăn mấy khúc bánh mì còn sót lại.

Son trên môi đã hoen-ố, phấn trên má cũng phai đi từ khoảng. Chiếc khăn mù-soa đã được nằm trong túi, không còn đeo-đăng với tay nữa. Vì hai bên bờ, rừng tràm và dừa nước, muối nó kêu vang lên như khát máu, đập bằng tay có hiệu-nghiệm hơn, chớ cầm cái khăn mà chậm chậm thì nó không thấm-tháp vào đâu cả.

Hương Ba cầu-nhàu mãi, và ngán lần đến lúc ông phải đem khay trầu rượu đi trình đàn ông sui gái...

Năm nay đã gần tứ tuần, nhưng ông còn có vẻ...thanh-xuân! Lần này là lần thứ mười tám ông đi làm rể phụ. Hể bọn thanh-niên trong làng có cưới-hỏi, là người ta nhớ đến ông, vì ông đã từng-trải lắm rồi, lại biết đủ tục-lệ.

Ông thường bảo với bọn trẻ:

- Các cậu đừng tưởng làm rể phụ là dễ đâu. Để các cậu lãnh vai ấy thì có mà hồngбет...



Anh tài-công cho hay:

- Khởi vằm Mang-giỗ rồi, còn hai cái doi nữa là tới Kiến-vàng!

Trời tối đen. Bầy muỗi tha-hồ bu cắn mấy ông đi họ đang sật-sừ.

Nhưng người ta đã giục nhau:

- Sửa-soạn mau lên!

Ông Cai Sót hốt-hải:

- Mấy giờ rồi, mấy giờ rồi?

- Mới có mười giờ. Qua giờ Tý mới đúng.

- Thây-kệ, giờ nào, tới thì phải lên, đã gần chết rục rồi đây!

Người ta hấp-tấp sửa-soạn. Hương Ba gò-gắt khăn đóng cho ông Cai Sốt; chàng rẽ gài khuy cho ông Chánh Khá.

Bà sui trai và hai người đàn-bà đi họ, mấy ngày giam-hãm trong chiếc buồng con đằng sau lái tàu để xói trầu và xía thuốc, bây giờ cũng thấy hăng-hái xếp-đặt cái hộp trầu.

Bà cô thiếu-nữ nheo mắt lo đánh vôi một lớp phấn và rán vẽ được hình trái tim trên đôi môi đỏ óng.

Người ta phủi lại nếp áo, người ta chùi sơ lớp bụi đóng trên mũi giày.

Cây đèn treo lủng-lẳng giữa tàu giọi trên vách mấy cái bóng người đi đi lại lại.

Ông Hương Ba đã hờm sẵn khay trầu rượu, xây qua dọn chàng rẽ:

- Thanh, mầy bưng cái khay hộp theo tao nhé! Lúc làm lễ, hể tao đặt khay trầu rượu ở bàn nào thì vợ chồng mầy sẽ lạy ở bàn đó... mà nhớ luôn-luôn đứng bên tay trái nghe, “nam tả nữ hữu”, rán học cho nằm lòng! Rồi tiếp:

- Còn tụi thằng Trí, bưng mâm, khéo lột mấy trái cam đa, không được giỡn-hốt như ở nhà, ở đây người ta khó lắm, coi chừng!...

Còn thằng nào đó, coi qua cái doi chót thì nhớ đốt pháo lên!

Tiếng pháo bắt đầu nổ vang cả xóm thì xa xa có mấy tiếng pháo trả lời.

Trên bờ sông mấy con chó hè nhau đứng sủa...

Tàu ghé bên cái cầu có nhà mát. Cả đoàn lần-lượt lên bờ và sắp hàng có thứ-tự đi vô sân, đứng đợi.

Trong nhà khách, ba bốn ông lão đang nói chuyện vang quanh chiếc bàn tròn trải khăn đỏ!

Mấy cây đèn sáp rọi sáng cả gian nhà.

Một bọn trai-tráng mặc áo dài đen chạy lăng-xăng, pha trà, bưng chén.

Họ đàn ông vẫn đứng ngoài chờ.

Hương Ba nóng ruột:

- Mẽ!t ại sao không có người ra mời.

Một câu nói trịnh-trọng từ trong nhà khách đưa ra dường như để trả lời:

- Bây ra ngoài mời họ đàn trai đứng chờ đấy. Chưa tới giờ đâu!

Chưa tới giờ! Mấy tên bưng mâm chán-nản. Thằng Trí lăm bầm:

- Đợi tới giờ thì gãy mẹ cái tay đi còn gì! Mời thấy tổ rồi đấy!

Ông rể phụ bực mình ghé vào tai ông Chánh Khá:

- Giượng là trưởng-tộc, răn đối-đáp! Bây giờ mình cứ việc... Tôi sẽ đem dán đôi liễn, rồi thì mình xin cưới liền đăng về cho kịp con nước một giờ!

Thế là Hương Ba bước liêu vô nhà và đến đặt khay trầu rượu trên bàn giữa.

Mấy ông lão trợn tròn.

Ông Bái run run, khẽ kéo cái gọng kiếng sụp xuống chót mũi, đầu nghiêng phía trước cái búi tóc lọt ra ngoài lớp khăn đóng, dựng đứng lên như tức-giận, ngó thẳng vào mặt Hương Ba, dữ-tợn.

Nhưng Hương Ba đã chấp tay:

- Dạ... xin... cho phép tôi...dán đôi liễn.

- À! dán liễn! mà đã tới giờ đâu? Không phải các ông muốn tới bắt con gái người ta lúc nào cũng được!...

- Dạ, tôi chỉ xin dán liễn!

Một ông họ gái già sạm có cái mép lờm-chờm mấy cọng râu ngắn dài không đều, che mái lứa-thừa trên hai làn môi mỏng đang “hăm” lui tuốt vô miệng để cái cằm lấn nước nhô ra như một lái tàu xà-lúp...; làn da mặt nhăn-nhúu khô đét như vỏ cây khô cháy nắng; tất cả sự sống đều dồn về cặp mắt loang-loáng chỉ nhìn vòng qua cái gọng kiếng bằng thau; cái khăn đóng quấn suông hai vòng, cao, dày, để lòi ở từng thượng một búi tóc bạc phơ.

Cả gương mặt có một vẻ gì vừa lạnh-lẽo, vừa gay-gắt mà một đứa bé-con thấy được là phải khóc ngay!

Ông họ ấy đang chăm-bắch nhìn mọi người với những nét nhăn không cảm-giác, sức lên tiếng khi nghe Hương Ba nói tới liễn.

- Dán liền à! Được!

Người ta thoáng thấy một cái nhích mép nó đưa nhẹ chòm râu xéo một bên: cười hay gầy? Nào ai biết!

Hương Ba ngờ-ngợ nhìn và lạnh-lợi:

- Ông Tộc-trưởng cho phép chúng tôi dán đôi liền giao-hiếu.

- Được. Coi nào!

Không đợi nhắc, Hương Ba lẹ-làng phết hồ lên cột.

Ông Tộc-trưởng chậm-chạp đứng dậy cầm cây đèn sáp nhỏ đi theo xem.

Lớp tuổi già đè nặng trên lưng, nhưng ông cũng cố gượng ngược lên, tay giơ cây đèn cao khỏi đỉnh đầu, tay gõ bằng mấy cái móng dài thườn-thượt trên lớp liền đỏ, dò từng nét, từng chữ một và chậm-chạp đọc:

- Thừa... long...
lạc... ý... tam... chi...
thọ...

Ông gật-gù, nặng-nề bước qua cột bên kia. Ánh đèn làm nổi bật mấy nét nhăn và chói sáng cả cái “tầng thượng” trên chiếc khăn đóng: mỗi cái gật làm búi tóc lắc-lư như con “lật-đật” của trẻ-con!

- Giá... phụng...
quan... thành... bách...
lượng... xa!

Rồi bằng một giọng ngâm trầm bổng, ông lặp lại và phê-bình:

- Thừa long lạc ý tam
chi thọ...Hay!

Giá phụng quan
thành bách lượng xa...

Cũng hay! Nhưng mà, ông chủ-hôn ơi!ông cắt-nghĩa giùm thử coi câu liền nó thế nào mà tôi “dốt tối dốt tăm” không hiểu được!

Ông lại chép miệng lăm-thăm như tự hỏi:

- *Tam chi thọ?* Ba nhánh hay ba họ?...

Ông Chánh Khá này giờ đứng rón-rén cạnh Hương Ba, nghe kêu, vội-vàng đưa tay lên sửa vành khăn đóng, mạnh-dạn bước tới biết rằng “chiến-cuộc” đã “khai-hấn” và sứ-mạng của ông là phải giữ danh-dự cho phe nhà:

- Dám thưa ông Tộc-trưởng, chúng tôi không phải là kẻ thâm-nho, tài hèn chỉ đáng làm môn-đệ của ông, nhưng ông đã dạy, tôi xin mạng phép vâng lời, nhờ ông không chấp cho chuyện trước cửa Lỗ-Ban múa búa. Tôi có thể thích nghĩa xuôi hai câu ấy ra như thế này:

*Chú rể cỡi rồng
nuơng cây ba nhánh,*

*Cô dâu hi-hạ tìm
đặng mỗi trăm xe...*

Còn dịch nôm thì tôi nghe ông Đồ Ướt nhà tôi diễn thử trong câu này:

*Rể lành đủ dựa tài
lương-đống,*

*Dâu thảo vui nên bạc
thế-quyền...*

tưởng cũng tạm gọi được là hay vậy. Chẳng hay ông Tộc-trưởng nghĩ thế nào?

- Hay? Tạm gọi là hay? Già này thấp-thỏi không biết nôm-na cao-kiến như mấy ông, già chỉ biết rằng trong rừng nho biển thánh, không thiếu chi tiếng dùng, sao lại đem nào là “thừa long... giá phụng...” tiếng của bậc đế-vương vua-chúa vô làm chi cho túi-nhục thêm cho con nhà “dân-dã” chúng tôi...

Chánh Khá xanh mặt:

- Thưa ông...

- Thôi, thưa gởi làm chi nữa, theo phép mấy ông trầu rượu tới đây cưới con gái nhà tôi, mấy ông không có quyền khinh-khi quá lẽ... Bây giờ tôi muốn coi đồ nữ-trang trước rồi đợi tới giờ sẽ hay.

Hương Ba vội-vàng mở khay hộp. Ông Tộc-trưởng nâng từ chiếc vòng, sợi dây chuyền lên nhìn, bỗng-nhiên mắt ông sáng hoắc lạ thường, chếp miệng hỏi:

- Ủa, sao lại có đôi bông nở mà không có bông búp?

Chánh Khá rối-loạn chực nói, nhưng đã bỡ-ngờ nhìn mọi người.

Hương Ba lẹ miệng đỡ lời:

- Thừa bông búp là hồi “ăn trầu uống rượu” kia. Lời tục người ta nói: “Bông búp về nàng, bông nở về anh”, vì đường xa-xuôi quá, chúng tôi đã yêu-cầu trầu rượu cưới-hỏi một lần, thì chúng tôi tưởng “bông nở” không, cũng đủ lẽ rồi vậy...

Ông Bái ngồi chăm-chỉ nghe đến đó, bỗng-nhiên khóc lên rưng-rức:

- Nhà tôi vô-phước. Trời ơi, con làm nhục cha nhục mẹ chi vậy hồi con!... Sinh con tưởng gả được chỗ môn đăng hộ đối, ai dè họ khi mình đến đời này...

Ông Chánh Khá bị “tấn-công” gắt quá, đành đưa mắt cầu cứu với Hương Ba lần nữa mà mồ-hôi trên trán đã nhỏ giọt.

Hương Ba chẳng nói chẳng rằng, ngoắt chàng rẽ bước vào, còn ông thì đến cạnh ông Chánh Khá, láy mắt ngụ ý nói “để tôi” rồi nói lớn để thay-đổi cuộc-diện:

- Đã trình đồ nữ-trang, thì bây giờ xin lên đèn làm lễ cưới.

Ông Tộc-trưởng trợn ngược cặp mắt, đôi lông chân mày dựng lên làm tăng vẻ giận dữ, oai-nghi:

- Ai cho phép chú cưới? Tôi bảo đợi tới giờ nghe chưa?

Ông Chánh Khá lập-tức trả lời khéo-léo:

- Xin ông Tộc-trưởng thương giùm. Con rể nó ở đời với nhau được, có phải tại cái giờ đó đâu. Nếu chờ đến giờ Tý, con nước chảy ròng cho đến trưa mai, thì chúng tôi phải chịu ngược cả mấy con nước nữa, chắc chết đói ở dọc đường. Nhất là cô dâu không quen đi đường trường bó-rọ dưới tàu năm sáu bữa, chẳng là tội-nghiệp lắm sao?

Ông Tộc-trưởng nín lặng.

Chánh Khá lấy Hương Ba. Hương Ba hội-ý, xì ống quẹt nổi đèn khay trầu rượu rồi đưa tay ngoắt một cái. Đám bưng mâm lục-tục kéo vào.



Trong lúc lộn-xộn, Hương Ba lừa dịp kề tai Chánh Khá bảo một câu:

- Lạy họ xong, giượng xin kiếu liền, đừng để trễ một phút nào cả. Mình không cần ăn mà cũng không cần họ tử-tế nữa. Chẳng lẽ họ níu con dâu lại đâu mà sợ.

Chánh Khá làm như lời.

Họ đàn trai đã thông-đồng ăn rập nhau đứng lên một lượt.

Thấy con mình bị “bắt” đi một cách “cấp-tốc”, bà Bái trong nhà khóc rống lên như đám ma, còn ông Tộc-trưởng vỗ bàn lên ầm-ĩ.

Nhưng, đám bưng mâm đã vây quanh hộ-tống cô dâu, chú rể xuống tàu một cách hùng-dũng, dầu phe ông Bái có muốn “phá vòng vây”, cũng không tài nào vô nổi.

Mọi người đều xuống tàu, trừ Hương Ba đang hí-hửng như vừa “thắng-trận”, đứng cạnh Chánh Khá nói nói cười cười:

- Vậy cũng xong! Đó, giượng thấy chưa, mình phải... mình phải cương-quyết, phải...tài-ba như vậy mới được chứ!

Bỗng ông Tộc-trưởng trên nhà chống gậy xồng-xộc chạy xuống níu tay ông Chánh Khá thở hào-hển, vênh râu, sừng sộ:

- Còn lẽ... “trao thân gởi mình”, sao không làm hử?

Nhưng Hương Ba bước vội xuống tàu, mặt đang nở hoa, tự-nhiên xanh xám lại, kéo đại ông Chánh Khá theo, cộc-lốc trả lời:

- Trao thân... con khỉ mốc!

Anh tài-công tàu giựt chuông mở máy...

CÀNH TRE CŨ CẶP GIÒ XƯA

Tôi đứng núp sau lùm bông phướn, tay cầm chắc ngọn roi tre, vững lòng chờ. Hễ bóng đen nào lao tới nạp mình là tôi khệng cho một cây, lập kỳ-công bắt-hủ!

Tiếng kêu cướp rền trời phía nhà ông Bá và tiếng mõ hồi một làm vang động cả đêm khuya. Bầy chó trong xóm cũng hè nhau sủa rầm lên dữ-dội.

Bỗng trống ngực tôi đánh lồng lên, tôi vánh tai nghe tiếng thành-thịch từ xa chạy lại.

Bóng người vừa nhô tới là tôi rón sức bình-sanh cầm ngọn roi quất ngang vào ống quyển: Rốp!

Có thể mới được chớ! Tôi nhào đại vào đồng đen đang té nằm rên dưới đất, ôm chặt lấy, nghiến răng:

- Chó chết, mà có chạy đằng trời!...

Nhưng, thiên-địa quỷ-thần ơi! người tôi đang ôm cứng lại là... một cô gái!

Thôi phen này có nước mà chết nhục với đời! Tôi rùng-rời buông lỏng nàng ra, hỏi:

- Cô là ai, có sao không cô? Cô chạy đi đâu làm vậy cho tôi tưởng lầm là kẻ cướp?

Nàng rên-ri:

- Chết tôi đi anh ơi, tôi là con ông Bá đây! Anh làm ơn... đem tôi vô nhà... rồi tôi kể hết chuyện cho anh nghe, mau đi anh, đừng cho ai biết... mau đi anh!...

Nàng nói rồi, oằn-oại, nằm thiêm-thiếp...

Làm sao bây giờ? Có Phật Trời nào chứng-chiếu cho cả tấm lòng trong-suốt của tôi?

Giúp người, hại mình, bây giờ đâu có thể chần-chờ mãi được. Rủi thiên-hạ xông tới gặp tôi đang níu lấy nàng, tôi mới ăn nói cách nào cho xuôi?

Thôi, rùi đã vương lấy hoạ, tấm thân bảy thước còn kể gì, tôi kê vai vác nàng vô cửa.

Thằng Năm dầu có ngủ mê cách nào cũng đã thức dậy lục-đục đốt đèn.

Thấy tôi công một công lù-lù đi vô, nó kinh-hãi nhảy lui một bước toan la, thì tôi đã khoát tay bảo nhỏ:

- Tao đây, cầm họng lại, ra đóng chặt cánh cửa cái, mau lên!...

Nó sững-sờ nhìn cái “sức nặng” trên vai tôi, rồi ríu-ríu vưng lời.

Tôi đặt “cục nợ đời” nằm xuống bộ ván trong, lấy dầu thoa trán cho hoàn hồn, rồi xây lưng ra ngoài, kéo tay thằng Năm:

- Nguy lắm rồi mầy Năm ơi! Nghe đằng nhà ông Bá bị cướp, tao tốc mừng vác cây roi tre ra tiếp-cứu, không dè ba-chớp ba-nháng, đập nhằm con gái ông gần chết, tao lật-đật công về đây!

- Khốn-nạn chưa! Biết làm sao mầy không tháo chạy, lại rước “của nợ” ấy về làm chi, hỡi Trời!...

- Ai tàn-nhẫn như vậy được mậy? Đã đập cho người ta ngất-ngự, còn bỏ chạy là nghĩa gì?

Vả lại hồi nãy, lúc tao ôm “con mế”, “con mế” năn-nỉ tao công về, tao bấn-loạn nghe theo, không kịp suy-nghĩ, bây giờ biết làm thế nào?

- “Con mế” năn-nỉ mầy công về! Rồi mầy công? Hứ, làm thế nào thì làm, tao bỏ nhà này cho mầy ở!

- Tội nghiệp tao mà mầy Năm, chuyện đã lỡ ra thế này, mầy phải giúp tao gỡ rối mới được!

- Giúp mầy? Nghĩa là công đem trả? Mô Phật, tao không có cái lưng “nghĩa-hiệp” như mầy đâu!

- Không mà! Số là tao chưa biết ắt giáp gì hết, mầy lập-tức giùm chạy lại nhà ông Bá coi cướp-bóc làm sao ở đằng, tình-hình thế nào, rồi về cho tao hay. Chuyện này tao nghi lắm, tao phải chờ “con mế” tỉnh hồn lại mà cật-vấn mới được. Giùm mau đi Năm!

Thằng Năm lật-đật thoát ra mà vẫn căn-nhẫn căn-nhẫn:

- Ủ, tao cũng “nghĩ” lắm, chỉ thương-hại cho tao không ăn mà chịu, rủi thời mang nhục cả lũ mà coi!

Tôi đi tới đi lui trong nhà, bóp đầu suy-nghĩ vì “cục nợ đời” vẫn còn nằm thêm-thiếp, thì thằng Năm đã hào-hển chạy vào:

- Tao lạy mây, tao lạy mây, mây mau đem “con mẹ”, trả chỗ nào thì trả, không thì vạ tới nơi...!

- Thong-thả mà nói , làm gì rồi-rít lên như thế?

- Thong-thả sao được, ông Bá vừa bị một người cầm dao vào hăm-dọa đòi giết rồi nó trối ổng lại, dắt con gái ổng đi. Ổng la rầm lên, thiên-hạ đang đuổi theo lục-soát lùm-tum-beng kìa!

Tôi nghe thằng Năm nói, hồn phi phách tán cứng họng chẳng ra lời.

- Bây giờ mây đứng “chết trân” đó mà chịu hay sao? Đây, tao vừa nghĩ được một kế cứu mây: Tụi mình áp khiêng “cục nợ” đó ra đầu ngã ba này rồi đồng la lên: “Bớ người ta! Ai nằm đây!”, cho thiên-hạ đổ lại “rước” con mẹ về là xong!...

Thằng Năm nói dứt lời kéo xեն tôi lại vắn nhận đầu tôi xuống, khiêng “nàng” lên.

“Nàng” vẫn còn chưa tỉnh hẳn...



Đêm ấy, sau khi tìm được con gái ông Bá, “họ” còn bắt được cả thủ-phạm: thằng Tư Rõ! Nội vụ đưa ra làng, giao cho Hương-quản làm “ăng-kết”.

Trên bàn Hương-quản tại nhà công, một cây dao sắc lẹm để nằm làm tang-vật. Thằng Tư Rõ bị trối ké ngồi cú-rũ ở góc phòng. Ông Bá khép-nép đứng cạnh đó và một dọc dài chứng-cớ... có cả tôi và thằng Năm!

Thầy Hương-quản là một người ốm mảnh-khảnh nhưng có một bộ râu dữ-tợn, cặp mắt oai-nghi, trông vào ai cũng hết vía.

Thầy ngồi giữa bàn, ngậm cái ống cối to-tướng, nghiêm sắc mặt, kêu ông Bá hỏi trước:

- Sao, ông hãy thuật đầu đuôi gốc ngọn cho làng nghe!

Ông Bá khúm-núm:

- Thừa thầy, cách đây một năm, tôi thấy thằng Rỗ này khá đũa, biết lo làm ăn, nên tôi định gả con Hai tôi cho nó. Tôi kêu nó về ở rể đúng năm rồi sẽ chọn ngày lành tháng tốt cho chúng nó nên vợ nên chồng.

Mấy tháng đầu về với tôi, nó làm việc lực-bạt biết chiều-chuộng tôi, biết lo bốn-phận. Không dè khi gần ngày cưới bỗng-thình nó phát lên làm biếng, làm nhác, không chịu làm việc nữa, cứ rủ-rê bạn-bè nó lại phá gà, phá vịt, hoặc thả đi luông-tuồng. Tôi rầy la mãi không được, túng tôi phải hăm nó: nếu nó còn giữ thói đó nữa, thì tôi tổng cổ nó ra ngoài và không gả con cho nó. Nó vẫn không nghe, tôi buộc lòng tôi phải đuổi nó.

Thằng tư Rỗ đang ngồi, vùng đứng dậy dợm cãi, nhưng bị anh Cai-tuần chụp dè cổ xuống, và thầy Hương-quản trợn mắt, làm nó phải ngồi lại nín khe.

Ông Bá tiếp theo:

- Thế rồi gần tháng nay tôi tưởng nó về với cha mẹ nó, không dè đêm hôm, tôi đang nằm ngủ quên giữa ván nhà, bỗng đâu nó đẩy cửa nhảy xổ vào, phóng lên ván, câu hai cẳng dè cứng mình tôi, tay đưa dao hăm-dọa: “Ba la lên một tiếng tôi phụng một cái rụng đầu!”

Tôi sợ quá năn-nỉ nó, nó không buông, còn lấy dây trong áo trói tôi lại, rồi xông vô buồng bắt con gái tôi đi...

Ông Bá khai rồi đứng sang một bên. Đến lượt thằng tư Rỗ được Cai-tuần dẫn lại giữa bàn.

- Sao, thằng chó chết này, mầy phải khai cho thiệt! Thầy Hương-quản ra lệnh.

Thằng tư Rỗ hăn-học từ lâu, được phép cho nói tuôn ra một hơi:

- Bẩm thầy, ông nói láo! Ông hứa gả con Hai cho tôi, ông bắt tôi về ở rể, đây tôi như đây-tớ mà cấm tôi không được nói chuyện với vợ tôi tiếng nào. Rồi gần đến ngày cưới, thành-linh ông đuổi tôi đi. Tôi năn-nỉ hết lời, ông cũng không chịu cho tôi ở lại. Tôi chắc ông giận tôi chuyện gì nên bóp bụng ra về, định chờ ông nguôi-ngoai sẽ năn-nỉ xin cưới.

Không dè mới đây người ta cho tôi hay rằng ông đã kêu thằng Út ở xóm trong vào ở rể nữa.

Tôi tức-mình đón vợ tôi gạn hỏi. Té ra ông ép vợ tôi, không cho đi đâu khỏi nhà. Biết rằng vợ tôi nó cũng thương tôi lắm, mà ông thì độc-ác không thể năn-nỉ được, tôi vẫn chiều lòng đến lạy-lục ông năm bảy phen. Lần nào ông cũng đuổi tôi như đuổi chó.

Tức quá, tôi mới xách dao lại hăm ông, đó là sự bất-đắc-dĩ, xin thầy xét lại cho tôi nhờ.

- Mày có dè, trói, và hăm giết ông không?

- Bẩm có, vì ông thấy tôi, ông muốn la, tôi dè ông trên ván và nói: “Nếu ba không gả nó cho tôi, tôi sẽ lấy đầu ba.” Tôi nói vậy là để cho ông sợ, ông gả con Hai cho tôi, chớ tôi không tính giết ông.

- Được rồi! Rồi sao mày trói ông lại mà cướp con gái ông đi?

- Bẩm, ông năn-năn không chịu, ông nói rằng tại vợ tôi muốn vậy. Tức quá tôi phải trói ông lại, chạy vô buồng hỏi, và biết rằng có nói cũng vô-ích, tôi đánh liều tính dẫn vợ tôi đi ít lâu rồi về thú-phạt. Đó là vợ tôi chịu theo tôi, chớ tôi đâu có bắt ngang...



Làng làm ăng-kết xong, liền giải thẳng tư Rõ ra quận.

Tôi không chờ biết kết-cuộc ra thế nào, chán cả kiếp sống ở đồng, nghĩ tủi tấm thân bảy thước của mình mỗi lần phải cụng đầu với con gái ông Bá.

Tôi không phải cây cỏ gì mà không biết ơn nàng khi nàng không hề hờ môi cho ai biết vụ tôi đập nàng một cây và tôi công nàng về nhà đêm ấy.

Nhưng mỗi khi gặp nàng ở đâu là nàng ngó tôi một cách khẩn-thiết như muốn bày-tỏ một sự gì, rồi nàng dòm xuống cặp giò cười mỉm. Tôi hiểu là nàng muốn nhắc tới ngọn roi tre cũ, nhưng tôi tâng-lờ quay đi...

- Không được mày Năm, ở đây rồi phải chết một cửa tứ! Coi bộ con mẹ... “cảm tao” rồi mày ơi.

- Tùy mây, mây muốn sao cũng được. Đi, ở là quyền của mây. Nhưng tao nghĩ mà tức-cười, nếu hôm trước “con mẹ” tỉnh, và “con mẹ” quyết nằm lì ở nhà mình, thì chắc “thế-cuộc” giờ đã đổi khác, đâu còn cái vụ quẩn-quít giữa “cành tre cũ với cặp giò xưa”.

ĐỒNG-TRÁC BIẾT SẬP GIÀN

Ghe hát bộ bầu Tèo hôm ấy đã thấy chèo đến đậu ngay trước đình làng. Con nít chạy bu theo trên bờ kinh, vỗ tay la rầm-rĩ:

- Bầu Tèo ở cù-lao Heo tụi bây ơi!

Đình đang buổi kỳ-yên. Người ta dọn sẵn-sàng tất cả, chỉ chờ ghe hát đến là lên giàn.

Bạn hát được dân làng phụ giúp, chỉ non nửa ngày là cất rạp xong đâu đấy.

Chiều đến, họ có thể giống trống xây châu. Làng đã nhứt-định hát ba “thứ”, mỗi “thứ” ba chục, tùy ông bầu chọn tuồng, miễn cho xứng-đáng thì thôi. Và nếu được vừa lòng, làng sẽ tùy-tiện mà thưởng thêm là khác nữa.

Làng lại cho ông sáu Lý phụ đóng thêm một vai trong tuồng nào cũng được.

Ông sáu Lý là tướng hát rành nghề. Trong giới hát bộ, đã đành rằng không đào kép nào là chẳng biết danh ông, mà thậm-chí đến dân làng hể nghe đến tên ông, là hăm-hở phục tài.

Năm nay ông đã già. Ông có bộ râu hơi dài và người ông hơi ốm. Nhưng không vì thế mà tài ông giảm đi.

Chẳng những ông hát hay mà ông lại có tính vui-vẻ bất-thiệt, ở cảnh-ngộ nào ông cũng làm cho người ta vừa bụng, nhất là đám trẻ-con trong làng. Hể chúng gặp ông đâu là nài-nỉ xin ông “đi” cho một bộ Trương Phi hay Triệu Tử.

Ông vò đầu chúng, rồi sẵn lòng bẻ một cành cây làm roi ngựa, giả đá giáp, hất râu, múa lăn chiêng y như trên sân-khấu.

Ngoài ông sáu Lý, làng lại cử ông Chánh-bái cầm châu.

Ông này lại có cái đặc-biệt khác.

Gánh hát nào đến cũng phải cậy nhờ ông.

Được một người cầm châu giỏi, đúng phép, không tư-vị, biết giục lòng, con hát mới phấn-khởi, mới hả-hê.

Một tiếng “thùng” cũng đã làm cho họ sung-sướng mà hai ba “châu” liên-tiếp lại còn làm cho họ nở lòng.

Ông Chánh-bái trong làng thường bảo:

- Mình cầm châu không đúng-đắn, bọn hát nó khi, nhiều khi nó dễ-người lờn mặt. Ôm châu như tôi, tôi đổ đào kép nào dám ra hát “ầu” đặng lãnh tiền. Không một tiếng trống của tôi, cũng đủ cho họ bị bầu gánh cúp tiền cỡ đêm đó...

Mà thật ông Chánh-bái rành điệu cầm châu tự hồi ông còn ở chức Hương-thân kia lận.

Tiếng đồn ông sáu Lý hát và ông Chánh-bái cầm châu được truyền đi liên khắp xóm.

Người ta thấp-thỏm chờ đến buổi chiều. Trẻ-con rộn-rức đòi áo quần, xin xu ăn bánh; các anh trai-tráng nôn-nao bỏ giấc nghỉ trưa, ở luôn ngoài ruộng đợi chiều về sớm một chút; các cô gái, mặt trời chưa chênh bóng là đã lo làm cá nấu cơm.

Khi tiếng trống “thùng thùng” nổi lên trên xóm đình, thì dọc theo bờ ruộng đã thấy lũ-lượt kẻ năm người ba kéo nhau đi xem hát.

Sân đình trước là một đám cỏ cú cao nghều-nghiệu, chỉ sơ-sơ trong nửa buổi là bị dấu chơn người giẫm lên sát-rạt.

Trước rạp, người ta dọn-dẹp sạch-sẽ, sắp một hàng ghế dài để dành riêng cho các bậc kỳ-lão và hương-chức; kế đó là ghế của tư-nhân. Họ khuân từ nhà đem lại, chen nhau giành chỗ.

Giàn hát cất không được cao; bên trái là buồng kèn nhạc, bên phải là buồng của kép hát sắm tuồng. Chính bên phải là chỗ để trống châu cho ông Chánh-bái ngồi.

Hai ngọn đèn “măng-sông” được treo tròn-ten trên cao, trước rạp.

Ba hồi trống cơm “tùm tum, tùm tum”, báo rằng đào kép sắp “ra tuồng”, mà tội quá, đám con nít cứ chen-lấn nhau kêu la ầm-ĩ. Chúng trèo nịu, đánh đeo ở hai bên giàn coi đàn kèn và coi các ông tướng vẽ mặt.

Hai anh Cai-tuần lãnh coi trật-tự đuổi thế nào chúng cũng không đi. Tức quá, họ bẻ roi quất bổ trên đầu, trên lưng làm chúng kinh-hoảng lẫn nhau té đùn cục.

Nhưng một lát, chờ khi anh Cai-tuần rón đi chỗ khác, là chúng lại leo lên bu xung-quanh như kiến. Ông Chánh-bái là người hiền-từ thuở giờ, bị chúng chen-lấn quá, ngồi chầu không được, ông phát giận dữ, phải giơ dùi trống lên “khện” cho mấy đứa đến u đầu.

Đêm ấy hát tuồng Phụng-nghi-đình. Chính ông sáu Lý ôm tong, bây giờ độn cái bụng to, mặc áo rộng xù xì đóng vai Đồng Trác.

Mỗi lần ông đi kệ-nệ, vượt râu, đưa quạt lên trời hất-hất, là mỗi lần người ta la ó dậy.

Lữ Bố là một anh chàng trai-trẻ, mặt đẹp như con gái, giắt hai lá cờ soái hai bên lưng, thắt cái bông tròn trước ngực, đội mũ kim-khôi, tay cầm phượng-thiên họa-kích, oai-vệ vô-cùng.

Điêu-Thuyền là cô đào chánh của gánh hát, mặt hoa da phấn, yếu-diệu thướt-tha, màu-mè cặp-bồ với Lữ Bố thật xứng lứa vừa đôi.

Anh chàng Lữ Bố có cái bộ ghen tuyệt-diệu. Mỗi lần anh hăn-học với Điêu-Thuyền là mỗi lần mấy cô ngồi chen nhau ở “hạng ba” véo nhau gần nhảy nhồm, và hít-hà chặt lưỡi như đám thằn-lằn kêu đói ở trong đình.

Một điều đáng để ý là sau lưng các cô, đổ một chị đàn-bà nào, một ông già bà cả nào, hoặc một đứa con nít nào bén-mảng tới được. Toàn là bọn thanh-niên đầu chải bóng-láng, chen-chúc nhau đứng cặp-kè, rọ-rạy nói chuyện vang trời. Đứa thuộc Tam-Quốc, nói thôi vô-số kể, đứa phê-bình kép hát, có đứa lại nói tiếng tây!

Đã vậy mỗi lần ông sáu Lý vỗ cái bụng phệ làm cho người ta cười ngả nghiêng, ngả ngửa, thì phía ngoài thêm một vài cậu lừa thế thò đầu vô, hai tay vệt đàn-bà con-nít, mắt liếc coi phía nào có mấy cô là chen tới.

Đàng kia, ông Chánh-bái đã bỏ dùi xuống làm u đầu năm bảy đứa con nít rồi, nên chúng tức-tối lập thế trả thù.

Chờ đến hồi “cục-lạc”, lúc Lữ Bố ghen nhảy sấn lại cắn, véo, đánh yêu Điêu-Thuyền, ông Chánh-bái sửa gọng kiếng lại ngay-ngắn, ngồi nhìn chết sững, chúng bèn hốt nào cát, nào bụi, nào xác mía lén-lén để đầy lên mặt trống.

Ông Chánh-bái gặp lúc say-mê, vô-ý không dòm trước dòm sau, giơ dùi thẳng cánh “chầu” liên-tiếp. Tiếng trống vừa kêu “thùng” là cát, bụi, xác mía bay tưởi lên lấp đầu, lấp mặt ông. Ông đỏ mặt tía tai, quơ dùi “lia”, xung-quanh con nít té lăn đùn cục, kêu khóc om-sòm.

Nhưng, thiên-hạ ai cũng để hết tinh-thần vào lớp “cụp” ấy, ông Chánh-bái có làm gì, con nít có la bao nhiêu, cũng không ai màng tới.

Có vài chị đàn-bà bỗng con, tay vạch áo đưa vú cho con bú mà mắt chăm ngay lên sân-khấu, hồn gởi trọn cho Điêu-Thuyền. Đứa con ngậm vú không được vùng khóc ré lên. Chị ta không kể đến, cứ đứng sững giơ tay đánh chan-chát vào đít đứa con. Đứa bé khóc ngất.

Đang hát “cụp” quá mà trời lại vần-vũ kéo mây và trong giây-lát mưa nhều hột lâm-râm.

Đám người vẫn không thấy nhúc-nhích.

Kịp khi một ngọn gió lạnh thổi qua, mưa tuôn ào xuống, họ mới vệt nhau chen-lấn lại gần gần, có cái mái che cho hương-chức.

Lại càng là một dịp cho các cậu trai giành nhau xô mấy cô gần ngã sấp.

Tội-nghiệp, cô mất guốc, cô mất giày, vừa lom-khom xuống lượm liền bị chúng ùi té nhúi.

Nhưng mặc, các cô vừa chửi-rủa rùm trời, vừa mò mò quyết tìm cho được giày guốc mới nghe.

Mưa lớn quá. Lũ con nít bu lại hai bên giàn, đeo như ong.

Ông Chánh-bái không cầm chầu được nữa; ông đã lạc đầu trong đám người hỗn-độn.

Trên rạp, Đồng Trác (ông sáu Lý) đang cầm cây phượng-thiên họa-kích đuổi theo phóng Lữ Bố, bỗng-nhiên đứng dừng lại kêu to:

- Con nít xuống bớt! Coi chừng sập giàn!

Nhưng ông kêu mặc ông, con nít vẫn ùa nhau chen-lấn và chỉ trong chốc-lát tiếng cây gãy răng-rắc, dây buộc nghiêng cò-ke, giàn hát đang rung-rinh, bỗng-nhiên “vươn mình”, như một kẻ liệt gân rồi “sụn” xuống...

ÔNG TƯỚNG “THẦY BA”

Hai người dọn đồ xuống đò hôm ấy chính là tôi và thằng Năm. Biết lắm! Nghề gì thuộc về “tà-đạo” thì sớm muộn cũng bị tổ trác! Tôi thường bảo thằng Năm như thế, nhưng chứng nào tật ấy, nó có nghe cho đâu.

Kiểm ăn được một mẻ “Châu Xương”, nó bắt bén trở nghề. Ban đầu trị bệnh con nít, mắc con “sát”, con “trùng” gì ấy, lần lần nó bắt qua chữa bệnh người lớn. Ai đau gì nó cũng trị được, ai mắc gì nó cũng chữa được. Đó mới là cái... biệt-tài.

Mỗi lần thằng Năm xách “ông tướng Thầy Ba”, đi đâu, tôi căn-dặn kỹ:

- Mày...cho khéo...coi chừng...!

Nó liền trả lời gọn:

- Bảnh mà!

Tôi có thể nói cách kiếm ăn của chúng tôi lúc đó cũng hơi bất-lương, nhưng lỡ nghèo sinh kế biết sao bây giờ!

Mà cũng may, cái thằng vậy mà “bà cậu độ”, được thiên-hạ hoan-nginh.

Lần nào về thuật lại cái may, nó cũng cầm “ông tướng Thầy Ba” vuốt-ve rồi hình mặt:

- Ông linh lắm mày à!

Lời nói này kết-quả ngay ở nhà ông Phối-sư Cụt!

Hôm ấy, nó rủ tôi cùng đi. Nó bảo:

- Con nhỏ đau dó bảnh lắm, mày đi với tao lấy hên, biết đâu khi tao thối phép cho nó mạnh, ông Phối-sư không cảm-cảnh gả quách nó cho mày... hay cho tao?

- Tao mà làm cái mớ mớ gì mậy. Mày có công thì mày hưởng chứ!

- Ấy, đi, tao làm cho coi mà!

Thằng nó biết giằn trận coi cũng khá-khiến, phải tay thầy bùa.

Con gái ông Phối-sư đau nằm trong buồng, nó xin giàn trận ngay trong buồng:

- Bệnh tà thì phải biết, đem đi đâu được! Nó bảo như thế.

Mà thật, cô ấy tối ngày cứ ợ ngáp, lên lên, xuống xuống. Đang nằm yên, bỗng la rầm lên, la một chặp rồi nằm xuống. Có khi cô nhảy xuống đất đánh vỗ tươi-bời, xé rách ten cả quần áo rồi ôm cột giường mà khóc!

Thằng Năm bảo đó là một con “tinh” dữ, ở “miền dưới” muốn bắt cô ta theo nên hành-hạ dữ quá!

Nó đánh phách với ông Phối-sư:

- Phi tôi, đổ thằng cha thầy nào trị nổi!

Nó đòi giấy vàng, son tàu, bút lông để họa phù trấn bốn góc buồng.

Sau khi giắt bốn lá bùa trên lưng tôi và ông Phối-sư đóng trấn-thủ ngoài cửa buồng, nó nai-nịt gọn-ghẽ, một tay xách cây dao “đan-tô” với cái hũ không, thứ hũ đựng cái tăn-xại, một tay cầm ông tướng Thầy Ba, nhảy xổ vào bắt tà.

Vừa kéo cửa phòng cái rột, nó đóng kín mít lại liền, không cho con tinh nào có ngả mà thoát ra.

Trong buồng, thằng Năm đã bật lên một câu thần-chú:

- Án thiên-la địa-võng, án đông bình, tây định, nam, bắc, trung-ương định!..

Đó là nó hét lên để thị-oai, rồi dụ giọng. Mà chính cái lúc nó dụ giọng mới là lúc người ta ghê mình:

- Hiu-hiu gió thổi lộng đàn tiên, ngày hôm nay sư tướng đến đây, trên thánh-tổ quang-minh chứng-giám, bủa địa-võng bốn phương vững-chặt, bố thiên-la ba cõi trùng-trùng, các hồn nào quấy-nhiều mêng-lung, phá dương-thế bắt về lập-tức...

- Ở là hồi âm-binh ời!...

Tôi đứng ngoài nghe lạnh xương sống, mà dòm ông Phối-sư cùng người nhà mặt mày ai nấy cũng tái xanh.

- Ở là hồi âm-binh ời!...

Ai có ở vào đêm thanh-vắng, tin-tưởng ở chỗ mình có con “tà” đang lộng, nghe đến đây mới biết cái “ghê mình” ra làm sao!

Cốt-ý thằng Năm là bắt cho được con “tinh” nhốt vô “hũ tăn-xại” rồi dán bùa lại, tổng đi. Nó đã bảo trước với ông Phối-sư:

- Để tôi bắt được rồi, ông coi, nó kêu rên trong hũ, xin tha-thứ đủ điều!...

Đến đây tôi mới hiểu được tại sao trước ngày đó thằng Năm rủ tôi đi kiểm bắt con “ong bầu” gần ứ hơi.

Nhưng tiếng thằng Năm bỗng im bật, thay vào tiếng giậm chân rầm-rầm dưới đất và tiếng thổi phèo-phèo.

Có lẽ là anh ta trợn mắt phùng mang thị-uy với con “tinh” dạng “xáp lá cà” với nó.

Tôi đứng ngoài hồi-hộp lạ-lùng.

Ông Phối-sư chấp tay vái nho-nhỏ:

- Nhờ Đức Thầy, Trời Phật chứng-minh phò-hộ, cho con tôi thoát nạn.

Bỗng-nhiên, trong buồng, con gái ông Phối-sư la lên bài-hải:

- Ái ái, thằng cha thầy chó này, sao mầy dám ôm tao? Buông ra không?... Buông!... Guốc nè!...

Rồi... bộp... bộp... tiếng guốc tiếp theo, và sau cùng tiếng thằng Năm:

- Chết tôi rồi trời ơi!...

Tôi cùng ông Phối-sư tông cửa chạy vào. Cô gái đang đứng chống nạnh cạnh giường thờ hào-hển, còn thằng Năm thì ôm đầu ngồi dưới đất rên hi-hì:

- Ui cha! Con “tinh” dữ quá!

Đêm sau, chúng tôi dọn đồ, len-lén ra đi.

Thằng Năm xách chiếu đem trải trước mũi ghe, nằm buồn dầu-dầu, thỉnh-thoảng thò tay khoát nước, nhìn hai bên ven bờ rạch Ruông, rạch Ráng, rạch Cui...

Cứ mỗi vòm kinh thoáng qua là tôi thấy thời oanh-liệt của thằng Năm không còn mà tôi cũng chưa biết làm nghề gì ăn đây nữa.

Tôi lắc đầu nhắc lại:

- Liệng hắt ông tướng Thầy Ba của mầy cho rồi! Đã bảo coi chừng tổ trác mà mầy cứ dễ-ngươi, bây giờ có phải co tay nhịn đói không?

- Mầy cứ bấy nhiêu mà nói mãi, hèn gì không làm nên được danh sự gì! Ván bài hể không chín thì bù, đánh “mẹ” nó một tụ, cho nó ra sao thì ra!

Ở đời không làm được Phật, thì làm ăn cướp chớ có gì mà lo mậy!...

ĐẠO

Mấy con vạc ăn đêm đã bắt đầu bay đi kêu oang-oác ngoài trời, và bầy muỗi đã vỡ lên như ong, mà ông chủ Thìn vẫn chưa thấy lại.

Ngóng mãi không được, Giáo Xệ nóng lòng mời khách:

- Thôi, quý ngài cứ việc dùng, ống lại sau ngời sau, hơi nào mà đợi nữa.

- Hay ống quên? Phó-xã Việt lên tiếng.

- Dễ quên không, tôi sai trẻ đến nhà mời hai ba lượt, ống bảo về, rồi ống lại kia mà!

- Ống là người trưởng-thượng, mình ăn trước có khi hỗn!

- Không hại! tại ống trễ chớ có phải tại mình sớm đâu!

Thế rồi họ cầm ly.

Nhấp đầu được vài miếng, bỗng-dưng Đình Uýnh kêu lên:

- Kìa ông Chủ lại kìa!... mà miệng còn nhai dở miếng chả giò to-tướng.

Ông Chủ lại thật.

Tay cặp cây dù cán tre, tay xách bầu rượu với đôi guốc, ông xăm-xúi đi vào.

Con chó vàng nhảy chồm lên chực sủa, nhưng rồi lui lại gầm-gừ.

Giáo Xệ sợ mịch lòng, khúm-núm:

- Bẩm Chủ, chúng tôi đợi mãi không thấy Chủ lại, sợ Chủ có việc nhà, nên chúng tôi vô-phép nhập tiệc trước.

- Ấy! hề-hấn gì đâu, hể “tiền đáo tiền toạ, hậu đáo hậu toạ”, thảo với nhau đủ rồi. Bị đợi thẳng nhỏ nhà đi lấy bầu rượu “đám đế” này đây nên mới trễ dữ vậy. Đây, các ông “nhấm” thử một người một ly coi, cái nước nhứt nó ngon kỳ ngon cục!

Ông rót một ly đầy rồi chễm-chệ ngồi xuống ghế đầu bàn.

Giáo Xệ chạy lằng-xăng, bưng ly rượu chát lễ-phép:

- Mời Chủ tráng miệng bằng thứ này! Thịnh-thoảng lại giục “mời Chủ!”.

Nhậm lễ xong, ông Chủ gật-gù, miệng chấp chấp, tay vuốt mấy cọng râu mép còn đọng vài giọt rượu lấp-lánh dưới ánh sáng của ngọn đèn toạ-đăng.

Đình Uýnh vừa nheo mắt vừa ngoạm thêm cái đùi gà xé phay; pháp-sư Năm ngó chăm-chăm chai rượu đế, lắng tai chờ ông Chủ nói chuyện.

Nhưng ông Chủ dường như quên khách vì ông đang bận “ngậm” cái cu-lăng để cho hết nước cốt.

Bỗng-dưng ông dừng ngay lại, nhìn về cuối bàn:

- Uý chà! Bữa nay có thằng Phó-xã nữa chớ. Thằng siêng quá, mầy ở trên Đồng Cộ hay giỗ hời nào mà xuống đây?

Phó-xã Việt vui miệng:

- Bấm Chủ, tôi theo màng-màng mỡ trôi trong rạch mà tìm tới!

- Vậy mà nãy giờ mầy nín khe; tao nghe tiếng đồn mầy nói chuyện “nghĩa-lý” khá lắm mà! Lên đây Phó-xã, lên đây ngồi chung với tao. Tục-ngữ người ta nói: “Hễ rượu vào thì lời ra”, nín khe đâu có được mậy! Tao rất ghét người nào ở theo sách, bắt-chước nào là... “Tửu trung bất ngữ chơn-quân-tử, tài thượng phân-minh đại-trượng-phu” gì đó!

Cái giọng ông Chủ đã “giàu” thêm lên bằng mấy tiếng ngữ-nghe và câu chữ được ông kéo dài thậm-thướt.

Phó-xã Việt khép-nép kéo ghế lên ngồi:

- Bấm Chủ, thiệt tình là tôi không dám, vì trong anh em đây, có Chủ là người trên trước, tôi phải kính-nhường. Bởi trong câu-chuyện có nhiều nguồn chân-lý, mà chân-lý là lẽ phải, không tư-vị ai được, tôi nói, e có điều gì không tốt. Vả, người ta thường bảo “Trung ngôn nghịch nhĩ”, mà tôi thì tôi vị chân-lý chớ không vị quyền-hành thế-lực lớn nhỏ gì ráo, sợ trong khi biện-bác, có điều gì xúc-phạm đến Chủ chẳng, nên tôi xin “thủ khẩu như bình” mà nghe Chủ!

- Thằng Phó-xã mầy lắm rồi, mầy há chẳng biết hời tao còn “đương vị hành chánh” mà còn không bao giờ “ỷ chúng hiếp cô” hay sao? Huống-chi ngày nay đã “cáo lão hời gia” rồi, tao càng trọng lẽ phải hơn nữa. Mà hễ vào đám tiệc rồi, ai cũng có tự-do đàm-luận, làm người quân-tử không câu-nệ gì ráo. Mầy không nghe “Quân-tử bất oán thiên hê bất vưu nhân” à?

- Bẩm Chủ, hể “nhứt ngôn thuyết quá” thì “tứ mã nan truy”, tuy nói vậy mặc-dầu chớ tôi có điều ái-ngại. Trong lúc đàm-luận, Chủ là bề trên, tôi là bề dưới, tài học tôi kém-cỏi không nói gì, sợ rồi khi lý-lẽ tôi hơn thì khó coi quá!

- Quyền-chức lớn nhỏ không kể, người ta chỉ kể tài-đức. “Đồng bất quá thiên, cường bất quá lý”, Phó-xã mầy đừng lo, tao biết điều lắm...

Ông chủ kết-thúc mỗi câu bằng một “nhắm” rượu và một cái cười... gay-gắt, nó tăng vẻ gay-gắt của một cái mặt nhiều nét nhăn mà phút-chốc đã... hồng-hào!

- Vậy thôi cũng được, nể lòng Chủ cho phép, tôi xin vâng lời. Vậy Chủ hãy cạn ly rồi Chủ ra đề tôi mới dám nói, chớ lạm-xạm đã không ra gì, mà có khi mấy ông đây còn cho tôi... say là khác!

Pháp-sư Năm này giờ ngồi nghe khoái chí, ực một hơi ba ly rượu đế, chấp chấp ngon-lành rồi cầm rót thêm ly mình và ly khách.

Đình Uýnh cứ ngồi gắp mãi đĩa thịt rừng nhâm-nhi, tự-do như ở nhà mình.

Ông Chủ Thìn uống cạn ly, mỉm cười:

- Hay! Hay! Thăng Phó-xã coi vậy mà ăn nói lưu-loát quá. Thôi, đề-đặt gì cho mất công, chúng ta là nhân-loại, lấy “đạo” làm đầu, thăng Phó-xã mầy “ngôn-ngữ như lưu” cắt-nghĩa thử chữ Đạo nghe chơi!

- Bẩm Chủ, bề nào tôi cũng là kẻ hậu-sinh, vậy xin nhường Chủ giảng trước cho nghe, rồi tôi sẽ tùy theo mà phụ-hoạ!

Uống cạn ly nữa, ông Chủ khề-khà:

- Thôi... cũng được!... Về chữ Đạo thật là khó giải. Phần thì chữ nho mắt-mỏ, tùy theo sở-học của người cao thấp, khó mà nói cho rành, phải không a... mậy Đình.

Đình Uýnh đang mê ăn, giật mình ngược mặt toan trả lời, thì ông Chủ đã tiếp:

-... Nhưng vậy, có lần tao nghe sư Muôn giải nó như vậy: “Âm dương hiệp nhứt, tự mình tẩu”, nghĩa là: chữ Đạo có hai chấm phết trên là âm dương, gạch ngang là hiệp nhứt, dưới có chữ tự là tự mình, bên là chữ chi phảy ngay, sư Muôn do cái phết dài gọi rằng: “tẩu...” Tẩu của ông có nghĩa là tự mình chạy-

chợt tìm Đạo mới có Đạo! Tôi cho rằng giải chữ cũng có một cái điềm, chớ không, sao sư Muôn bây giờ phải tẩu ngược... tẩu xuôi... đúng không mậy Phó-xã?

Nhưng tao thì khác, tao cho rằng: “Âm dương hiệp nhứt tại mục.” Phết xuôi và chữ mục dưới, không phải tại mục là gì? Mình là con người, có cặp mắt, có tinh-thần tỏ-rõ để dòm ngó, để phân-biệt chân-lý, thế là biết Đạo rồi chớ gì...!

Cho rằng giải được như thế là cao-kỳ, ông Chủ cười chúm-chím, rót uống một hơi ba ly để thưởng... mình!

Bên kia đối diện, cũng không kém, các ông khách ngồi nghe mê-man, cứ mỗi cái gật đầu của Pháp-sư Năm là mỗi lần bầu rượu vơi đi một ít, và mỗi cái gắp của Đình Uýnh là liền theo một tiếng “trót” ngon-lành.

Riêng ông Giáo Xệ chủ nhà, đã yếu rượu mà rần theo cho kịp mấy ông khách gần hực hơi.

Bỗng Phó-xã Việt cười khè:

- Xin lỗi Chủ, sư Muôn giải chữ Đạo trật-lắt, còn Chủ chiết-tự ra còn... sái nát hơn nữa!

Ông Chủ giật mình, mặt đỏ gay, gần như tái lại. Ông trợn mắt:

- Thằng Phó-xã mầy nói sao? Tao giải trật à? Tao mà trật? Ủ, chữ-ngĩa mầy già hơn, giảng thế nào cho trúng nghe thử!

- Bẩm Chủ, tự-nhiên chê được là giải được. Chủ đừng quá nóng. Tôi đã nói “nghĩa-lý không tư-vị” kia mà! Đây, về chữ Đạo, thì tôi tự thích ra như vậy:

Hai chấm phết là âm dương, gạch ngang là hiệp nhứt, dưới chữ tự, bên chữ chi phẩy, là “Tự mình chi đó”!

Tự mình thông tri âm dương, biết phân phải trái, biết lẽ chánh tà, mới phải là Đạo hoàn-toàn chớ! Ấy là tôi chỉ chiết-tự sơ-sơ như thế, chớ nếu phải giải cho rành thì phải cắt-ngĩa tại sao chữ Đạo có liên-tiếp đến mười hai nét, mười hai hội của khí-vận tuần-huần, từ “tý, Sửu” chí ư “tuất hợi”...

Phó-xã Việt như hừng chí, hăng tiết cầm đầu nói, nói mãi quên dòm sau trước, chừng trực nhìn lại mấy ông khách và chủ nhà, anh ta trợn tròn, dứt ngay: Kẽ gục qua, người gục lại, riêng Đình Uýnh đã ngoẻo đầu khò-khò...

Đêm đã về khuya, Người nhà đều ngủ mất, xa-xa có tiếng chó sủa ở đầu làng.

Ông Chủ đang ngửa mình sau thành ghế vùng ựa ra một tiếng rất lớn, rồi cúi nhủ xuống bàn cổ gượng:

- Đạo! hay...hay...! Bọt-phe thẳng Phó-xã! Bọt-phe thẳng Phó-xã!..

QUỶ-VƯƠNG

Làng Thới-bình nép mình trong chòm dừa xanh rậm. Vài xóm nhà lá leo-heo ở dọc theo bờ kinh nhỏ, yên-tĩnh với tháng ngày.

Cứ mỗi buổi sáng là đàn-ông, đàn-bà lẫn cả con nít vác cuốc ra đồng, quanh năm làm bạn với mẫy mầu ruộng nhà, vài công rẫy khóm³.

Ở đầu kinh thông ra dòng sông Trẹm, một cái chợ nho-nhỏ nổi lên. Hai bên, hai dãy phố ngói đứng sùm-sụp chịu-đựng với nắng mưa gần như xiêu-vẹo.

Đây là nơi chứa-đựng một phần dân-chúng trong buổi sáng, đây là nơi người ta tìm những thức ăn, vật dùng.

Cứ độ hai ngày, con tàu Rạch-giá ghé ngang, đem lại nhiều hàng-hoá ở thị-thành.

Mỗi lần tàu xúp-lê đàng xa, là thiên-hạ nhao-nhao ra đón, chen-lấn ồn-ào. Rồi mỗi khi tàu đi, chợ tan, làng Thới-bình yên-tĩnh lại.

Dòng sông Trẹm lững-lờ trôi ngang và ban chiều, trong chòm dừa xanh ấy, mấy làn khói trắng bốc lên...

Người đàn-bà xong việc bếp-núc, ẵm con ra đợi chồng về, lâu lâu đuổi bầy gà đang bươi trên giồng rau cải.

Nhưng hôm nay, hai bên bờ kinh nhộn-nhip khác thường.

Trước mỗi nhà, người ta đứng quanh nhau bàn-tán, mặt đầy vẻ lo-âu: Quỷ-vương!

Chỉ một tiếng ghê-gớm ấy cũng đủ làm cho mọi người sợ-hãi.

- Quỷ-vương sẽ hiện lên và đi ngang con kinh này!

Bác tư Bốn chạy dài theo xóm dận:

- Coi chừng! đừng cho con nít ra bờ kinh.

Người ta cố dấu nét lo trên mặt, cố trấn-tĩnh bảo nhau:

- Quỷ-vương thì Quỷ-vương, sợ gì?

Nhưng họ vẫn thì-thầm: “Trời ơi! Rủi nó ghé lại làng mình...?”

Phút hồi-hộp đã đến. Họ nín hân. Vì đằng xa, giữa con kinh, Quý-vương đã đến trên chiếc ghe lườn không mui.

Quý-vương gồm có năm “ông”, ở trần trụi-trụi.

Giữa trời nắng như đốt, họ bình-tĩnh vui đùa như chẳng quan-tâm đến thiên-hạ đang lấp-ló trên bờ. Chốc chốc, mấy “ổng”, lại thi nhau nhảy dùng xuống nước, rồi lại leo lên ghe.

Ban đầu người ta tưởng Quý-vương phải là ghê-gớm đến bậc nào, nên họ nhút-nhát nhốt kín đàn-bà, con nít trong nhà. Nhưng chỉ chốc-lát, nỗi lo-sợ tan mất, con nít chạy ùa được ra ngoài bờ sông, vỗ tay reo ầm-ĩ. Có đứa dám đưa tay ra ngoắt:

- Ê! Quý-vương!

Bác tư Bốn tức-giận hơn ai hết. Bác chạy đầu này đầu kia, thở hào-hển phân-trần:

- Khốn-nạn quá! Có thằng Chột con ông Bính và con Út con chú Phó Cao trong đám ấy nữa.

Rồi ông hăm:

- Phải có súng, tôi bắn đưa một phát cho lìa đời.

Quý-vương ghé lại chợ Thới-bình với những gương mặt đầy kiêu-hãnh.

Chợ Thới-bình không còn vắng-lặng như xưa.

Người ta lấy làm lạ sao thằng Chột con ông Bính lại đổi tên là Hoàng-Hoa, lần-lần thằng Phình cháu ông Phó Tám đổi là Tuấn-Nghĩa, thằng Tích em Tuần Danh là Vân-Mộng, cho đến con Đẹt con gái chú Phồi cũng xưng là Thúy-Liễu và con Út con ông Phó Cao là Kiều-Nga.

Chúng thường đi cặp từng năm lũ ba thả rêu quanh chợ bất-cứ đêm ngày, và hễ gặp nhau là cúi đầu rất sâu, chìa tay ra siết chặt:

- Vân-Mộng xin kính chào Kiều-Nga!

hay:

- Thúy-Liễu này đa-tạ huynh-ông Tuấn-Nghĩa?

Rồi họ cùng nhau bàn-tán vang trời những tiếng Văn-minh, Hủ-lậu, Nữ-quyền, Giác-ngộ, v.v.

Cứ mỗi lần như thế, là người bên phố kêu nhau ra chỉ, trề môi, lắc đầu.

Bác tư Bốn càng giận thêm. Mấy hôm rồi bác ăn không ngon, ngủ không yên. Mỗi khi nghe ai thuật những cái lố-lăng của tụi ấy, bác trợn mắt lên, cung tay đập xuống bàn thành-thình:

- Tức lắm! Tức lắm!

Bác hội một vài bức tai-mắt trong làng lại, tìm cách bài-trừ:

- Tôi nhất-định không để bọn nó làm lộng trong chợ Thới-bình!

Sáu Mạnh, người lối-xóm bảo:

- Tôi thường thấy chúng nó tụ-hội ngoài đầu cầu để uống rượu và hát-xướng!

Một người khác:

- Úy mẽ ời! Con gái đâu mà làm chuyện nhục-nhã như thế được! Tôi thấy con Út cặp tay chúng đi nghêu-ngheo và có rủ tụi nó đi về nhà nữa!

Tội-nghiệp chú Phó Cao vô-phước, mắc ở trong rầy, đâu có hay con gái chú tác-tệ rồi!

Bác tư Bốn quyết-định:

- Tôi phải lợi vô rầy kêu chú Phó Cao về, lừ khi lữ nó nhóm-họp tại nhà chú, tôi giúp sức với chú hạ lữ nó cho kỳ được mới nghe!...

Thế rồi một buổi chiều. Làng Thới-bình chìm-đắm trong bóng hoàng-hôn. Vòm sông Trẹm chỉ còn văng-vẳng tiếng hò của một vài khách thương-hồ.

Trên bờ kinh, ba bóng người đang rảo bước về phía nhà chú Phó Cao.

Chú Phó Cao - vì chính chú - nghiêng răng tức-tối:

- Tôi không hiểu con Út làm gì mà quen với bọn nó?

Bác Tư Bốn châm đầu:

- Làng Thới-bình mang tiếng là khởi mầm làm tội-phong bại-tục đi rồi! Trời ơi, mỗi lần tôi thấy con Đẹt hay con Út nó bắt tay thẳng đầu-đẳng Minh-Tâm

hay Minh-Tánh gì đó, tôi gần như sôi gan lên!

Sáu Mạnh thêm:

- Mà cũng độc, con trai, con gái làng này tưởng như thế là “văn-minh” nên mê như chết!

Một người một câu cũng đủ làm chú Phó Cao cháy ruột:

- Tôi ghé nhà Thủ-bốn Tịnh mượn ba cây chổi chà, hai ông giùm phụ-lực với tôi quét sạch chòm ong lũ kiến này đi!

Trời đã tối mờ.

Con chó vàng nằm trước sân nhà chú Phó Cao chực sủa, nhưng chú đã chặt lưỡi nhè-nhe, vỗ đầu nó, vuốt-ve nó cho nó không lên tiếng rồi kéo sáu Mạnh, tư Bốn vào hàng ba.

Chú rón-rén lại dòm kệt cửa.

Con gái chú đang ngồi chung với ba bốn đứa con trai, lạ có, quen có, mạnh-dạn bưng ly rượu hô-hào:

- Mời các đại-huynh hãy uống hết ly rượu này, để chứng-kiến lời tuyên-thệ của tôi. Tôi hứa sẽ làm sao đánh thức các hàng nữ-lưu ở làng này tỉnh dậy, để được tiến theo kịp làn sóng văn-minh, các đại-huynh nghĩ như thế nào?

Một thằng con trai lạ, ngồi đầu bàn đứng dậy:

- Vạn-tuế bạn Kiều-Nga! Bạn nói rất đúng. Phải xua-đuổi cái hủ-lậu đi, phải đưa trình-độ chúng lên cao, phải cỡi dây xích của gia-đình đang trói chặt họ, phải vứt đi không chút gì mền-tiếc!

Một tràng pháo tay nổi lên.

Máu giận chú Phó Cao tràn lên óc, không còn sức-lực đứng nghe nữa, chú tông cửa kéo tư Bốn, sáu Mạnh xông vào, quơ chổi vừa đập bừa, vừa hét:

- Đây! văn-minh đây! hủ-lậu đây!...

Thấy mặt chú Phó Cao, tất cả hoảng-hốt, chưa kịp đứng dậy, đã bị một trận đòn chổi như bão táp.

Chúng xông-xao, té lẫn ra, bò càng, mạnh ai nấy kiếm đường tẩu-thoát.

Bác tư Bốn quơ chổi lia-lịa, la rầm lên:

- Bớ làng xóm, bớ người ta, tiếp bắt Quỷ-vương!

Bao nhiêu chó trong làng hè nhau ra sủa làm huyền-náo một góc trời.

Đàng xa, tiếng mõ nổi lên vang lừng... Những ngọn đuốc sáng loà trong đêm tối, như sao băng, chạy dồn về tiếng kêu cứu.

Minh-Tâm thoát được ra ngoài, hồn phi phách tán, lăn xả theo Vân-Mộng kêu khe-khe:

- Vân-huynh, Vân-huynh! Đợi đệ theo với!...

Làng Thới-bình từ hôm ấy yên-tĩnh lại trong chòm cây dừa. Những làn khói trắng trong mấy mái nhà lá nhẹ-nhàng bốc lên buổi ban chiều.

Dòng sông Trẹm lững-lờ trôi vắng-lặng...

TIẾNG HÒ TRONG ĐÊM VẮNG

Thầy ơi thầy, dậy mà nghe con nhỏ nó hò!

Tôi giật mình giụi mắt hỏi anh chèo: “Tối đâu rồi anh?”

- Dạ, vừa qua khỏi vàm Rạch Bần!

Tôi chồm ra ngoài nhìn cảnh vắng. Bên vàm, hàng dừa nước âm-u lâu lâu thấy le-lói một ánh đèn; bên bờ kia thỉnh-thoảng nghe tiếng chài giã gạo, tiếng chó sủa đêm.

Đêm nay chỉ có vành trăng hai mươi, nhưng sao đầy trời góp ánh sáng lại làm cho cảnh-vật thêm ảo-huyền thơ-mộng.

Một làn gió nhẹ thoảng qua, tâm-thần tôi thêm khoái-sảng.

Vắng xa, những giọng phù trầm êm-ả của một điệu hò mê-ly, đặc-biệt chốn đồng quê, rõ lẫn trong lặng-lẽ.

- Anh chèo ơi, lời mái đợi họ lại gần, đi cho có bạn và nghe hò chơi anh!

- Xin lỗi thầy, nghe giọng hò của “con nhỏ”, tôi đã rụng-rời, lời mái tự nãy giờ. Thế nào tôi cũng lên tiếng.

- Anh cũng biết hò nữa sao?

- Điệu-nghe mà thầy! Nói gì, gặp phải tri-âm, thức hò mấy đêm cũng không biết mệt.

- Ủ! hò đối-đáp nghe chơi, mà anh phải rán làm sao chớ để thua con gái, nhục lắm!

- Dễ không, để tôi bắt trớn cho thầy coi mà! Kia, nó đã lại gần, tôi phải giáo-đầu “nhập-đề” mới được.

Hò hớ ờ ơ...

*Bạc với vàng còn đen
còn đỏ,*

*Đôi đưa mình còn
nhỏ thương nhiều,*

*Vừa nghe tiếng em là
anh muốn như anh Kim-
Trọng thương chị Thúy-
Kiều thuở xưa... ơ...*

Hồ xong, anh ta đặc-chí:

- Đó thầy coi, thế nào rồi nó cũng trả lời, “điệu-nghe gặp nhau, là mầy tao quẩn-quít”!

Giọng phũ trầm ngừng đi một chặp. Chúng tôi yên-lặng chờ. Quả-nhiên không sai lời anh chèo nói: “điệu-nghe mà gặp nhau, là mầy tao quẩn-quít”, tiếng hò lại nổi lên:

*Hồ hơ... ớ người
không quen ời,*

*Nghe anh, em cũng
muốn thương nhiều,*

*Nhưng hoa đà có
chủ, khá chiều dạ anh...*

Anh chèo xoa tay trả lời tức-khắc:

*- Hồ hơ... chim kia
còn thả-thả trên cành,*

*Nghe em nói vậy, dạ
không đành rẽ phân...*

Giọng trầm cũng không chịu nhin:

*- Hồ hơ... Bình-bồng
ở giữa giang-tân,*

*Bên tình, bên nghĩa,
biết thân bên nào?...*

Anh chèo rối-rít:

- Đó thầy coi, ngon chưa? Trời ời, cái giọng đáng yêu làm sao!...

- Hồ hơ, ớ em ời...

*Nhút lê, nhì lựu, tam
đào,*

*Bên tình, bên nghĩa,
bên nào cũng đồng
thân.*

Rồi anh lắng tai chờ.

*- Hò hơ, nói mà chơi
vậy chớ: Gió thổi hiu-
hiu, lục-bình trôi riu-
ríu, anh đừng bận-bịu,
bớ điệu chung-tình, con
nhạn bay cao khó bắt,
mà con cá ở ao quỳnh
cũng khó câu...*

Anh chèo đã thấy đổ mồ-hôi, nuốt nước miếng bảo với tôi:

- Không được, tôi chưa hề gặp con nhỏ nào hò “chiến như con nhỏ này, nó làm bộ có chồng để thử mình, rồi bây giờ lại làm cao, nếu ở hò cù-cửa, thế nào mình cũng bị nó “hạ”. Vậy tôi phải trở hết nghề đem điệu hò dài ra “tấn-công” cho nó “ứ nhựa” họa may nó mới “xếp giáp quy-hàng”.

*- Hò hơ... Ở này em
ơì, em hãy nghe cho kỹ:
xưa nay gái không cưới
chồng, trai không ở
goá, đoái thấy nàng
xinh đã quá xinh.
Buông lời vừa vổ vể
non, nếu như nàng lo
việc cháu con sao
không kiếm chốn trao
thân gởi thế?*

Trên đời bá công bá
nghệ, dưới lại là tứ thú
tứ dân. Làm người sao
khỏi chữ lương-nhân,
mà nàng chịu để phòng
không ở goá? Sách có
chữ rằng phụ-nhân nan
hoá, ít kẻ yêu-vì. Nên
lấy chồng phải luận
phải suy, phải xem
trong lóng đục, đây đã
đến phải thời phải
lúc...Hò hơ... hay nàng
còn cúc-dục cù-lao...
Để anh ngờ-ngẩn ra
vào, thăm yêu trộm nhớ
dạ nào bỏ anh?...

- Đó thầy coi, thế nào nó cũng chết ngất, điệu hò dài phải đối dài, ngắn đối
ngắn, nó mà đáp được kỳ này, thì tôi cũng cam giải nghệ cho rồi...

Tôi giục: “Kia nín, nó đã đáp liền kia!”

- Hò hơ, ở này anh
nó ơi, số-phận em giao-
phó cho trời xanh, lấy
anh, em không lấy
nhưng cũng không đành
làm ngờ. Hò hơ... vốn
em cũng chẳng bơ-thờ,
em đã hăng chọn trong
lóng đục, nhưng vẫn
còn ngờ nợ-duyên. Hò
hơ... vốn em cũng muốn
lấy ông thầy thuốc cho

giàu-sang, nhưng lại sợ
ông hay gia hay giảm;
em muốn lấy ông thầy
pháp cho đám, nhưng
lại sợ ông hét la ghê-
gốc; em muốn lấy chú
thợ mộc, nhưng lại sợ
chú hay đục-khoét rầy-
rà; em muốn lấy anh
thợ cưa cho thật-thà,
nhưng lại sợ trên tàn
dưới mặt; em muốn lấy
người hạ-bạc, nhưng lại
sợ mang lưới mang
chài; em muốn lấy anh
cuốc đất trồng khoai,
nhưng lại sợ ảnh hay
đào hay bới; em cũng
muốn chọn anh thợ rèn
kết ngời, nhưng lại sợ
ảnh hay nói tức nói êm;
bằng muốn lấy anh đặt
rượu làm men, nhưng
lại sợ ảnh hay cà riêng
cà tỏi; em muốn lấy ông
nhạc-công cho giỏi,
nhưng lại sợ giọng
quyến giọng kèn; em
muốn lấy thằng chăn
trâu cho hèn, nhưng lại
sợ nhiều điều thá ví; em
muốn lấy anh lái buôn
thiêng-thị , nhưng lại sợ

ảnh kêu-rêu mắt rẻ khó
lòng; em muốn lấy anh
thợ đóng thùng, nhưng
lại sợ ảnh kêu trật niền
trật ngỗng; em muốn
lấy ông Hương ông
Tống, nhưng lại sợ có
việc tróng⁴ việc gông;
em muốn lấy anh hàng
gánh tay không, nhưng
lại sợ đầu treo đầu
quả; em muốn lấy chú
hàng keo khi này,
nhưng lại sợ chú làm
lộn ruột lộn gan; em
muốn lấy anh thợ dát
thợ đan, nhưng lại sợ
ảnh hay bắt phải bắt
lỗi; em muốn lấy anh
hát bè hát bội, nhưng
lại sợ giọng rồi giọng
tuồng; em muốn lấy anh
thợ đóng xuống, nhưng
lại sợ ảnh hay dẫn hay
thúc... Hờ hơ, mấy lời
trong đục chẳng dám
nói ra. Có thầy giáo-tập
trong làng xa, hay dạy
hay răn, so đức-hạnh ai
bằng, lại còn nhà nho-
học, sử kinh thầy
thường đọc, biết việc
thánh-hiền. Hờ hơ, gặp

*nhau em kết nghĩa liền,
không chờ chẳng đợi
cho phỉ nguyên phụng-
loan...⁵*

Tuy anh chèo cứng họng, nhưng tôi ngồi trong mũi đã thấy khoái-trá vô-cùng.

Còn gì sung-sướng cho bằng khi mình nghe “người ta” vô-tình nhắc-nhở tới mình, ca-tụng mình trên dòng sông lờ-lững?...

Tôi mỉm cười:

- Chắc anh “phọt-phe” rồi phải không anh dò?

Anh ta đáp xuôi-xị:

- Ý mèn ơi, tôi thấy con nhỏ hò lanh hết chỗ!...

- Này anh, tôi nói thiệt cho anh nghe. Sao tôi nghe giọng hò của con nhỏ ấy tôi “mê” lắm. Anh biết tôi làm thầy giáo chớ. Nghe nó nói nó đang tìm-kiếm kết duyên với chúng tôi, sao tôi cảm-động quá anh à. Anh làm thế nào cho tôi thấy mặt “nó” một chút “một chút xíu” thôi, rồi mình đi... được không?

- Có khó gì thầy, tôi kêu nó cặp ghe lại hỏi mỗi lửa, thầy muốn nhìn bao lâu lại không được.

Rồi anh lập-tức lên tiếng:

- Chị hò ơi... chị hò! Làm ơn cặp ghe cho mỗi nhờ chút lửa, chị hò!...

Thấy bóng ghe chèo tới là tôi phấn-khởi trong lòng, bò ra ngoài dòm lom-lom.

- Ghe cặp chiếc đò, tôi càng thêm hồi-hộp. Ôi! Tiếng hò như thế, còn người làm sao!...

Tôi hình-dung một cô thôn-nữ mày liễu má đào, có vóc mình thon-thon, có bộ-tịch khả-ái...

Bỗng anh chèo đang ngồi nghỉ tay, giật mình đứng phắt dậy. Trong chớp-nhoáng, anh bị một tên lực-lưỡng thộp ngực anh, đưa ngọn dao ngang cần cổ:

- Nín mắt, la lên thì cụt đầu! Tao không động tới mầy đâu!

Còn tôi... chao ôi, tôi cũng kinh hồn lạc phách, rủi may phó mặc cho trời... Tôi chưa kịp nhảy xuống sông thì đã bị hai tên khác đè cứng dưới ván dò. Tôi giụa la nhưng một thằng trong bọn “ấn” cho tôi một cùi chỏ vào hông, đau lồng ngực, lồng gan, nằm trợn trắng như chết nửa người.

Đã thế, tiếng con nhỏ hò còn trêu gan trong mũi nhỏ:

- Chú Bảy coi có con đàn-bà nào ở trong mũi, đè cổ lột cho tôi sợi dây chuyền!...

CHỢ HAY QUÊ

MIẾU bà Chúa Xứ tự-nhiên biến thành một hí-trường.

Nhưng có mấy ai để ý đến đâu. Người-ta bảo dân thị-thành hay lạnh-lùng mà; đúng lắm vậy.

Cà-mau ngày nay không còn là Cà-mau ba chục năm trước. Ba chục năm trước, trời vừa đổi sắc tím là “Ông thầy”⁶, bách bộ khoan-thai ở bên kia sông Quan-lộ.

Cái thời “dã-man” ấy chỉ còn vang trong mấy câu-chuyện ly-kỳ mà các bà mẹ thường kể lại cho những cậu... con nghịch-ngợm hay đi bắt chim, hốt cá thia-thia trên xóm miếu Bà.

- Gần miếu Bà đó biết không? Bên cây da mà tụi bây thường tới phá, hồi đó ông Thầy có lần móc họng mấy người đi câu.

Miếu Bà ở bên kia sông Quan-lộ. Mà bên kia sông Quan-lộ nay là xóm... Bến xe đò.

Hơn trăm nóc nhà, đèn điện, máy nước, quán cháo Tiều, một nhà bán hòm, và... cái miếu ở chính giữa.

Hàng năm, các ông cụ có tế tiền mướn hát bội cho Bà xem. Cho Bà xem, nghĩa là cho cả xóm xem.

Ông chủ nhà bán hòm là hội-trưởng hội Miếu Bà. Ông là người kinh-doanh. Ông biết nghĩ đến cái lợi cho làng-nước. Ông nghĩ rằng xóm càng ngày đông sống yên-ổn cũng nhờ Bà phù-hộ. Mà cần đông thì cần phải có những cuộc vui, phải sống như người ta sống nơi đông-đảo.

Muốn ăn uống? - Có quán cà phê!

Muốn cúng-kiếng? - Có Miếu Bà!

Không muốn sống nữa? - Ông là chủ bán hòm! Nhưng sống vui-vẻ, không phải chỉ ăn mà thôi. Cần phải có những cuộc vui khác: hí-trường là một sự tối-cần; chứng-cớ, mỗi lần hát cho Bà xem, người hàng-xóm vẫn đến xem ngấp miếu!

Ông bắt đầu để tiền cất một cái rạp lớn để chứa cho được nhiều khán-giả!

Thằng tám Méo vác mướn cũng hi-hả góp hai cắc:

- Rồi mình tha-hồ đến coi hát có hao-hốt gì đâu!

Mỗi năm, mỗi mướn gánh hát. Mấy thằng cha Bầu Kẹo ở Rạch Bần, Bầu Ngộ ở Cái-keo, Bầu Ba ở Ông Muộn... hè nhau lên giá kẻo-nài nhiều...

Cái gì mà một đêm hát tới hai chục, bộ muốn cắt họng người ta sao chớ? Ông chủ bán hòm tức-giận. Ông họp các hội-viên lại bàn rằng:

- Bây giờ tôi định làm như vậy để cho tụi Bầu Kẹo... nó hết hạch-sách. Tôi xuất vốn mướn đào kép, mua đồ... nghĩa là lập một gánh hát riêng, để đi hát các nơi, chừng nào tới kỳ vía Bà, tôi cúng mấy đêm,... các ông nghĩ sao?

- Thì còn nghĩ sao nữa? Ông Hội-trưởng là người kinh-doanh. Lập một gánh hát bội là một chuyện... tiền-bạc. Mà tiền-bạc! Nhờ trời - nhờ Diêm-chúa - ông có khá-khá đôi chút!...

Miếu Bà tự-nhiên lại biến thành một hí-trường. Bởi ông chủ hòm nghĩ rằng - đúng hơn ông nghĩ rằng “hát bội làm tội người ta” - để tụi nó đi chơi-bời, dĩ-thỏa, bài-bạc hư thân. Mình muốn ích nước lợi dân, đi hát đâu chi cho xa, mỗi đêm ở đây mỗi hát, vừa...cho Bà xem, vừa cầm chân đám dân “thân-yêu!” Tốn bao nhiêu? Một cắc bạc!

- Các ông có bằng lòng cho tôi làm như vậy không?

“Các ông” đây là các ông hội-viên. Các ông thấy cái ý ấy “tự-nhiên” quá, mà cái dân thành-thị kia cũng không ai để ý đến.

Năm nay hát xong ba đêm cúng Bà, người ta thấy một tấm bảng giấy đỏ dựng trước Miếu:

*Đêm nay chún tôi
viễn tuần: “Quê dun
đạo: Tuần thật là ly kỳ,,,
Dô cửa: một cắc bạc!*

Rồi tối đến, người ta đem theo cắc bạc bỏ vào cái thùng của cô Tám, con ông Hội-trưởng và vô để xem một đệ-nhất anh-hùng của thời Tam-Quốc!

Đêm sau, rồi đêm sau...

Thói quen, thằng Tám Méo cũng quen. Cả xóm đều quen... Cả Cà-mau quen luôn! Hát bóng nói ở các tỉnh lớn để đã được hoan-nghinh hơn!

Một tháng, hát không nghỉ đêm nào. Nhưng mãi rồi tuồng nó cũng hết: Huê-dung-đạo, Ông thất-thủ Hạ-bì, Trảm Trịnh Ân, Dự Nhượng đả long-bào, Bao Công xử án Quách Hòe, Phụng-nghi-đình, v. v... rồi cũng không ai cấm: Huê-dung-đạo, Bao Công xử án Quách Hòe, Phụng-nghi-đình, v. v... trở lại đâu! Vì anh kếp tám Bí làm Ông hay làm sao, còn cô đào tư Bé làm Điêu-Thuyền mới mê-mẩn khách mày râu đi coi lần thứ mười đã thấy chán chưa mà!

Nhưng ông Bầu Hai - ông chủ bán hòm - là người kinh-doanh. Năm một ngàn chín trăm ba mươi ba... Một hôm, cái bảng giấy liễn đỏ, đầy đặc những chữ to-to bất-chấp chánh-tả:

*Bốn ban mới tiến
được nhiều cô đầu khát.
Ngoài cô Tư Bé, Xấu
Liệu, Ba Kiêm, còn tất
cả 9 đầu. Luôn tiện, xử
rap lại, chia hạn:
Thượng hạn: 5 cắt, hạn
nhứt: 3 cắt, hạn nhì: 2
cắt, hạn 3: 1 cắt... Và
mỗi chiều thứ bảy có
đêm đặt biệt cho quý
Ông, quý Thầy, có chừn
bướm bướm. Bốn ban
đã chửn đốn theo cái
lươn. Bỏ qua rất uồn...*

Nếu đã có “quí thầy” chiếu-cổ, thời “chửn đốn” theo Cái-lương là phải.

Trống châu không hồi ba nữa. Chiều chiều, mấy thằng bé-con hàng-xóm giành nhau cái trống còn một mặt, và hè nhau nện “tành tạch, tành tạch”.

Ban nhạc mới mời được một tay đàn kìm sành Vọng-cổ.

Cây kèn đại vốn chát-chúa cũng đã biết đưa hơi bằng giọng rè-rè run-run của anh Thôi Tử trong câu nhập Vọng-cổ: “Giã bạn lên đàn...” Tiếng kèn đại mà nhồi chữ “đàn” thì phải biết, nó lâm-ly đặc-biệt!

Dầu sao, người ta không còn thấy những ông tướng thối kèn đưa cái lưng trúi-trụi, ngồi trên sân- khấu nữa. “Đúng tám giờ rồi”, - ấy là cái bảng giấy đỏ nó quả-quyết như vậy, - thay vì ba hồi trống côm ra tuồng, có tiếng chuông rung... lạch-cạch, leng-keng... y như Cải-lương.

Một thằng quân mặc áo thêu rồng cũ, lưng-thụng, đội mào xanh, ra chào “quí khán-quan đã hạ-cổ đến giúp bốn-ban”... và cứ “tái-bản” câu ấy đến mười lượt trong vài lời cảm-tạ.

Quý khán-quan? Cứ đến một buổi chiều thứ bảy để xem đêm hát đặc-biệt có chừng bướm-bướm, người ta đều thấy có nhiều quan ký-lục, một quan thầy thuốc, một quan phán, và một quan...”giương mù”, chồng của cô mù tỉnh-thành!

Nói là chiều thứ bảy mới có đêm hát đặc-biệt, nhưng mấy quan - hình như họ có hẹn-hò với nhau - cứ đến chín, mười giờ mỗi đêm là đã ngồi quanh cái bàn con đặt giữa rạp, sát sân-khấu, nhâm-nhi mấy ly rượu bia.

Mấy quan hình như cũng thưởng-thức tài-nghệ của “chín đào”, và đã để ý đến cô đào chánh tư Bé, một ngôi sao sáng của Bầu Hai, nên mỗi lần tư Bé ra tuồng, mấy quan vỗ tay rầm lên, mà lại còn móc bóp liệng mấy “con công” lên để thưởng lúc tư Bé hay đặc-biệt nữa là khác.

Mỗi lúc như vậy, cô tư Bé không quên nghiêng mình, mỉm cười như hoa nở, đưa cặp mắt tình-tử xuống mấy quan rồi uốn-éo tung-hô:

- Bá, bá phúc!

Nhưng, ngoài mấy quan ra, còn có những quan đẳng-cấp thấp hơn, vì người ta vẫn nhớ rằng rạp hát ở giữa xóm xe dò!

Các ông tướng xe dò cũng không kém, cũng thưởng-thức tài-nghệ đào kép, cũng có lúc vỗ tay, lúc la rầm lên:

- “Ra quô” cô tư Bé!...



Một buổi chiều thứ bảy. Tuồng Phụng-nghi-đình (Quái lạ! sao cứ luôn-luôn ở vở tuồng này!) Cô tư Bé mà đóng vai Điêu-Thuyền, thì không phải nhắc thêm lần thứ hai nữa, nó mùi-mẫn đến thế nào ấy!

Nhưng người ta đồn rằng tư Bé đã được một quan “chiếu-cổ” đến hơn nhiều một chút, và đã sắp sanh một... quan con!

Bởi thế nên đêm ấy, một cô đào khác đóng vai Điêu-Thuyền. Nhưng, khốn nỗi, cô đào thế vai ấy không được hân-hạnh có cái nhan-sắc chim sa cá lặn.

Các quan hình như là không bằng lòng cho lắm.

Các ông tướng xe hơi cũng thấy ngay tấy rằng cô Điêu-Thuyền mà “đẹp” như vậy, thì chẳng cha Lữ Bố nếu có say-mê, chắc là tại nó... buồn ngủ quá rồi!

Nghĩ như vậy, một ông “tướng” tưởng nên nói cái ý-nghĩ thành-thật của mình ra cho mọi người cùng biết.

Lúc Điêu-Thuyền vượt-ve Lữ Bố, ông tướng xe hơi cười to lên, phùng mang thối một cái hoét, rồi la:

- Ê! cái mặt Chung Vô-Diêm!

Cô Điêu-Thuyền có lẽ thấy rằng ông tướng dốt truyện Tàu quá lẽ, dám lộn Điêu-Thuyền với Chung Vô-Diêm, nên cô cũng không ngần-ngại gì, ngừng hát một chút, quay mặt ra khán-giả, nói ngay ý-tưởng mình bằng một câu trả lời:

- Xin lỗi quý ông, quý bà, khốn-nạn cái anh nào nói tôi là Chung Vô-Diêm?

CÁC CON ƠI, THẦY PHEN NÀY THỌ TỬ

BẠN hãy cùng tôi “du-lịch” một vòng xuống các miệt “hóc Bà Tó”, “chó ăn đá, gà ăn muối”, để tìm những cái lạ-lùng, lạ-lùng cả đến cái tên: Bãi-Háp, tắc Ông Do, mường Chệc Kịch, Tham-Trời, U-Minh, Dón, v.v.

Ở đồng quê, thế mà lắm chuyện.

Nhưng hãy khoan, tạm dừng chơn nơi xóm Kiến-vàng để biết thêm chút nhơn-tình thế-thái.

Thuộc làng Tân-hưng-đông, ấp Kiến-vàng chia ra làm hai xóm. Thiên-hạ hai bên thù nhau từ đời nào không biết mà hồi ấy họ ghìem nhau như địch-thủ.

Và không khác hai nước đương-chiến, họ tìm mọi cách để ngầm giết nhau. Họ nuôi râu cộp, tìm đủ thứ thuốc độc bỏ trong nước, trong món ăn, thuốc nhau chết như rạ. Thành ra, ở đó không ai dám tin ai, nhà nào nhà nấy giữ-gìn từ lu nước, món ăn, tiệc-tùng đâu mời cũng không dám tới.

Một ngày ở đó là một ngày phập-phồng.

Tuy-nhiên, trong các nghề kiếm ăn, nghề “dạy học” vẫn giữ một địa-vị quan-trọng ở đồng, đâu đâu cũng không dám coi thường. Thế nên, là “thầy giáo” thì ở đâu cũng dám tới.



Con nít ở Kiến-vàng là con nít đủ tài thao-lược.

Trên bộ, chúng ruồng tất cả rừng rậm chông gai, bắt rắn như bắt ếch, bắt chim như bắt gà, thôi thì đạo binh của rừng bụi đều kinh hồn mất vía!

Buồn! Chúng có thể lôi đầu mấy con rắn hổ ngựa từ trên cây xuống... đá như đá ba-lông, chúng có thể nắm chớp hết những con kỳ-nhông rắn mỗi ra “rô-ti...” nhậu rượu!

Dưới nước, tốp khác không kém, chúng là một đoàn thủy-quân bơi lội “dàng trời ban”. Liệng chúng xuống bùng-binh sâu hoắm tối ngày chúng không uống một chút nước, không biết lạnh, mà lại còn mò lên một mớ tôm cá, mới tài! Chúng lại thường theo cha chú ra vàm sông Mang-giỗ ban đêm soi sấu, vớt những con sấu con đem về cho... cắn lộn.

Khi chán-chê rồi, chúng vẫy tay một cái là vật đầu đem nướng!

Khốn-nạn, tôi lại lọt đến cái xóm ghê hồn ấy! Đã bảo thầy giáo ở đâu cũng dám tới mà! Điều nên biết là trước tôi, đã có không biết bao nhiêu thầy vì chịu không nổi lũ con nít “trời đánh” ấy phải cuốn gói bỏ trường mà trốn đi.

Nhưng rồi cái thằng “thiên-lôi chạy mặt” như tôi cũng cai-quản được cả đoàn.

Dầu vậy, trước khi làm Tổng-tư-lệnh cả hai bộ thủy và lục-quân ấy, tôi bị thử phép gần trời vì tróc vảy.

Này, lục-quân: Hạ-thủ một con rắn hổ? Chúng làm bộ như sợ-sệt, viện đến tay thầy, thì “rụp” một cái, thầy vỗ cửa hang nghe “bòm bòm”, miệng làm bộ lâm-dâm câu thần-chú “Án đà ra hống rị...” rồi chĩa đầu con rắn đem lên!

Bắt một con chim “bánh-ích”, Thầy là một tay bắn giàn thun thiện-xạ!

Chúng quyết bắt Thầy ra đồng tròn ngày chúa-nhật để bỏ đói? Thầy vui lòng móc củ bòn-bòn, hoặc bẻ trái dừa nước ăn cho no và còn mở tiệc khao-quân là khác nữa!

Này, thủy-quân: Chúng rủ thầy chèo ghe ra cửa biển chơi mỗi chúa-nhật? Xa bao nhiêu thầy cũng vui lòng cầm chèo lái. Vác lưới đi đánh cá cháo, lặn cá dầy? Thầy phóng xuống bùng-bình trước nhứt.

Tắm, chúng muốn trần nước Thầy? Thầy là một con rái, hiên-ngang hoạt-động dưới nước như trên bờ!

Thế rồi, trong vòng một tháng, tôi nắm chắc chức Tổng-tư-lệnh trong tay, các... tiểu-anh-hùng đều bái-phục.

Thôi thì mặc ai làm gì thì làm, tôi nằm tréo ngoáy ở nhà, muốn cá có cá, muốn chim có chim, hô lên một tiếng là có đồ-đệ đến hầu.



Một hôm, có anh thợ săn trong ấp bắt được một con “heo cần” (heo rừng có chữa). Anh mổ bụng lấy bọc con ra đem tiêm thuốc bắc. Đây là món ăn quý nhất mà tôi đã thèm-thường từ lâu.

Anh cho mời... thầy giáo!

Lần thứ nhất, tôi đi dự tiệc nhà người. Bữa ấy tôi ăn hết nửa con heo con còn đỏ lói trong bọc, và nhậu trên một cốc rượu rừng pha mật ong.

Về nhà bỗng-dưng tôi thấy tối-tăm mày mặt, ruột thắt gan bào.

Thôi chết rồi, chắc-chắn là tôi bị trúng thuốc độc!

Mỗi lần tưởng-tượng đến cả ngũ-tạng lục-phủ tôi sẽ liệt-bại rồi chết lần-mòn, tôi mê-sảng nằm kêu rên không ngớt miệng.

Học-trò lũ-lượt đến đứng quanh giường.

Tôi nhìn qua một lượt, nắm tay từ đùi, ứa nước mắt trời dài:

- Các trò ơi! Thầy phen này thọ tử!

Anh thợ săn nghe tin cũng khiếp vía, chạy rước được một vị danh-y về khám bệnh.

Sau khi nghe tôi thuật chuyện, ông thầy chăm-chú xem mạch xong, vuốt râu cười khi:

- Tôi nói thầy đừng giận. Hôm trước, trong mình thầy hơi yếu, thầy lại ham...ăn “heo cắn” quá nhiều. Vốn là một thức ăn hết sức bổ và hết sức mát, tì-vị thầy không chịu được, nó hàn, và sẵn thầy uống rượu rừng không quen, hai thứ đó nó “vật” thầy “sập” chớ ở đây ai “thuốc” thầy làm chi!

SANH NGHỀ TỬ NGHIỆP

BUỚC bình-bồng đưa tôi đến một nơi sẵn-dã quê-mùa ở tận cùng mũi đất của bán-đảo Đông-dương: Năm-căn!

Dân Sài-gòn hay hầu hết dân “miệt trên” khi nghe đến tên, ắt hẳn trong đầu đều có ý-tưởng cao-cả về trình-độ của mình trên bước tân-tiến... và tự-nhiên thấy có cái thú chế-giễu những cách ăn-ở quê-mùa bằng mấy tiếng: Dân Năm-căn phải không?... Ở Năm-căn phải không?...

Nhưng bạn ơi! Năm-căn bây giờ không còn là quê-mùa nữa. Ngoài những xóm lò than rộng lớn, thiên-hạ đông-đúc, cờ-bạc, sa-ngã, còn lăm cái lạ-lùng, lạ-lùng đến chuyện tôi kể cho bạn nghe về “Mét Văn-Quang”, (Maitre Văn-Quang).

Ghê chưa? Chỉ vồn-vện tiếng “Mét Văn-Quang” bạn cũng đủ thấy Năm-căn ngày nay đã khác lắm rồi.

Nhắc đến “Mét Văn-Quang”, tôi phải nhớ ngay đến các bác họ “Mét”, thì cũng không thể quên được những mảnh-khoe bịp đời của hạng người mang kiếng trắng có đủ thứ hình “tay nâng cầm”, “tay chống nạnh” đăng trong các báo.

Hạng người ấy tự xưng là “Mét” hoặc “Giáo-sư”. Nhưng nói cho phải, mấy ông “Giáo-sư” trên đây đáng liệt vào bậc “sư-bác” trong làng bói, vì họ sống, nhiều khi, sang như ông Hoàng: nay ở “ô-ten”, mai ở phố lầu.

Họ còn một đàn em sống vất-vả lắm, một đàn em không tên tuổi, không “mét”, không “bờ rờ phết xơ”... mà lại là những cánh bèo thả trôi theo dòng, từ kinh-thành mò đến làng-mạc hẻo-lánh, từ góc chợ đến những... hang cùng ngõ hẻm.

Họ cũng thường “tấp” vô ô-ten, nhưng một thứ ô-ten rẻ tiền: chốn “yên hà cuộc tỉnh say”!



“Mét Văn-quang” của tôi không phải là bậc đàn em ấy, mặc dầu “Mét” lập “đại-bản-dinh” ở tận chốn hang cùng: Năm-căn.

“Mét” quả là một “thiên-tài”!

Cái câu quảng-cáo dán trước bàn: “Một thiên-tài đã từng được Tây, Nam khen-tặng” chắc hẳn là câu nói không ngoa!

Mà.. “Mét Văn-Quang”! Than ôi! “Mét Văn-Quang” ngày nay đã ra người thiên-cổ mất rồi! Nhưng đây là đoạn chót của câu-chuyện và các bạn sẽ cho phép tôi bắt-chước nói như nhà văn-hào C. Farrère trong một chuyện ngắn: “Ai lại bắt đầu câu-chuyện bằng cái kết-cuộc bao giờ?”

“Mét Văn-Quang” như tôi đã nói là người có tài: Tài đoán số, tài coi tướng, coi tử-vi, mà đặc-biệt hơn hết là tài “lẻo mép, lanh mồm”!

Thì đây, có lần tôi đến viếng “Mét”.

“Mét” hỏi:

- Ông sanh năm nào, tháng nào, ngày nào?

Tôi vừa trả lời dứt là Văn-Quang hí-hoáy viết không đầy một phút, đã nói những cái quá-khứ... đến nhiều lúc tôi phải ngạc-nhiên tưởng rằng tất cả những ngày qua rồi vẫn còn ghi trên tròng mắt tôi, mà hôm nay Văn-Quang chỉ có đọc lại thôi.

Ấy thế, “Mét Văn-Quang” được cả dân Năm-căn hăm-mộ đồn đi mấy dặm...rừng: Nhưng-miên, Tân-an, Hàng-vịnh, v.v.

Nhưng đấy, lắm khi có người chỉ vừa nói ngày sanh, là Văn-Quang đã mở hết tốc-lực chạy... để rồi không đi đến đâu cả.

Và ở vào mấy trường-hợp khác, vài ông khách “hăm-mộ” phải ngạc-nhiên vì cha mẹ họ vẫn sống sờ-sờ mà Văn-Quang buộc rằng đã mồ-côi, mồ-cút; hoặc vẫn chất-phác làm ăn mà “Mét” lại bảo có lần “đánh trộm người hàng-xóm” để rồi còn tiên-đoán cho họ nhiều “tai-vạ” khác nữa.

Khách vừa mở miệng cãi thì “Mét” đã chặn họng bằng câu:

- Tôi đã rao trước rồi kia mà, ông không thấy tấm bảng đề: “Nói không tư-vị” hay sao?

Nhưng nếu khách có là một người mồm-mép lắm:

- Ấy mà những lời “không tư-vị” của ông đều trật bét hết!

Tức thì Văn-Quang lỏ cả hai mắt trông chừng như lọt ra khỏi tròng:

- Trật à? Tôi mà đoán trật?

Và khi hỏi kỹ lại... thì Văn-Quang xuýt-xoa bảo:

- À! tại tôi đoán lộn tuổi khác, xin lỗi ông đấy!...

Nhưng cái lỗi ấy không phải ai cũng tha được như những nơi có “khuôn-phép” chốn thị-thành.

Thế là “Mét Văn-Quang” có lần bị người ta bắt đền tội. Người ấy là một vị đại-diền-chủ có thế-lực, keo-kiết và tàn-nhẫn, ở làng kế-cạnh.

Một hôm ông đến viếng “Mét Văn-Quang” với tất cả cái keo-kiết và tàn-nhẫn.

Văn-Quang thấy mặt ông, ngang-nhiên nói:

- Ông mấy tuổi?

- Bốn chục.

Văn Quang không hỏi thêm nữa, có lẽ cái tuổi “bốn chục” nó đủ gợi cảm cho nguồn... hứng rồi, nên đồng-dạc bảo:

- Ông là người thất-tín! Cách đây 13 ngày, ông lừa bạn ông để lấy một số bạc ngàn... Vì vậy tôi quả-quyết hai ngày tới đây ông sẽ bị năm chóp...

Ông điền-chủ hốt-hoảng, mặt bỗng-nhiên nổi giận hằm-hằm lên. Ông sùi bọt mép, chẳng nói chẳng rằng, với cái tàn-nhẫn bấy lâu, ông vụt nắm lấy “Mét Văn-Quang” tặng một “cú đũa-rét” như các nhà võ-sĩ tặng nhau trên trường diễn-võ, rồi ông dậm đá “sặc-cà-rây”.

Văn-Quang la vói:

- Tôi đã bảo “không tư-vị”, “không tư-vị” kia mà!

- Ủ thì “không tư-vị”... Bốp!...Bốp!...

Chúng tôi đứng ngoài bất-nhẫn lắm, nhưng có người nào có dám “nhào” vô cho mang vạ, ai cũng biết - trừ “Mét Văn-Quang”, lẽ cố-nhiên - ông ấy mạnh như thần!

- Vậy mà cũng đoán số! Sao mày không đoán cái số mày... chết về tay tao, thằng kia?...

Hai hôm sau, “Mét Văn-Quang” đoán số mình không sống nổi nữa, nên đã trút linh-hồn tại xứ Năm-căn: cái xứ mà “Mét” đã phụ vào một chút công làm trôi mất tiếng quê-mùa!

PHẦN THỨ NHÌ

PHÔNG-SỰ TIỂU-THUYẾT



DƯỚI ĐỒNG SÂU

*Rủ nhau đi cấy đi
cày,*

*Bây giờ khó-nhọc có
ngày phong-lưu.*

*Trên đồng cạn, dưới
đồng sâu,*

*Chồng cày, vợ cấy,
con trâu đi bừa.*

CÂU CÁ

HAI tháng rồi, ruộng cấy xong, lúa đang đứng cái và gần có đòng-đòng. Nhà nông rảnh việc. Mùa câu kéo bắt đầu, sau những đám mưa dầm.

Nghề câu của dân quê không giống sự tiêu-khiển nhàn-nhã của dân thị-thành mà thảnh-thoảng người ta cũng thấy ngòi ruộng câu ở bờ-sông để... chờ bữa cơm tối, hay để “giết” một buổi sáng chúa-nhật! Ở đồng quê, nó là cả một nghệ-thuật và cả một công-việc đồ mồ-hôi.

Phải chịu thức gần phờ râu mới biết giống cá đồng chỉ thềm đớp tới mỗi câu vào khoảng đầu hôm đến canh một và từ canh ba đến sáng!

Phải nằm cơm bảy cháo mới rõ cá lóc có tật ăn “mồi chạy” bằng nhái sống, cá trê ăn bằm bằng mồi cắt và hơi ngấm. Có những đêm trời lạnh tái mồi phải cời trần truồng nhảy xuống ruộng, tay đập muỗi, tay vét rong, gập môn, nghề không từ, đựng rần, đĩa chẳng sợ... để dọn “luồng”, nghĩa là dọn một khoảng trống trước khi cắm câu!

Đó là nói chuyện ở ruộng nhà, chớ gặp lúc ruộng mình khan cá, mò qua bên đất người ta thì còn phải chịu biết bao nhiêu là khổ-sở hơn nữa.

Tôi chưa từng làm thẳng ăn trộm, nhưng tôi chắc đi câu lén không sướng hơn thẳng ăn trộm chút nào.

Ừ, thì chim trời cá nước, ai bắt được là ăn, tại sao người ta hay cự-nự?

Có hai lẽ. Lẽ thứ nhất là ai có của cũng muốn để hưởng một mình, dầu chưa có biết hưởng được hay không.

Lẽ thứ hai là kẻ câu lén hay làm chết lúa.

Thẳng ăn trộm đi ngã sau vườn không khi nào biết tiếc mấy ngọn rau, ngọn cải, không khi nào có ý bước tránh cho khỏi giẫm churen lên đám đậu, cây cà.

Thì thẳng đi câu lén có khác gì? Cứ chỗ nào lúa cao là đoán rằng nước sâu, gặp chỗ nào kín-đáo thì dọn luồng, dầu phải nhổ phăng đi cả chục bụi lúa cho trống-trái, nó cũng không từ!

Nhưng đó là... ai kìa, chớ tôi, tôi là một kẻ từng lượm mót từ hột ngọc trời, từng cầm từ cộng lúa, có bao giờ tôi đang tay bắt cả cội-nguồn.

Chẳng dám vỗ ngực xưng mình “tốt” gì hơn ai, bởi tôi cũng đã từng đi câu lén ruộng người ít lắm là vài chục lần, nhưng đến đâu tôi cũng giữ-gìn phải phép lắm!

Năm ấy, nước giựt sớm, mà ruộng tôi hơi gò, nên cá rất ít.

Nghề làm ăn, đã sắm lỡ câu, kéo, xuống, bộng, không lẽ đem treo lên giàn bếp... nên tôi đành làm... con vạc ăn đêm!

Một đêm nọ, lấy theo mười đường câu, tôi đẩy xuống, bỏ sạp dài tử-tế đem nào nóp, nào bếp un, một cây giằm, một cái vọt và cây sào nạng.

Tôi tính qua “nhờ” bên điền ông Chủ Nghĩa. Ông này xưa nay đã có tiếng “oai như cọp, dữ như thần”!

Dọc theo điền ông, ban ngày thấy giăng giăng những bảng cây: “Cấm câu cá! Cấm câu cá!”

- Ấy, ông oai, ông dữ mặc ông, ông cấm thì cứ... cấm, tôi câu lén cứ việc... câu! Có rượt, chống tọt về bên mình. Qua khỏi ranh thì “bà hú”... ai còn sợ gì ai?

Y-y như thế, tôi cứ “đường-hoàng” chống xuống qua ruộng ông.

Thả câu xong, tôi nằm trên sạp, chờ tới giắc đi thăm cá.

Đêm ấy không trăng. Muôn ngàn con mắt long-lanh in trên nền trời đen thẫm. Cánh đồng lặng ngủ trong ánh sáng mờ-mờ. Gió thoảng từng hồi, từng hồi, ngọn lúa cựa mình xào-xạc. Tiếng giạt-sành vang lên trong im-lặng xa-xa. Tôi cảm thấy bồi-hồi tưởng nhớ đâu đâu, rồi nhẹ-nhàng, rồi khoan-khoái, tôi rung đùi ca.

Chưa kịp nói với các bạn rằng tôi là một tay đòn kìm và ca mùi có điệu, nhờ ở nơi sản-xuất ra bản Vọng-cổ đời nay.

Cá sặt cắt ra từ miếng.

Ai đã nghe tôi ni-non những bài ruột như “Ác ngậm non Đoài” hay “Mỗi độ Thu về” thì mới biết tại sao cả làng, các cô gái đều ngã lẫn ra mà mê-mệt!

Đêm nay, tiếng gió gợi hứng, nằm một mình thanh-vắng giữa đồng, lỡ mang cái bình tài-tử, tôi trút hết nỗi “tơ tằm”:

-... Mỗi độ Thu về...

Tiếng ca ban đầu nho-nhỏ, lần-lần đượm vẽ mê-say, đến ngang-tàng, quên phứt cái “oai như cộp” và cái “dữ như thần” của ông Chủ Nghĩa.

*“... Ôi! Vì thương mà
phải bỏ ngai vàng, vì
thương mà thành chim,
hóa đá, thương thì phải
khổ, lại càng thương...
ơ!..”*

- Ai đó! Câu lén phải không?

Bị nạt thành-linh, chớp một cái, tôi ngồi dậy gọn-gàng. Quơ gàu nước đổ xèo vào bếp un, rút sào nạng, tôi ra sức chống vo-vo.

- Ai đó, ngừng lại! Không, tôi la lên, mấy người rình chung-quanh áo áp lại ví đập chết bây giờ!

La mặc la, dọa mặc dọa, người ta đang chạy chết đây mà!

Xuồng tôi chống đi thoan-thoát, xuồng nọ đuổi bon-bon.

Thình-linh nghe một cái ồ... Thôi chết rồi, xuồng đã rấn lên mô cỏ. Tôi rán sức chống. Xuồng chỉ qua được phân nửa, và lúc rút cây sào tôi nhấn mạnh, lái bị khẳm, nước ào vô rồi chìm lĩm.

Tôi điếng hồn loi-ngoi tính lắc nước, lợm sào chống nữa... nhưng xuồng nọ đã tới kề!

Dưới ánh đèn lồng, hai cây giầm giơ lên cao toan nện xuồng.

- Tội-nghiệp! Tội-nghiệp tôi, ông ơi! Tôi mới lỡ...

Một tiếng cười khì bên xuồng kia:

- Ông ở đâu đây mà ông?

Nghe nói trớ-trêu, tôi nhìn lên: Ý trời đất quý thần ơi, rõ-ràng là một cô gái với một thằng nhãi con!

Có nhục-nhã cho tôi chưa, có chết được cho tôi chưa, trời nè! Phải dè... mà thôi, đã đến nông-nỗi này còn mong gì vùng-vẫy, tôi nhỏ-nhẹ:

- Tội-nghiệp tôi mà cô hai! Tôi mới lỡ một lần!...

- Ai biết chú mày lỡ một lần hay mười lần? Thôi, mau mau lên chống xuống theo tôi về nhà ông Chủ.

- Trời ơi! nếu cô bắt tôi về đó, ông Chủ xiết câu tôi, tịch-thâu xuống tôi, đóng trảng tôi, tội-nghiệp tôi lắm cô hai à!

- Biết vậy, sao chú mày còn qua đây câu?

- Dạ, túng, kiếm ăn chút-đỉnh vậy, chớ đâu có nhiều-nhồi gì, cô.

- Nhiều ít không biết. Ông Chủ dặn hễ gặp ai câu lén, cứ bắt quách về cho ông.

- Như vậy chết tôi còn gì, cô hai. Cô làm nhơn làm phước tha cho tôi một phen, tôi lạy cô mà!

Cô gái nín lặng một chút, bỗng cười giòn:

- Ủ, lạy đi rồi tôi tha!

Thằng nhãi con, độc, lại khúc-khích:

- Á ngộ, đi câu lén mà còn ca mùi cho bị bắt, bị lạy...

Cha-chả, tụi này chơi “bứt gân” quá! Lạy nó thì nhục, bằng không, nó dẫn về ông Chủ. Rồi làng xóm hay... rồi má mình hay! Ôi, má mình hay được chắc là sầu-thảm lắm.

Thôi, một liều, ba bảy cũng liều, tôi bậm môi an-ủi. Trời tối, ai thấy mà sợ! mình giả dại qua ải mà!

Tôi chấp tay, sửa-soạn mọp xuống... nước, thì...

- Ý chết, thôi, thôi! Nè, tôi hỏi thiệt, anh có phải là anh “Sáu đờn kìm” bên điền cậu Bộ không?

Tôi giật mình:

- Dạ... phải!

- Tội-nghiệp dữ hôn, lên xuống tát nước, hơ lửa cho ấm đi anh Sáu, rồi tôi nói cho mà nghe.

Tôi riu-riú vững lời, bụng hỏi dạ: “Mẹ thử, nó còn muốn làm gì đây nữa?”
Tuy vậy, tôi hơi vững lòng vì giọng con nhỏ đã dịu, coi mòi dễ thương.

- Nè anh Sáu, em thấy anh một lần, hồi theo Ba em qua điền cậu Bộ mua gà. Chèn ơi, anh ca mùi quá! Hồi nãy nghe thanh giọng, em cũng đoán là anh, mà tại anh chạy...

- Không, tôi có chạy đâu, tôi chống chó!

- Quỷ vật anh, anh bị bắt mà còn giễu.

Tôi thấy có mòi “sóng êm biển lặng”, hỏi gặng:

- Bây giờ cô tính chờ tôi đi đâu?

- Không chờ đi đâu hết!

- Cám ơn, vậy là cô tha cho tôi rồi?

Cô gái bí-mật:

- Là tha ở đâu!

Tôi lại hơi lo:

- Coi kìa, bắt không bắt... mà tha cũng không tha, là làm sao?

- Thủng-thẳng đã. Nè anh Sáu, bây giờ tôi nói tắt với anh một điều, là tôi tha cho anh... mà lại còn cho anh... câu nữa, nhưng...

- Nhưng... là sao?

- Nhưng anh phải “mùi” cho chị em tôi nghe một bài!

- Ý chết! Người ta nghe , áp lại đón ngách, thì phen nầy chắc tôi bị lợi ổng quuyến!

- Anh nhát hít, lúc nầy em dọa chơi, chứ Ba em không có ở nhà, mà cũng không có ai canh vùng nầy hết, chỉ có hai chị em tôi thôi!

Thằng nhỏ nầy giờ im-lặng cũng “xía” vô:

- Ủ, ca đi anh Sáu! Mùi một bản nghe chơi rồi câu-kéo gì thì câu!...

CÁ MẮC CÂU

TÔI cóm-róm bước chưa đầy nửa thước sân, ba con chó vện ở đâu ủa ra, sủa ồn-ào, nhả răng, xừng gáy, dường như hăm-he:

- Ếp! đứng lại! Bước một bước nữa thì cặp giò mầy nát ngóu như tương.

Nào, tôi có định lại đây với một ác-ý: cướp của người như mấy thằng ăn trộm mắc toi hôm trước nhè rinh đi của ông Chủ hết mấy chục gạ lúa đâu? Tôi đến với một ý-định hiền-lành: mượn đất và “nạp mình” làm tôi cho ông Chủ cơ mà!

Một tiếng rầy vang từ trong nhà;

- Đưa nào ra coi làm gì chó sủa rùm ngoài trước vậy? Đi chết đâu mất hết, đồ khỏi ăn trộm xúc lúa ban ngày cho mà coi!

Một chị đàn-bà cầm chổi chà chạy ra quơ... Mấy con chó kinh-hãi, nhảy lùi, và như còn ăm-ức, sủa vọt vài tiếng “quấu, quấu”.

- Anh kia muốn gì?

- Dạ, tôi đến xin mượn đất.

Chị ta trề môi, rút chổi lạng-lẽ đi vô, oai-vệ như một... bà chủ!

Lại có tiếng nói rang-rảng ở nhà sau:

- Kêu nó đợi một chút ông mầy thức dậy đã!

Tôi biết thân, ngồi bó gối dưới bóng mát hàng rào bông phướn trước sân, chờ.

Ba con chó bộ luyến-tiếc hay thêm cặp đuôi của tôi sao mà trở ra ngừ ngừ, đi chung-quanh tôi, hử hử, liếm áo, liếm tay... liếm mặt. Tôi sợ bay hồn mà không dám la, la nó táp bất-tử! Tôi cứ rút chân, né, tránh nhè-nhe. Nhưng cũng may, chúng biết điều, thấy chị ở nói chuyện với tôi, có lẽ đoán “thằng này cũng là một bọn nhà”, nên chúng lớn-vồn chơi một chặp rồi chạy nấp “táp ruồi” bên cạnh bồ lúa.

Tôi chờ một chặp, rồi một chặp nữa. Quái cái ông này! không biết có phải ông ngủ ban ngày, để thay vào lúc ban đêm đặng làm ông thần giữ bồ lúa hay

sao, mà trưa đến xế dài ổng cũng chưa chịu thức dậy.

Hay là ổng ể mình?

Không, không có gì ráo. Khi tôi đã mỏi-mệt, ngồi gục trên đầu gối, thì bỗng nghe một hơi “rò sò sò sò” như bông nước sôi, tôi ngóc đầu dòm: quả là ông Chủ!

Ông ngậm một hớp nước, súc trệu-trạo ba cái, ngược mặt lên trời sôi “rò sò sò sò”, rồi cúi xuống “phệt” một giọt dài vô gốc cột.

Sau những hồi liên-tiếp như thế, ông ôm ngực ho xù-xụ, rồi khạc, rồi lại ho.

Cuối-cùng, ông mới tăng-hăng, đưa mắt ngó lom-lom ra đường:

- Trẻ ra coi đứa nào, biểu nó vô đây coi!

Tôi mừng như lượm được vàng.

Tôi theo chị-ở vòng ra ngõ sau, vô nhà thì ông Chủ cũng vừa ngồi lên bộ ván.

Ông co lên một chơn, kéo ống quần, lật lai trong lau mặt, chùi râu, rồi bỏ xuống, đưa tay nhè-nhẹ kéo cái khay trầu. Ông tỉ-mỉ lựa hai hột cau khô ngâm trong cái chén gần lên meo, bỏ vô miệng nhai chanhchách, rồi tèm trầu nhét thêm vô, rồi nhai chanh-chách:

- Mày muốn mượn đất hả?

- Bẩm Chủ, phải.

- Ở đâu lại đây?

- Dạ, bên điền cậu Bộ.

Ông Chủ hất hàm nói bằng một giọng khinh-khinh chê-bai:

- Chắc đã giứt đầu ở bến hết mấy trăm gạ rồi!...

Tôi tức gần bể mật, nhưng nhường-nhịn:

- Dạ, có đâu? Tôi giao trả đàng-hoàng chứ! Không, tôi làm sao dám qua đây!

- Thôi thôi, tôi sợ mấy ông lắm! Ông tư Lộ của tôi đó, cũng giao trả đàng-hoàng! Đàng-hoàng gần hết tám chục gạ của tôi. Đây rồi đến điền khác, thế

nào nó cũng nói nó giao trả đàng-hoàng! Tôi nói thiệt bây giờ tôi sợ tá-diên hơn sợ cạp. Không có lúa ăn! Tôi giùm. Không quần áo bận? Tôi cho vay. Thất mùa! Tôi cho nợ... rồi đến khi lúa chín, lớp chèn-nhét bán xài, lớp giấu-đút cờ-bạc. Ruộng trúng mà lúa không có. Đến lúc nào liệu thế không xong, họ mới cuốn quần cuốn áo, nửa đêm dẫn vợ, dẫn con trốn đi mà! Bởi vậy, bây giờ tôi thấy ai lại mượn đất, tôi cũng giựt mình dầm-độp...

- Bầm Chủ, tá-diên cũng có nhiều hạng. Có kẻ trốn, thì cũng có người trung-thành làm lợi cho Chủ vậy chứ!

- Nói thì tốt lắm! Thằng tư Lộ, hồi lại mượn đất, cũng nói trung-thành như vậy nhưng đến chừng nó trốn, chắc nó cũng xách cái trung-thành đó đem theo xài ở điền khác! Mà thôi, mày muốn mượn sở đất nào?

- Dạ, sở của chú tư Lộ.

- À, té ra mày hay tin thằng tư Lộ trốn, mày mới lại đây?

- Bầm phải, sở đất đó gần biên, vừa sức tôi lắm. Thế nào tôi làm cũng có lúa.

- Đó! vậy mà thằng tư Lộ cứ nói là đất xấu! Mùa nào tao cũng thấy nó chất đầy cà-lang, mà khi đập ra, lúa hột biến đâu mất hết!

Quân gian-xảo! Sau này, tao mới hay nó giấu đem bán cho ba thằng Chệc ghe cà-vom ngoài đầu kinh để lấy tiền cờ-bạc! Thôi, mà mày muốn mượn cũng được, nhưng năm nay tao tặng lúa ruộng.

- Bầm, xin Chủ cho bằng như năm rồi.

- Được đâu? Từ rày rao phải tặng như vậy cho mấy người mới. Rủi thằng nào trốn còn có mà bù-trừ.

- Bầm Chủ...

- Không thừa bầm gì hết. Chịu, thì làm giấy. Không, tao để cho người khác. Đất tao chẳng “ế-ấm” gì!

Tôi đứng ngây người ra. Bình-thường lúa ruộng của ông cũng đã nặng hơn người ta lắm rồi. Nay ông còn tặng lên nữa thì cũng bằng làm thí-công cho ông ăn. Tôi suy-nghĩ gần điên đầu. Phải dè... Nhưng chẳng lẽ tôi lại trở về điền cũ.

Còn mặt mũi nào nhìn người quen. Ăn làm sao, nói làm sao với cậu Bộ mà mình đã quả-quyết già-từ?...

Tôi bậm môi lăm-bầm: Thây-kê, làm thử một mùa?

- Dạ, thưa tôi cũng rán lắm, chớ làm chắc không thể nào có dư.

- Chịu phải không? Chịu thì làm giấy - đăng coi làm luôn mùa lúa này của thằng tư Lộ trốn bỏ. Mầy coi gặt, đập rồi giao hết lúa cho tao. Rồi mùa tới tao sẽ tính.

Ông Chủ cho kêu một cậu học-trò bên cạnh. Có lẽ đã quen-thuộc nhiều lần, cậu vô tới là đã lơn-tơn đi tìm cái hộp thiếc trên nóc tủ gần đó, lựa ra một bốn kiểu-mẫu đọc cho tôi nghe.

Tờ lãnh làm ruộng giao

Nay tôi có lãnh làm 50 công ruộng cho ông Chủ Trần Háo Nghĩa tiền công tôi lấy trước phân nửa là 20\$. Còn 20\$ chờ đến cấy xong, giao ruộng, tôi lãnh tất.

- Bẩm Chủ, tôi xin mượn ruộng, chớ không lãnh ruộng giao.

- Ấy, việc mượn-chác thì mình biết với nhau, còn giấy-tờ phải làm như vậy cho đúng phép. Phỏng như làm tờ mượn rồi nửa chừng mầy trốn có lòng-dòng cho tao thêm không? Làm như vậy, mầy lãnh làm công, rồi có muốn trốn đi đâu thì trốn, ruộng của tao, bất-quá tao gặt lúa trừ. Tao ngừa như vậy, tá-diền tao đưa nào cũng làm kiểu đó, mà có đưa nào kêu-ca gì đâu! Bây giựt của tao thì có, chớ tao, điền ruộng mình-mông, chẳng đời nào tao thềm giựt của bây!

- Bẩm Chủ, còn tiền lấy thêm: Hai chục đồng, tôi có hỏi gì đâu?

- Mầy quê lắm. Tiền đó là tao buộc phải vay, tới mùa, tao đóng lúa trừ. Tao tính mỗi gạ năm cắc. Phải vay mới có mà ăn đăng làm chớ, không lẽ mầy cạp đất mà cày ruộng sao?

- Nhưng... giá lúa bây giờ đến hai đồng một gạ!

- Thì hai đồng bây giờ. Đây ra giêng còn tới bốn, năm tháng nữa. Chừng đó giá lúa lên tao nhờ, sụt tao chịu. Tao dám “cho” như vậy, mà mầy còn chê mắt chê rẻ... Thôi, không bằng lòng để ruộng đó lại cho tao!

Tôi bủn-rủn cả người, mồ-hôi trên trán đổ hột. Nếu biết như vậy, thà ở với chủ cũ còn hơn.

Bỗng-dưng hình-ảnh trời, sao; hình-ảnh miếng ruộng; hình-ảnh bầy cá tấp mỗi, và phản-ảnh của cảnh tôi bị chìm xuống, phải năn-nỉ ý-ôi với con tám Én, thấy thấy đều hiện ra chập-chờn từ đầu đến cuối,.. Tôi ngược đầu dậy nhìn ra sân, nhìn ông Chủ đang thản-nhiên chanh-chách nhai trầu, rồi tôi cuối xuống nuốt một cái ực, vỗ mạnh vào vai cậu học-trò:

- Ủ được. Thôi viết đi em!

TÔN-SU

KHI dọn đồ về ở cái trại của chú tư Lộ, mẹ tôi căn-nhắc:

- Trại tồi-tệ như vậy, mà lúa cũng không mấy trúng lắm, không biết mầy ham là tại làm sao?

Tôi an-ủi:

- Má đừng lo, bên này chủ điền dễ, cá nhiều, mùa tới thế nào con cũng khá.

Rồi trong lúc ở không đợi tới mùa, tôi lân-la đi làm quen khắp điền.

Tôi đến đâu cũng được người ta niềm-nở, ân-cần. Tiếng ca giọng đờn làm trung-gian gây ra biết bao nhiêu tình thân-ái đậm-đà.

Nhưng cái nhà mà tôi lui tới nhiều hơn hết lại là nhà một người đầy dẫy nghiệp ác: ông thầy Pháp cao-đệ.

Sao mà thằng Út nó mê tôi như sam đực gặp sam cái? Vảng tôi một bữa là nó nhớ biếng chơi, biếng cười.

Ông Thầy, bà Thầy có một mình nó là trai nên chiều như con vua, muốn gì cho nấy, nhiều khi hạ mình năn-nỉ tôi ở chơi đờn ca cho thằng Út vui.

Con đầu lòng, cô Yến, năm ấy mới mười bảy xuân-xanh. Mặt tròn, mắt sáng, môi mỏng, răng đều, cái gì cũng được hết cả, chỉ trừ có nước da là đáng phiền!

Tôi không được nói chuyện nhiều với cô, nhưng lần nào lại chơi cũng được cô cho ăn chè nóng hổi, và khuya, bó đuốc cho tôi về.

Lần lần tôi được coi như người nhà, và lần lần, ông thầy cao-hứng rủ tôi lên cùng mâm với ông, nhâm-nhi cho có bè-bạn.

Một đêm kia, tôi mang đến một chai rượu đế thượng-hạng, vừa gặp lúc ông đương ngậm đui gà nhậu-nhết.

- A! Em Sáu mới qua, may quá. Yến đâu con? Dem thêm cái chén, đôi đũa.

- Dạ thôi, tôi còn no, xin thầy cứ dùng.

- Ấy, ấy, no cái gì?... Leo lên mà! cùng hội cùng thuyền, chẳng mấy khi...
Đây mừng em một ly nhỏ.

Kể ra, tửu-lượng tôi cũng khá, rán cầm hơi với ống cho tới khuya.

Đợi lúc ai nấy mỗi-một đi ngủ hết, mà chai rượu đế cũng lừng-chùng, tôi mới thỏ-thẻ:

- Dạ, trong nghề phù-phép, thầy cũng là bậc anh cả?
- Anh cả thì chưa phải là anh cả, nhưng ở đây không thấy ai hơn “qua”.
- Nếu vậy chắc thầy có đạo “bùa tổ”?
- Cha! em biết “bùa tổ” nữa, mà hỏi làm chi vậy?

Tôi ngần-ngừ:

- Dạ... nếu thầy biết... tôi xin... học.
- Té ra em cũng ham bùa?
- Dạ đó là sở-vọng của tôi.
- Mà em học để làm gì chứ?
- Dạ, ai cũng muốn biết để hộ-thân và giúp đời...

Ông thầy ngược lên dòm tôi mỉm cười:

- Em tưởng dễ học lắm sao?
- Dạ, tôi cũng biết là khó, nhưng gắng công bền chí thế nào cũng nên. Mấy năm rồi, tôi cũng có luyện chút ít.
- Em học đạo nào?
- Dạ, “Mẹ sanh”.
- Em biết làm bệnh chưa?
- Dạ, biết chút-đỉnh, nhưng mấy đạo “cà-tha” của tôi nhiều khi không linh-nghiệm bằng bên thầy.

Ông thầy Pháp chăm-chỉ nghe tôi nói, rồi cúi xuống ăn, gật-gù, nín lặng. Lâu-lâu thầy bưng ly đánh trót một hơi dài.

Tôi vẫn ngồi hầu rượu.

Đêm đã khuya lắm rồi mà không thấy ông nói gì nữa.

Tôi nóng lòng đợi mãi không được, buồn ý đứng dậy xin về, nói một giọng chán-nản:

- Nếu tôi có đường-đột hỏi thầy điều khó-khăn đó, xin thầy đừng chấp-nhứt. Bởi lòng tôi hâm-mộ quá, nhưng chắc tôi không có phần gặp thầy, nên...

Bỗng-dưng, ông thầy nhướng mắt, đưa tay khoát-khoát:

- Không, không phải như em nghĩ. Em đừng buồn. Sở-dĩ tôi không trả lời vội là vì tôi đang suy-nghĩ coi có nên truyền đạo bùa đó cho em không. Em phải biết, phép của tôi thì nghiêm-nhặt, mà em thì còn nhỏ tuổi quá. Theo luật định, với đạo bùa ấy, một thầy chỉ truyền được có một trò - trò ấy tự-nhiên là một trò ruột phải đủ đức-hạnh. Chớ, nếu đạo bùa mẫu-nhiệm đó ai cũng biết và đem ra dùng hết thì còn gì là luật trời, mà tôi đây còn có tước-vị gì nữa?

Rồi ông êm giọng:

- Em à, qua thấy em, qua thương, cũng muốn truyền lại, nhưng sợ em còn nhỏ tuổi, nóng tánh hay làm càn.

- Tôi xin hứa với thầy rằng tôi học để giữ mình và giúp đời, chớ không cố ý giựt tiền, cướp ruộng của ai cả.

- Được, thôi em đưa tay lên ngay bàn Tổ thề đi, thề độc đi...

ĐẠO PHÙ THẦN

CỨ đến canh ba không một tiếng chó sủa, không một tiếng gà gáy, tôi tắm gội sạch-sẽ, thành-tâm đốt một cây nhang, ngồi thẳng lưng, xếp bằng, chăm mắt nhìn vào đám lửa đỏ.

Tinh-thần gom vào ý muốn, tay trái chấp trước ngực, tay mặt hoạ ấn-quyết, thổi ra một hơi, rồi lâm-râm đọc không cho vấp, bỗng trầm theo giọng Thổ:

*“Ôm mà xơ rốp, mà
ha xơ rốp, ông chênh cô
rô bầm bình, tra ông
bầm boul, tầm đóp,
moul xốp rốp, chuỗi
pral anh hòng. Lục cu
ru truy khả nhum, pol
prốt via tể ành hong...”*

Tập như vậy ba tháng mười ngày. Đến chừng nào mắt nhìn ngọn nhang hết nháy, nín thở không biết mệt, bên tai có tiếng động không giựt mình, chừng đó là được: đạo bùa thành.

Mà hễ thành thì nó linh-nghiệm vô-cùng. Theo lời thầy tôi, nó dùng được đủ cách: Trừ tà, ếm quỷ, trị các nọc độc, giải phá bùa khác, làm mờ mắt kẻ thù, làm thương hoá ghét, làm ghét hoá thương, thù ai có thể làm chết được, thương ai có thể làm cho họ mê... tùy theo tay ấn mình bắt, tùy theo ý muốn mình quyết-định.

Nhưng đừng ai đại dèm mấy chữ bùa trên đây ra học mà xài. Thiếu ấn-quyết, trấn-ếm, các “bà” thù-ghét, sẽ xệt xuống bẻ cổ chết ngay!

ÔM MÀ XƠ RỐP...

ĐƯỢC đạo bùa linh-nghiem đó, tôi hả dạ không cùng. Sáng luyện, trưa luyện, nửa đêm luyện, mong cho mau thành đăng có làm cho “hả gan hả ruột” một phen.

Khi lúa đã chín vàng, tôi cũng học bùa vừa thành-thuộc.

- Cha! thầy mình khen nó quá mà không biết nó sẽ linh-hiệu thế nào! Mà thế nào đi nữa, mình cũng phải thử trước chớ, không, Tổ trác, làm “leo cây” không kịp.

- Tôi định bụng và lăm-le, nhưng chưa có một dịp nào thử bùa.

Chiều một bữa cuối năm. Thầy tôi nhắn qua rằng: vắng tôi nên thằng Út nhớ lăm.

Tôi tắm gội sạch-sẽ, ăn mặc bánh-bao, định rảo sơ một vòng qua xóm rồi sẽ đến nhà thầy tôi không muộn.

Nói là rảo sơ chớ bụng tôi đã quyết tìm cơ-hội thử bùa: mà phải con gái trước...

Nhưng khốn-nạn quá, mấy bữa trước các cô đi kiếm củi bơi xuồng về lênh-nghênh đầy rạch, hôm nay rủ nhau trốn đâu mất hết. Mọi ngày các cô đi câu lội đầy đồng, nay cũng vắng-tanh chẳng có một bóng ma nào!

Đi khắp xóm, đến đâu người ta cũng niềm-nở, mời-mọc, hăm vật gà dãi rượu; nhưng tới đâu tôi cũng vẫn lạnh-lùng:

- Thôi, thôi, cho hẹn bữa khác, hôm nay trong mình tôi khó ở.

Buồn ý, tôi thả rểu ra ruộng, nôi nặng-nề đi thẳng lại nhà thầy tôi.

Lúa chín đầy đồng. Trời hôm ấy đẹp quá. Gió chiều hiu-hiu từng ngọn. Đàn cò lũ-lượt vỗ cánh lưng-chừng không.

Lòng tôi bỗng-nhiên khoan-khoái lại. Có được đạo bùa bỏ túi, tôi cảm thấy mình có một địa-vị tối-cao.

Thiên-hạ càng phục tài “anh Sáu đồn kìm” bao nhiêu, giờ lại càng ghê-sợ thêm bấy nhiêu.

Mà rồi đây, họ sẽ kêu mình là “Cậu Sáu” hay “Thầy Sáu” cũng không biết chừng!

Ừ, có vậy mới được chớ, lẽ nào tài-cán bực này mà lại chịu cho họ kêu “Thằng Sáu kia, thằng Sáu nợ”?

Cái buổi vinh-quang đã đến. Cái ngày “nợ-nần” cũng sắp trả xong. Nghĩ đến đó, tôi sung-sướng quá, quên cả mệt-mỏi, rào bước không mấy hồi là đến nhà thầy tôi mà tôi không hay.

Chừng trực thấy bụi chuối phát-phơ ngọn lá bên đường, tôi mới đứng khựng lại.

Trời đã sập tối. Ba con chó trong nhà túa ra sủa hai ba tiếng, rồi đánh hơi được, xung-xăng ngoắt đuôi mừng.

Tôi lại vỗ cửa:

- Thầy ơi, thầy!
- Ai đó, anh Sáu hả?
- Phải, tôi đây, Thầy Thím đâu rồi cô hai?

Cô Yến rút then cửa:

- Ở nhà một mình ban đêm ghê quá! Thằng Út độc-địa, mới chập tối đã vô mừng ngáy khò-khò. Ba má em hồi chiều có dặn: Nếu anh lại chơi, kêu anh ngồi chờ một chút.

- Thầy, Thím đi đâu cô?

- Qua bên cậu mười em. Mợ mười em khi không “lên xuống” sao đó, nên ở bên qua rước.

- Rủi quá, thôi để tôi đi về?

- Tội-nghiệp, về làm gì anh. Đây ba má em về nói tại em không cầm anh, rầy em oan lắm. Anh ngồi chơi, chờ một chút, em đi nấu chè anh ăn.

- Thôi, tôi không hảo ngọt, mất công cô lắm.

- Công-cán gì anh. Ngồi không cũng buồn. Em nấu chè anh ăn, anh đồn nghe chơi cho ấm nhà. Anh coi, có một mình, sau trước vắng-tanh, em sợ cái

bàn Tổ quá. Chong đèn gì mà leo-lét như ma trời!

- Con “nhà tướng” mà sợ bàn Tổ nổi gì?

- Sao không sợ, anh! Nhà ở biệt-lập giữa đồng như vầy, ban đêm, gió đưa mấy tàu chuối oặt-oà rột-rạt, ghê hồn. Hồi nãy chó sủa, em đã thất-sắc, chừng nghe tiếng anh, em mới vững bụng.

- Cô nhát quá!

- Không nhát sao được anh, con gái mà ở một mình rủi...

- Bây giờ cô hết sợ chưa?

Cô Yến bẽn-lẻn:

- Hết...! mà anh phải ăn chè nghe?

- Ủ, ăn thì ăn.

Cô lui-cui bưng đèn xuống bếp còn quay lại dặn vói:

- Nằm trên ván đó anh Sáu. Nằm một chút cho khoẻ rồi đờn nghe chơi anh.

- Được, để đó tôi, cô!

Nhà vắng-vẻ thật. Cây đèn bàn Tổ leo-lét, trông bắt lạnh mình. Gió rung tàu chuối nghe ào-ào. Mấy con chim ăn đêm ngoài bờ tre lâu-lâu kêu lên một tiếng rợn người.

- Oải! anh Sáu ơi! anh Sáu, anh Sáu!...

Tôi phóng xuống đất một cái rột.

- Cái gì, cái gì!

Tôi đâm đầu chạy xuống bếp. Cô Yến la thất-thanh, đã quăng cây đèn tắt phụt tự hồi nào rồi.

Tôi chạy thế nào mà tai nghe tiếng gió sát cạnh tủ, thân mình cạ vô vách buồng rào rào, tôi quên rằng trong đêm tối, các cây cột, bàn ghế sẽ va vào đầu tôi không thương-hại.

Nhưng... cô Yến đã thẳng trốn chạy lên, lúi vô mình tôi dữ-dội. Đụng nhau mạnh quá đến hai đứa té lăn cù dưới đất... mà cô nằm gọn-lỏn trong hai cánh tay tôi.

- Gì đó, gì đó, cô!

- Ma! anh ơi... ma!

-... Ôm mà xơ rộp, mà ha xơ rộp... bầm buôl... tằm đốp... xộp rộp...

Tôi đọc thần-chú lung-tung-beng, loạn xà-bần, trống ngực đánh đui, đui... đui.

Cô Yến thở hào-hển:

- Ma ở... sau bếp anh à. Em vừa bưng đèn xuống...hai con mắt xanh...hai con mắt xanh...lè, chờn- vờn...

- Không sao, không sao, có tôi, đừng sợ!

Tôi rón dờ cô Yến ngồi dậy, đưa hai cánh tay run run, dìu cái thân-hình diệu-nhiều cũng run run, dắt ra trước, đặt cô ngồi xuống ván.

- Cô làm tôi hồn lên mây!

- Em sợ quá, anh sợ không?

- Sợ gì cô? Nam-nhơn chi chí mà!

Tôi làm gan đứng lên, ra mặt bảnh, sửa-soạn xuống bếp.

Cô Yến bầu chặt tôi kéo lại, năn-nỉ:

- Đừng đi anh. Ở lại với em một chút mà!

Như cái máy, tôi buông rơi mình xuống ván.

Không biết chúng tôi ngồi trong bóng tối như vậy bao lâu mà... chừng cô Yến sức tỉnh, then-thuồng gỡ tay tôi ra, tôi mới...hoàn hồn.

- Anh làm ơn xuống kiểm giùm cây đèn cho em một chút, kéo mất, ba má em về rầy chết.

Tôi cũng bối-rối:

- Ủ , ừ để tôi đi kiểm, để tôi đi kiểm!

Tôi đốt đèn lớn bưng ra nhà sau. Cây đèn cô Yến quăng lúc nãy nằm lẩn bên đồng củi, ống khói bể nát.

Tôi vói tay lượm lên, mắt láo-liên dòm.

Trong lúc đó tôi mới sức nhớ là mình có đạo phù thần mạnh-mẽ. Tay bùa chú mà nghe có ma đã run-sợ, là một chuyện quái-gở vô-cùng. Tự-nhiên tôi thấy “gan” lên, tay bắt ấn, miệng đọc bùa, le lưỡi thối dọn đường, rồi dạn-dĩ bước thẳng xuống bếp đưa đèn rọi.

Con mèo mun nằm trong lò, đưa cặp mắt xanh nhìn trân-trân, rồi như muốn lại mơn-trớn tôi, vùng kêu “meo meo”, thẳng lưng phóng xuống đất.

- Cô hai, cô hai, xuống mà coi con ma của cô đây nè.

Thấy mèo, cô Yến cười. Rồi cô lăn-căn đi nhúm lửa.

Tôi hỏi giỡn:

- Ủa, còn chè cháo nữa sao?

Cô liếc xéo tôi một cái như dao phớt:

- Chớ sao!...

Ngồi đợi nồi chè chín, lòng tôi băng-khuâng khó tả.

Cô Yến ngồi bên cạnh chõng, lâu-lâu quạt vào mùng thẳng Út một cái, chăm-chỉ đợi nghe tôi ca.

Nhưng tôi, tâm-trí đang rối mù, không còn nhớ câu nào là câu nào, đồn nghe lỏn-chỏn chết đời.

Đầu-óc tôi gần bể rạn ra bởi những cuộc “cãi lộn” lung-tung:

- Hay là thừa lúc này mình thử bùa?... Ấy, bậy nà! con của Thầy mình! Thầy thì Thầy chớ, “thử” chớ phải “thiệt” sao?... Cha, rùi Thầy mình biết?.. Biết làm sao được, chỉ có hai đứa ở nhà... Rùi Thầy mình về bất-tử?

Tôi phập-phồng hỏi:

- Cô hai ơi, thầy thím sao chưa về?

- Em cũng không biết nữa. Hồi đi nói về sớm, mà tới bây giờ...

Tôi nhóng:

- Thôi thì tôi về vậy, khuya rồi!

- Y!... ở lại với em một chút nữa, anh Sáu à!

Trong giọng nói có một chút gì như van-lơn quyến-luyến.

Bốn bề lặng-lẽ như tờ. Phía sau, lửa cháy lách- tách. Tôi quả-quyết, cắn môi: Thây-kê, thử càn...

Toàn thân tôi bỗng run lên, trống ngực tôi đánh rầm rầm. Hai hàm răng tôi cắn khít lại, rồi... “Ôm mà xớ rộp...”

Cô hai ơi, lại tôi chỉ cái này!

Thì lạ-lùng thay, linh-nghiệm thay, tôi gọi vừa dứt lời, cô Yến vươn mình bước xuống đất, ngoan-ngõn như con mèo sau bếp...

Thình-lình, có tiếng chó sủa, rồi chó mừng. Tôi giật mình đứng dậy.

Ba má về!...

Đang đi lại tôi, cô Yến trở mình “cái vụt”, mừng reo, chạy ồ ra mở cửa.

...MÀ HA XƠ RỐP

TÔI tin chắc có sự linh-nghiệm của đạo bùa cũng như người ta tin có sự thưởng-phạt của đất trời. Lúa đã đỏ đuôi chín. Cả đồng vun một màu vàng mơ. Tôi chưa kịp báo tin cho ông Chủ hay, thì hôm sau ông ngồi xuống tới trại.

Tôi nói thầm:

- Có lẽ thằng cha này tới số! Mình phải cạy-gỡ chút gì mới được.

Từ lâu nay, tôi giấu kín mẹ tôi những điều tôi học-tập, mà hôm đó vì mừng quá, thiếu chút là tôi khai ráo ra.

- Má coi kìa, ông Chủ bữa nay ghé nhà mình đó. Con dám cá với má rằng một lát, con xin với ông gặt năm chục công ruộng này, đong đủ lúa chú tư Lộ thiếu, còn dư bao nhiêu cho mình hưởng hết cho má coi.

Bộ mày là con ruột của ông!

Thì để má coi mà...!

Ông Chủ vừa tới cửa. Mẹ tôi khép-nép mời ông vào nhà. Tôi cũng lảng-xăng bưng trà, nấu nước.

Ông Chủ bữa nay mặc quần lãnh đen, áo trắng, có choàng thêm cái bành-tô vàng hực. Ông dòm trước, dòm sau, nhìn mẹ tôi, rồi tăng-hăng hỏi:

- Lúa khi cũng chín rồi há?

- Dạ, mới đỏ đuôi.

- Nhà thím được mấy người làm?

- Dạ, có hai mẹ con tôi.

Ông Chủ hơi ngạc-nhiên:

- Có hai mẹ con mà dám làm năm chục công ruộng, cũng gan chớ!

- Dạ, nhờ thằng nhỏ có sức-lực với siêng-năng nên cũng tạm xong.

- Chú đâu?

- Dạ, nhà tôi đã mãn-phần ba năm nay rồi.

Mẹ tôi trả lời xong, xây lại tôi:

Con, sao đứng xớ-rớ đó? Đi lấy nước cho Chủ tráng miệng uống nước chứ!

Tôi giựt mình: Thiếu chút nữa đã quên chuyện lớn. Rồi lẹ bước ra sau, vái lăm-thăm:

- Nhờ Tổ linh-thiên, giúp tay đệ-tử!...

Rồi tôi vẽ bùa trong chén nước: “Ôm mà xớ rốp...”

Tôi giả bộ cóm-róm để chén ngay mặt ông Chủ:

- Dạ, mời Chủ tráng miệng!

- Được, để đó tao. Cha! nhà có hai mẹ con, ở chỗ vắng-vẻ như vậy cũng buồn chứ, thím há?

- Bẩm Chủ, riết rồi cũng quen đi.

Ông Chủ bưng chén nước hớp, súc miệng.

- Thiệt, tôi thấy tình-cảnh thím tôi thương quá. Tánh tôi vậy đó a thím... mà thím thứ mấy?

- Dạ, thứ ba.

- Tánh tôi vậy đó thím ba à. Tôi thì hay thương người nghèo, thương tá-diên lắm, mà họ không nghĩ, cứ trở mặt giựt của tôi hoài. Như thằng tư Lộ là một.

- Dạ mẹ con tôi tuy nghèo chứ vẫn giữ tánh thiệt-thà ngay-thẳng, chỉ biết lo làm ăn thật-tình mà thôi.

- Ủ, như vậy tôi chịu lắm a... thím. Thím rán ở đây làm cho bền, tôi tử-tế lắm chứ không phải như người ta đâu...

Thấy bùa “có gió”, tôi chen vào:

- Bẩm Chủ, lúa mùa này không trúng mấy, để lâu sợ chuột bọ phá hao-hót. Tôi vừa bàn với má tôi để đến xin Chủ cho gặt đập, rồi trả số lúa ruộng của chú tư Lộ cho Chủ, còn dư chút-đỉnh, xin Chủ cho cũng như công khó. Làm như vậy Chủ khỏi mất công kêu người gặt, khỏi phải canh chừng...

Ông Chủ ngồi suy-nghĩ một chặp. Thình-thoảng ông nhìn mẹ tôi, nhìn tôi, gục-gặc đầu, nói bằng giọng nhân-đạo:

- Cha, thằng tính khôn quá! Ruộng này đâu có thất mảy! Để cho mảy gặt mả, thế nào mảy cũng lời ít lắm là năm chục gạ. Phải không thím ba?

Thằng nó muốn tính cao hơn tôi đó. Mà thôi, tôi thấy tình-cảnh thím còn trẻ mà goá-bụa, nghèo-khó tôi thương. Cho nó chuyển này, cũng như giúp-đỡ nó và thím. Thằng Sáu, mảy gặt yết gì thì gặt. Mà phải rán đong cho đủ lúa ruộng cho tao đa, nghe không?

- Dạ, bề gì tôi cũng phải lo đủ cho Chủ trước.

Nhưng mẹ tôi lại lo xa:

- Cha! rủi có thiếu, biết làm thế nào?

Ông Chủ đứng dậy cười khi-khi:

- Ối! nói mà nghe, đâu có thiếu chút-đỉnh cũng không sao. Tôi đã nói thấy tình-cảnh thím tôi thương lắm mà! Thôi tôi về. Khi nào rảnh thím qua nhà tôi chơi đừng ngại...

Đưa ông Chủ ra khỏi cửa, tôi trở vào hớn-hở, múa tay, múa chân. Nhưng má tôi nhìn lên nóc nhà, mặt thấy buồn dầu-dầu...

OAN...!

MÙA gặt tới rồi. Khắp đồng như một mâm xôi lớn. Gió qua lúa cựa mình như than-thở, lao-xao. Người ta từng-bừng đầy ruộng. Ai cũng lo làm hối; không, lúa ngã sẽ hư-hao nhiều.

Tôi chưa kịp đi mượn người gặt tiếp thì ông Chủ tới nhà.

- Coi, sao thằng Sáu không lo gặt để lúa rục-rã hết còn gì?

Ông quay lại mẹ tôi như để méc:

- Thím coi, đêm ngày nó cứ lo đồn-địch ca-xang. Thím la rầy nó chớ! Tôi nghe đâu nó lại nhà ông thầy pháp Mạnh thường lắm. Đố khỏi nó bị người ta dụ-dỗ, sa-đà rồi quên hết việc ruộng-nương.

- Cám ơn Chủ có lòng lo-lắng cho mẹ con tôi. Tôi đã nhắc nó hôm qua, song nó còn phải vần công với chú hai Hoá rồi mới gặt được đất nhà.

- Ủ, thì lo sớm sớm, chớ cũng đã muộn rồi!...

Ông Chủ có mòi lo cho tôi lắm. Ông đã lạm bùa của tôi rồi. Hôm ấy ông cứ nhắc-nhở tôi về việc làm ăn, ông lại còn ở ăn cơm tại nhà tôi nữa. Báo-hại tôi chạy hết hơi mới kiếm được cá và đồ nhậu.

Chai rượu thứ nhì tôi kiếm được, chưa kịp đem cho thầy tôi, bị ông ực với đi hết hai phần. Ông ăn, ông uống, ông nói chuyện huyền-thiên!

- Sao nó lớn rồi mà thím không lo vợ cho nó? “Có vợ có chồng tát biển đông cũng cạn”. Để nó có một mình kham-khổ quá, mà thím cũng không ai coi-sóc miếng uống, miếng ăn. Nè để tôi chỉ cho. Con gái thằng hai Hoá đó, con gì mậy sáu?

- Dạ, con tám Én!

- Ủ, con tám Én, tám ơi gì đó. Con nhỏ coi phải thế, dễ thương lắm. Con nhà làm ăn đa. Cày giỏi, cấy giỏi, gặt cũng giỏi nữa. Cha-chả phải chi thím đi hỏi cho thằng Sáu thì nhờ được biết bao nhiêu!

- Nó chưa chịu cưới vợ, Chủ à. Nó nói còn nhỏ.

- Trời ơi, nhỏ quá! Nhỏ mà gần thành yêu. Thím để nó lại nhà ông thầy pháp Mạnh hoài, thầy sẽ bắt hồn cho con gái thầy mà coi!

Tôi giã-nảy:

- Bẩm Chủ, đâu có kỳ vậy được! Con đó còn nhỏ xíu.

Ông cười khè-khè nặc hơi rượu:

- Mười lăm, mười sáu tuổi mà mày nói còn nhỏ! Tại nó đẹt, nó ốm-yếu như vậy, chứ phải là con dòng “làm ăn” coi! Mày thử so-sánh nó với con tám Én thì biết. Cũng một tuổi chứ gì. Đàng này coi có phải đúng câu “Con gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu” không. Ý là nó chưa mười bảy đã. Vậy mà nó làm ăn “dàng trời đổ lửa” đi mây ơi! Một mình nó mà ban đêm chống xuống đi tuần ruộng thì đồ cha thằng ăn trộm nào dám lại gần, đồ họ thằng câu nào dám lên vô! Nó cho “quý thú chủ” hết thấy.

Tôi tức-tối, nhưng không biết cãi làm sao, đành trề môi lên một cái rồi bỏ đi ra sau.

Mẹ tôi đỡ lời:

Tôi cũng tính để rồi coi đâu đó phải chỗ hỏi đại cho nó. Chỉ sợ là nhà không đủ ăn. Chủ coi, một đồng một chữ không có, lấy gì làm sở-phí.

- Thì hỏi để đó, rán làm ít mùa ruộng là xong!

Ông ăn, ông uống, ông say, ông nói, rồi ông nằm liệt tại nhà tôi mà ngủ cho đến chiều.

Mẹ tôi coi bộ khó chịu, kêu tôi nói nhỏ:

- Ông làm như vậy, tao sợ người ta nói...

- Ồi hơn đâu mà lo. Bất-quá mình làm “thân” với ông cho qua mùa lúa này rồi sau sẽ hay.

Ngày sau, tôi khởi đầu gặt vắn công với con tám Én.

Thấy nó, tôi sợ-ngợ và tức-tối vô-cùng. Nhưng cũng phải nhìn-nhận như lời ông Chủ nói:

- Con nhỏ làm ăn “dàng trời đổ lửa”.

Nó cầm vòng hái gọn-gàng, gặt lia-lịa, bó giỏi, “cò” hay. Tôi theo gần đuổi mà cũng không làm sao rồi công khi nó xách vòng hái đi về.

Con nhỏ lại độc, cứ bắt công gần tôi để chuyện-trò.

Lúc đó tôi mới nhận được ở con nhỏ một tài đặc-biệt nữa: tài hò.

Ở nhà-quê, khi tựu đồng, người ta thường đối-đáp chơi. Con trai gheo, con gái trả lời. Ít thua con trai, nhứt là con tám Ớn, mà có khi lại còn cho tụi kia “cứng họng” nữa là khác.

Trong bọn gặt con trai, có thằng tư Bồ là hò lẩn hơn hết và nghe đâu nó phải lòng con tám Ớn lâu rồi.

Có lần con tám Ớn bực-mình, tính hạ nó một mẻ:

*Tiếng anh ăn học lâu
thông,*

*Hỏi anh có biết khăn
lông mấy đường?*

Ái chà chà, cái con nhỏ chơi quá-quắc. Nhưng thằng tư Bồ đâu có lẽ chịu lép vế. Nó cũng lẻo mép ghê:

*Em về đếm hết cỏ
vườn,*

*Lại đây anh nói mấy
đường khăn lông.*

Không biết có phải con tám Ớn bị “nghe” ở đó rồi nó sanh ra ghét thằng tư Bồ hay tại nó thấy mấy bài vọng-cổ của tôi hơn điệu hò mấy bậc, mà nó theo chuyện-trò với tôi. Tôi thì vẫn cứ rửa thềm nó. Vậy mà thằng tư Bồ đâu có hay. Nó thấy con tám Ớn cứ men-men lại tôi là nó nghi, rồi nó ghen. Bởi vậy, nó nhè tôi mà oán “ra mặt”.

Nhiều lúc nó nói xéo tôi trước đông người. Tôi vẫn mỉm cười, không coi vào đâu:

- Tao mà vẽ bùa, thì mười thằng như mày cũng tán mạng!

Tôi hăm thầm như vậy chớ chẳng nỡ xuống tay, mà cái thằng tư Bồ u-mê không biết thân, lại ham làm già cho sanh chuyện.

Có một bữa nọ ứng-khẩu hò:

*Thấy cô nho nhỏ, tôi
muốn bỏ cái nghề đồn,*

*Theo cô làm tòng-
giả, đánh quờn cho cô
coi.*

Có chán-chường chưa? Có rõ-rệt chưa? Nghề đồn là nghề của tôi, còn biết xem quờn là con tám Én. Ông già hai Hoá có truyền lại cho con gái một mớ nghề.

Khi nó hò xong câu đó, con tám Én gặt bê lại gần tôi, nói nhỏ:

- Cái thằng có giọng hò đáng ghét quá anh há?
- Ủi bữa nào “qua” sửa lưng nó một cặp cho nó tởn.
- Ý không nên! Thằng đó là học-trò ruột của ba em. Nghề võ nó giỏi lắm.
- Giỏi mặc nó chớ. Nó mà làm gì được “qua”.
- Vậy anh cũng biết nghề nữa à?
- “Qua” không biết gì hết. Nhưng sức của nó, “qua” sè bàn tay là nó nằm một đồng!

Con tám Én dòm tôi với một vẻ mặt kinh-dị:

- Anh có tài như vậy mà hồi giờ em không dè chớ!
- Dè sao được mà dè! Còn có nhiều cái “lạ-lùng” mà em không dè nữa! Việc đó sau rồi sẽ thấy.

Nói rồi tôi nghinh-nghinh nó như trâu đang hăng. Con tám Én cười:

- Anh nói chơi...
- Thuở giờ “qua” có nói chơi với em lần nào đâu? “Qua” mà, em!

Nói chuyện vồn-vẹn với con tám Én có bấy nhiêu đó mà hôm sau thiên-hạ đồn rầm lên rằng: “Con tám Én “tò-tí” với thằng “Sáu đồn kìm” ngoài ruộng!”

Phật mà có nhào lộn ngược xuống bàn cho chưa! Cái thù chưa trả, cái hận còn đây, “tò-tí” là “tò-tí” làm sao?

Nhưng tôi rán dần lăm, dần lăm mới chỉ ầm-ức lằm-thằm: “Rồi một ngày kia mấy người coi “tò-tí” hay “tí-tò” gì cho biết?”

Trả công qua lại gần nửa tháng mới rồi, nhưng lúa vẫn còn “cò” phơi ngoài ruộng.

Tôi phải đi tuần nghiêm-nhặt vì bọn trộm lộng lằm. Hở một chút, mất cả lúa xuống.

Vào một đêm không trăng, trời chuyển mịt-mù tối đen, rồi mưa rỉ-rả.

Mẹ tôi lo-lắng không cùng, kêu tôi than-vãn:

- Trời mưa trái mùa như vậy hư lúa hết, thêm một nỗi trộm-đạo thừa dịp ăn cắp không chừng, con chịu khó đi canh một vòng rồi về ngủ.

Trời lạnh thấu xương, nhưng không nỡ để cho mẹ lo buồn, tôi xách áo tơi bưng lồng đèn ra đi.

Tôi chống giáp một vòng ruộng, đến gần ranh của con tám Én, bỗng nghe có tiếng rù-rì. Tôi lập-tức ngừng xuống lại lóng tai nghe: Ai kìa? Những hột mưa rơi lắt-rắt trên vành nón lá làm lấp tiếng mất tiếng còn.

Tôi đứng tần-ngần suy-nghĩ coi kẻ trộm hay người nhà. Cái đèn lồng tắt mất hồi tôi mới ra ruộng.

Tiếng rù-rì ngừng đi rồi lại nổi lên từng chập.

Giờ không lẽ đứng hoài đây chịu? Tôi nghĩ vậy bèn gò xuống tăng-hăng. Tiếng người mất hẳn. Thôi, phải rồi ăn trộm.

Tiện đường không nỡ để con tám Én mất lúa oan-uổng, tôi chống lẹ xuống qua nạt lớn:

- Ai đó? Ăn trộm lúa phải không?

Có tiếng giẫm rớt bên be xuống, rồi tiếng chạy ào-ào. Thành-linh một cây đèn ló chĩa vào mặt tôi...

- Hà, đi đâu đấy, mầy mới quả thật là ăn trộm!

Tôi vừa kịp nhận ra là thằng tư Bồ thì một cây sào dài đầu vụt tới.

Tôi hoảng hồn biết không xong, bấm tay đọc bùa hộ-mạng:... Ôm mà xơ... nhưng mà trễ quá rồi, sào đưa một cái “rộp”, ống quyển tôi như muốn gãy lìa. Tôi té nhúi xuống nước, bị hai người áp lại đè thúc đầu gối vào lưng tôi.

Thằng tư Bồ đắ-thắng:

- Mầy cả gan dám qua đây ăn trộm lúa hả!

- Đồ khốn-nạn, đừng lằm, tao đi tuần...

- Hứ, đi tuần! Sao nhè lại... đi tuần trong ruộng tao?

- Nói bậy, ruộng của cậu Hai mà!

- Ruộng của cậu Hai thật, nhưng tao lãnh canh giùm. Còn mầy... đồ ăn trộm!

- Khốn-nạn, tiểu-nhân, vu-cáo!

- Có vu-cáo không rồi sẽ biết. Xuồng đây, lúa đây, tao bắt được mầy tại chỗ này là cứ đem về cho cậu Hai định-đoạt.

Tôi tức quá, phần bị nó nhận cứng dưới khoang xuồng, phần bị nghẹt, thở chẳng ra hơi, tôi không thềm cãi-vã làm chi nữa, cầu cho nó đem về nhà phứt đi là hơn.

Thằng tư Bồ cùng với bạn nó lấy chân tằm trói ké tôi lại, mở lòì-tói xuồng xiềng chơn tôi, dòn chiếc xuồng tôi sau lái, hồi-hả chống về...

... **NGHIỆT!**

TIẾC thay có một đạo bùa linh-nghiệm mà tôi không dùng kịp để ra đến nỗi này. Nhưng ai có dè? Ai có dè được cái trở mặt hèn-hạ tiểu-mọn của thằng tư Bồ.

Nếu tôi biết thế, tôi chỉ hoá bùa sớm một chút, đọc thần-chú sớm một chút, nó sẽ biết tay tôi trừng-trị nó cách nào kìa!

Nghe bắt được trộm, cả xóm rần-rần lại coi. Con tám Én ở đâu ngoài ruộng cũng chống xuồng xông- xộc về.

Dưới ánh đuốc cháy sáng, con tám Én trước nhứt chạy hăm-hăm lại coi mặt thằng “ăn trộm” thế nào.

Thấy bóng nó, tôi nóng ran ở màng-tang, máu trong mình như sục-sục sôi lên:

- À há!...

Giá lúc đó tay tôi không bị thúc ké thì... ấn thiêng kia tôi phảy một cái, tiếp theo một tràng... Ôm mà xơ rốp... cả một lũ cáo chúng nó sẽ ngã cả ra như rạ.

Con tám Én đứng khựng trước mặt tôi:

- Trời... anh Sáu!

Nó run lên, nó lão-đảo, nó làm bộ meo-máo:

- Anh Sáu, anh... ăn... trộm sao?

Trong lúc đó, thằng tư Bồ đứng cười khúc- khích,

Đây là lần thứ hai, tôi mang thêm cái nhục tày đình.

Từ lúc để cho thằng tư Bồ trối ké chở về, tôi như điên-cuồng, loạn óc, tức-tối đã lên tới cực-điểm. Khi cái giận dữ nó đã lên cực-điểm rồi, thì nó lại trở nên rất nguội-lạnh hiên-lạnh! Tôi đã ở trong tình-cảnh ấy. Cho nên đáng lẽ phải la-ó, chửi-mắng, giầy-giụa, đằng này tôi lại lạnh-lùng, lạnh-lùng khinh-thường.

Thấy mặt tôi “lì-lì”, con tám Én còn xăng-văng xéo-véo hơn nữa, meo-máo hơn nữa:

- Anh Sáu, anh Sáu!

Bỗng, một tiếng nạt dữ-dội, tiếp theo cái chát đánh vã vào mặt, con tám Ớn ngã ra, té bò càng.

- Đồ khốn-nạn! con gái hư! Mày muốn binh nó hả?

Tôi giật mình ngược lên. Thằng cha hai Hoá ở trần trụi-trụi, ngoài ruộng vừa về. Hắn vệt người ta, hằm-hằm bước vào điểm mặt tôi:

- Mày...

Hắn khựng lại khi nhìn ra tôi, nhú trán hỏi cụt-ngủn:

- Mày... ăn trộm lúa?

Hắn đưa tay lau mồ-hôi trên chơn mày rồi lấy khăn tắm bịt trên đầu xuống. Vẻ hung-ác trên mặt hắn lần lần giảm đi. Hắn hỏi lại, thông-thả hơn:

- À, té ra thằng Sáu mày ăn trộm lúa của tao?

- Khoan, cậu Hai, cậu hãy hỏi kỹ lại rồi sẽ buộc tội.

Thằng tư Bồ nói hớt:

- Nó chống xuống vô ruộng đang lom-khom vác lúa, bị thằng năm Ô nện cho một cây!

- Đồ khốn-kiếp, cũng còn vu-oan!

- Chớ mày không ăn trộm, mày chống xuống qua ruộng làm gì?

- Đã nói, tao nghe tụi bây rù-rì, tao tưởng ăn trộm, qua hỏi giùm.

- Láo!

Tôi trề môi một cách khinh-bĩ, không thềm cãi với nó nữa, day qua nói với hai Hoá:

- Làm ơn mắc oán, thói đời thường gặp! Cậu Hai, tôi lạnh lắm, cậu cho tôi vô nhà. Rồi cậu cho mời ông Chủ lại đây giùm tôi!

Thấy tôi nói cứng, hai Hoá hơi sợ-sệt, hỏi gạn lại thằng tư Bồ:

- Mày nói nó qua ăn trộm lúa thiệt chơi?

- Thiệt chớ cậu! Cậu hỏi thằng năm Ô thì biết!

Tôi “xì” một hơi dài.

Hai Hoá cúi đầu suy-nghĩ. Lâu lắm rồi mới nói:

- Thôi, vô nhà rồi sẽ hay!

Con tám Ến núp sau lưng vòng người quanh tôi lăm-lét dòm. Thỉnh-thoảng nó rút khăn vắn khịt mũi. Tôi chỉ thản-nhiên nhổ một bọt nước miếng trên đất rồi đồng-dạc:

- Ê! Khiêng tôi vô nhà với chứ!

Trong lúc ấy, ở ngoài một người vệt thiên-hạ chạy vào ôm chầm lấy tôi, khóc nức-nở:

- Con ơi! Sao vậy con?

Tôi bỗng thấy ruột gan tôi thắt lại, nhưng gượng làm tỉnh:

- Má đừng lo, người ta vu-oan cho con. Để ông Chủ lại con sẽ nói rõ. Đâu cũng có luật vua phép nước, ngay gian rồi sẽ tỏ như ban ngày, má yên lòng đi má...

Tôi càng nói ngang-tàng bình-tĩnh bao nhiêu, hai Hóa càng bối-rối thêm bấy nhiêu. Hăn dòm mẹ tôi như muốn giải-hoà:

- Thím coi, tôi không biết gì hết. Việc đâu ngoài ruộng, thằng tư Bô bắt được thằng Sáu chở về, nói nó ăn trộm lúa của tôi. Thiệt bậy-bạ quá chừng!

Nói xong, hăn lại gần tôi, toan mở trói; nhưng tôi hăm-hù:

- Không, không, cứ để vậy cho tôi mà!



Ông Chủ tay xách cây ba-ton gù, tay cầm đèn ló bước vào.

- Bấm Chủ,... bấm Chủ,... bấm Chủ...

Thiên-hạ rền lên rồi nín thở để chờ một trừng-trị gớm-ghiếc. Vì theo mọi lần, hễ bắt được ăn trộm, không cần hỏi đầu đuôi, ông Chủ thấy mặt là giơ ba ton lên “khệng” lấy “khệng” để. Đó là chưa kể ông “sửa lưng” theo lối “điểm-huyệt” hay sửa “giò gà”!

Thằng bọm nào gặp thì chỉ còn có nước tu-bỉ xách rổ quẩu ra ngồi ở ngã ba đường!...

Ông Chủ đang hăm-hăm, bỗng đứng dừng lại, trợn mắt:

- Ủa thằng Sáu mà!

Hai Hoá chấp tay:

- Bẩm Chủ, thằng Sáu đồn kìm!

Tôi chưa kịp lên tiếng, mẹ tôi đã đứng dậy:

- Bẩm Chủ, người ta phao gian cho con tôi.

Ông Chủ day lại:

- Ủa , có thím ba đây nữa sao? Kỳ chớ, thằng Sáu mà đi ăn trộm nổi gì!

Tất cả vòng vây đều thở dài, không biết thất-vọng hay mừng giùm cho tôi.

Tôi vẫn ngồi yên, gục đầu cho ông thấy rõ hai tay tôi bị trói ké.

Mẹ tôi kể-lẽ:

- Chủ nghĩ, tôi sai nó đi canh ruộng, chớ thuở giờ nó có làm điều gì xấu-xa đâu! Vậy mà người ta đánh đập nó, trói ké nó, bêu xấu nó...

Ông Chủ nói một câu đáng ngàn vàng:

- Thím yên lòng, để tôi xét lại. Nếu quả thằng Sáu bị oan, lũ này nó sẽ biết tay tôi.

Thằng tư Bồ này giờ còn hí-hờn, nghe tới câu đó cũng điếng hồn. Hai Hoá ngồi xuôi-xị coi bộ đã sợ-hãi chẳng cùng.

- Đem cho tao cái ghế! Mở trói cho thằng Sáu ra, bây giờ nó độn-thổ, tàng-hình hay sao mà trói riết nó dữ vậy?

Mặt ông Chủ bây giờ nghiêm-nghị lạ thường, không hăm-hăm như khi mới lại, mà cũng không hiền-từ như lúc nói với mẹ tôi. Ông ngồi phịch xuống ghế trong lúc thằng tư Bồ ké-né lại mở trói cho tôi. Thấy tay nó run run, tôi thương-hại quá, gần như trở lại tội-nghiệp giùm cho nó.

- Đứa nào bắt thằng Sáu đồn kìm? Ra đây! À, mầy, thằng tư Bồ há! Đầu đuôi làm sao, nói đúng lại cho tao nghe. Gian-dối tao tra được, tao đập nát đầu!

Thằng tư Bồ cóm-róm, kể lếp-vấp lưỡng-vượng. Tôi không thềm đối-nại, cứ lâm-râm đọc thần-chú và vẽ bùa.

Khi nó chấm dứt, tôi mới đem đầu đuôi thuật lại và kết-thúc bằng một câu:

- Nếu tôi là một kẻ khốn-nạn có lòng gian-tham của kẻ cùng điền, tôi bằng lòng chịu hết tội-vạ dưới đất và tội-vạ của Trời.

Lòng tin-tưởng ở đạo bùa khiến tôi nói mạnh-mẽ quá, hùng-hồn quá, chắc-chắn quá!

Cả thầy đều lặng thinh nghe, ông Chủ lắng tai nghe.

Thằng tư Bồ không một lời chống-chế. Hai Hoá đứng trân-trân, im-lìm như ngậm thẻ.

Cả thầy đều chờ sự quyết-định của ông Chủ. Ông này lấy tay xe-xe mấy cọng râu trên, gác đầu, rồi mím môi, nhăn mày...

Bỗng, trong cái im-lặng ngọt thở ấy, ông vùng xô ghế đứng dậy, nạt một tiếng vang nhà cửa:

- Rồi bây giờ, bây giờ không chịu cúi xuống nó lạy nó đặng xin lỗi hả?...

MUỘN-MÀNG

Đã lâu lắm rồi, tôi không đến nhà cô Yến. Lúa-thóc bẽ-bộn làm cho tôi xao-lãng nghĩa thầy trò. Có lẽ thầy tôi cũng biết vậy, nên không sai người lại kêu gọi.

Không biết thằng Út vắng tiếng đòn của tôi, giờ buồn-bã ra làm sao, và cô Yến, bị “ma” chụp một lần, thần-hồn nay đã thế nào?

Nhiều khi tôi muốn nán ra vài giờ để đến viếng thăm, nhưng mà những chuyện qua còn ràng-ràng đó, làm tôi ngao-ngán nổi đi về...

Chiều nay, cặp giò tôi đã bớt, mà nổi nhớ-nhung khi đã tăng nhiều. Tôi thay đồ đi quanh-quẩn một chập, rồi không hiểu sao thuận đường đi luôn đến nhà cô Yến.

Dọc đường, tôi lo-lãng: Chẳng lẽ chuyện lùm-xùm lên như vậy mà thầy mình không hay. Hay là thầy mình đã khinh-bĩ mình rồi?...

Nhưng tôi tự nhủ: Có lý nào? Mấy hôm rồi, có người bên xóm thầy mình qua, nói thầy mình thường nhắc-nhở mình lắm, và cùng không nghe nói lời gì bóng-gió trách-móc.

Tôi vững bụng đi. Gần tới nhà nghe tiếng trống lung-tung, tôi giựt mình tự hỏi: Cúng! mà cúng cho ai?

Bước tới thềm, ba con chó không quên, chạy ra quẩn-quít. Tôi xô cửa bước vào.

Đang bày trận lăng-xăng, thầy tôi trực thấy tôi ngừng đọc thần-chú:

- Em mới qua!

- Dạ, thầy cúng cho ai đó?

Thầy tôi cúi mặt buồn dàu-dàu:

- Con Yến!

Trời, cô Yến! Tôi rụng-rời hết cả thân mình.

Vừa lúc ấy, bà thầy dưới bước bếp bước lên nhìn tôi ứa nước mắt. Thằng Út đang xách bình trà, chạy lại tôi, mừng quýnh:

- A, anh Sáu!

Tôi vuốt đầu nó, ngược hỏi bà thầy:

- Cô Yến đau sao đó thím?

- Ôi em ơi, nói ra càng thảm, cũng tại “nhà tôi” bỏ nhà đi hoài nên mới ra nỗi này...

Tôi kinh-hãi tưởng chuyện mình đã bại-lộ rồi toan sắp-đặt trả lời, nhưng bà tiếp:

- Từ hôm tôi với nhà tôi qua bên mợ Mười nó tới nay, nó càng ngày càng biến sắc. Nó yếu bóng-vía sẵn, mà nay ốm đi, mai ốm đi, không lo gì hết, chừng thấy nó lần-thần, lần-thần, nói nhảm, ồm-o, ốm giựt mình coi lại thì nó đã bị con ma Bàn Tổ. Nó đau trên thánng rồi em à. Em lại mà coi, bây giờ nó ốm đến không còn nhìn được.

Tôi buồn-rầu, đi men lại bên giường. Cô Yến nằm thêm-thiếp, chốc chốc lại cựa mình ú-ớ.

Tôi thở dài hỏi thầy:

- Rồi thầy cho cổ uống thuốc gì?

- Thuốc gì mà uống cho hết. Cách mấy ngày đây nó lại bị Quỷ-vương lạm quá, tôi lật-đật chữa quyết mà chưa thấy giựt-giảm chút nào.

- Chữa thì phải chữa, nhưng cũng nên uống thuốc thêm cho nó giúp sức. Sao thầy không lại thầy ba Đắt hốt thử ít thang coi?

- Thầy ba Đắt mà ăn nhằm giống gì? Trục hết ba con Quỷ-vương ra, tự-nhiên nó mạnh.

- Sao thầy không trục?

- Trục chớ, ngặt một mình làm không xuể.

Quỷ-vương có tới năm đứa lận: một đứa mặt xanh, một đứa mặt đỏ, một đứa mặt trắng, một đứa mặt vàng và một đứa mặt đen...

Nói tới đây, ông kéo tôi ra ngoài:

- Em luyện đạo bùa thành chưa?

- Dạ thành.

- Mạnh không?

- Dạ, mạnh lắm.

- Được, mai em tiếp với thầy làm với lũ nó một phen. Thầy quyết một còn một mất!

Nghe tới đó tôi bắt rùng mình. Cự với người bằng xương bằng thịt thì tôi chấp sợ, dẫu thua tôi cũng biết đường chạy. Đằng này với một bóng ma! Nó đến lúc nào? Nó đi phía nào? Tôi đâu có được “huệ-nhân” như thầy tôi! Nhớ tới những chuyện quỷ bẻ cổ người ta, tôi bỗng rợn tóc gáy. Nhưng thầy tôi đã mượn chữa cho cô Yến dầu chết tôi cũng không từ.

Tôi ngồi chơi một chút rồi kiếu ra về. Tôi bước lại nhìn cô Yến một chút. Cô nằm sát trên chõng, xếp ve. Tôi cúi-ngồi đưa tay sờ trán cô rồi kêu nho-nhỏ:

- Cô Yến! cô Yến!...

Đang mê-man, cô Yến từ-từ mở mắt, trợn lên, nhìn tôi dữ-tợn rồi chơn tay chòi-chòi trên chiếu như muốn chồm dậy. Tôi thất-sắc bước lui ra. Thầy tôi lẽ chơn bước đến đè cô xuống, niệm một câu thần-chú, bắt ấn vuốt cho cô, rồi kéo tôi xa ra, nói nhỏ:

- Thấy lạ, nó muốn làm dữ!

Lòng tôi bỗng như se thắt lại, nước mắt gần trào lên.

Ôi, mới hôm nào, cũng trong gian nhà này, mình ôm cô trong tay, nghe trái tim cô đập, nhìn cặp mắt cô hữu-duyên, nghe giọng cô trong-trẻo, mà bây giờ...

Tôi từ-giã ra về, lòng tràn-ngập nỗi buồn-sầu!



Ngày mai, tôi thưa với mẹ tôi tự-sự và xin phép đến chữa cho cô Yến.

Ra đi, tôi hăng-hái lạ thường, miệng cứ lầm-nhầm câu thần-chú cho thiệt lâu, lâu lâu thử bắt ấn.

Trong nhà, thầy tôi đã sắp-đặt đâu đấy sẵn-sàng cả rồi. Trận ví trong buồng. Cô Yến nằm thêm-thiếp trên chõng... Chung-quanh, thầy tôi treo chỉ giảng giảng. Dọc theo sợi chỉ có dán mấy hình-nhơn bằng giấy vàng, bụng có vẽ bùa

son. Dưới chân cô Yến là một cái hũ có lá bùa bịt nắp hờm sần. Trên đầu, ngoài giường là một cái ghế có ấn Tổ.

Bà thầy bưng lên một cái sàng có 5 cộng mo, năm khứa trứng gà, năm vắt cơm, một gói nổ, thầy tôi cầm cây roi mây dài dạn lần:

- Nè, em đứng án cửa buồng, hễ nó nhập vào con Yến thì em bắt ấn cầm lại. Để thầy năn-nỉ, chừng nào nó không chịu, mình mới bắt quyết vô hũ. Coi chừng, miệng luôn luôn đọc bùa, tay giữ ấn-quyết, hờ một chút là có hại đến mình nghe...

Tôi dạ dạ nghe lời, nhưng bụng phập-phồng thót ruột. Thầy khởi đầu đốt sáng mấy cây đèn chung-quanh trận, dạn thêm:

- Nè khi tôi năn-nỉ nó không được, bắt vô hũ rồi, em nhớ bắt ấn hồi-sanh, vượt qua mặt con Yến, thôi một hơi dài cho nó tỉnh lại nhé!

- Dạ.

Xong, thầy đốt bùa, cầm gương bằng cây vòng có vẽ hình sao bắc-đẩu, hươi chỉ vào cô Yến rồi phát trâm lên những tiếng gò lúu-lúu như tiếng Lèo, rồi đập mạnh xuống bàn Tổ hét:

- Các người có chịu trả hồn-vía con Yến lại không!

Cô Yến đang nằm, vùng mở mắt trừng trừng. Thầy liền giậm căng nhảy lên giường. Bị động, cô Yến trở mình một cái nhẹ. Thầy liền chụp con dao để trên bàn cúng. Tôi kinh-hãi tưởng đâu thầy giậm dữ chém xuống một lát thì còn gì là cô Yến...! Nhưng không, thầy trợn mắt, phùng mang, đưa dao lên hăm-dọa rồi đọc tuôn ra một hơi, mời “năm ông” (ngũ hổ) trợ-chiến:

*“Thần kim phục
vọng, kiết mẹ Chấn-
tinh, cư hải-động oai-
cường, chúc thông biến-
hoá, đã nên tài thái cả,
phải mặt oai-linh. Bữa
bà ăn ba động yên-tinh,
khát nước uống sơn-kê*

*suối cạn. Miệng niêm
chú thâu binh bá vạn,
ăn thịt tà xương chất
đầy non. Thuở xuân-
xanh tuổi nọ còn son, ở
thạch-động khi không
bà thai-nghén. Ngày
thốn-thức, đêm nằm
chẳng chuyện. Hai
mười lăm năm bà mới
sinh thai. Tháng mười
hai sanh đặng tướng dị-
hình dị-dạng. Bà đem
nơi cốc-xứ bỏ năm
chàng. Nơi thạch-động
bà về. Chúa sơn-lâm
xem thấy ử-ê, bèn cản
trái cho ăn làm
nghĩa...”*

Kế tiếp theo một tràng tiếng Lèo nữa, thầy nạt lên một tiếng lớn, mặt trở nên ghê-gớm lạ-lùng, miệng nhai xàm-xạp, phun phèo-phèo, rồi thầy đưa cây dao lên cửa xuống cánh tay gân-guốc. Máu tủa đỏ. Thầy kê miệng nút, ngược mặt lên phun vào mình cô Yến một cái phèo...

Tôi đứng bắt ấn, niêm chú, trấn ở cửa buồng mà cũng thấy rờn-rợn nơi xương sống.

Thình-lình thầy liệng dao, xách roi quất trên không từ đầu xuống chơn cô Yến, chụp lấy cái hũ, kèm theo cái “kiếng linh” rọi từ cổ đến ngón cái và đưa ngay vô miệng hũ nhiều lần. Xong, tay chụp lá bùa ém chặt miệng hũ, thầy dạy lại tôi:

- Sáu!

Tôi đang há hốc với những kinh-dị, trực nhớ lại lời thầy dặn, bỏ cửa, chạy riết lại giường cô Yến, bắt ấn hồi-sanh, đưa tay lên run run vuốt mặt cô và thối

phà từ đầu xuống bụng.

Cô Yến đang nằm im-lìm, liền nấc lên một hơi dài.

Tôi mừng quá kêu:

- Cô Yến tỉnh lại rồi thầy ơi!

Thầy tôi còn cầm cái hũ hớn-hở chạy lại.

Bỗng-dưng thầy biến sắc, đưa tay rờ qua lỗ mũi cô Yến, rồi vùng buông rơi cái hũ xuống đất bể làm hai, khóc rống:

- Ôi trời ơi! Ôi quỷ thần ơi! Quỷ-vương đã bắt con tôi đem đi theo rồi!...

TỬ-THÙ

CON tám Én với tôi nay đã là kẻ tử-thù. Cô Yến chết, phải chăng một phần vì nó, phải chăng vì những chuyện lùm-xùm dây-dừa đến tôi phải chịu muộn-màng không được cùng cô Yến khuyên-lơn hay nghe vài lời vĩnh-biệt?

Tôi cảm gan nhớ lại cái đêm nào! Ừ, cái đêm nào ấy, nó đi đâu? Nếu không phải là cặp với thằng tư Bồ ngoài ruộng và xúi thằng này bắt sống lấy tôi?

- Ái chà! chúng bây lại xách theo thằng Năm Ô để gác đường... Kỳ lắm, chúng bây kỳ lắm nên khi tao lên tiếng là con tám Én chuồn đi, để hai thằng khốn-nạn ở lại dở trò... khốn-nạn!

Hứ! tự-tình lén-lúc giữa đồng mà lại còn xách cây đèn ló theo! Con tám Én ơi, tao với mày không còn tình-ngĩa gì nữa rồi! Trước kia tao còn vị lòng tử-tế của mày nên gác qua chuyện cũ, nay mày lợi-dụng lòng tử-tế của tao mà trở lại hại tao. Mày giả-dối hiền-lành với tao, giả-dối vui cười với tao, giả-dối nói xấu thằng tư Bồ với tao,... giả-dối, giả-dối, giả-dối... để rồi chúng bây toan hạ cuộc đời tao xuống... Nhưng trời cao có mắt, rồi chúng bây hãy sửa-soạn mà xem tao trả thù!...

Tôi càng nghĩ càng tức, giận mình không có con mắt tinh đời, giận mình sao không “thư” đại nó một lá bùa hôm gặt lúa.

Giờ chuyện như thế này, mong gì được tự-do gặp nó lần nữa?

Đêm ấy, theo lệnh ông Chủ truyền, thằng tư Bồ ríu-ríu cùng thằng Năm Ô quỳ xuống lạy tôi, hai Hoá lại năn-nỉ tôi thì con tám Én ở sau thò đầu ra hăm-hăm giận dữ. Có lẽ nếu nó ăn gan tôi được thì nó đã nhảy xổ lại moi bụng tôi ra rồi.

Tôi thấy tôi với nó từ đó hai địch-thủ ghê-gớm. Phe nó có võ, tôi có bùa. Hai bên “găng” nhau, chỉ chực hờ một chút là vồ nhau như hai con thú dữ.

- Ừ, thì chấp cả lũ chúng bây đó, chấp cha lẫn con, chấp thầy lẫn trò. Tao luyện bùa tao lại, rồi có ngày bây sẽ kéo nhau ra mà đền tội mà!

Trong lúc đó, ông Chủ đã “mám” bùa tôi nhiều thêm, cứ lân-la đến nhà tôi chơi mãi. Đêm ổng xử bọn hai Hoá lạy tôi xong, ổng kêu con tám Én phải dầm

mưa đi kiếm “cỏ hôi” về bó căng cho tôi, lấy thuốc ra cho tôi uống ấm bụng. Ông bảo: “cha làm con chịu”, rồi ông kêu tôi xuống xuống ông chở về nhà giùm cho.

Thấy tình ông đối với tôi, tôi cảm-động quá.

Mẹ tôi kiếm hết cách từ-chối, nhưng ông làm mặt giận:

- Hay là tôi xử như vầy thím chưa vừa bụng? Thím coi, tôi thấy nó bị đánh oan, tôi thương, tôi lo-lắng cho nó, để đền-bù tội-lỗi của tá-điền cũ của tôi. Dầu sao, đám này cũng đã làm-lỡ rồi, không lẽ bắt chúng nó chở thẳng Sáu về rồi ở nuôi nó được. Chúng nó cũng nghèo, cũng đang lo làm mùa ruộng cho xong, tôi mới nhơn tay, chở hành-hạ chúng nó cũng tội-nghiệp, không ích gì.

Thì đây sẵn xuống, bày trẻ đưa tôi cùng về một đường, thím từ-chối là từ-chối làm sao?

- Bẩm Chủ mẹ con tôi ngàn năm cũng không dám quên ơn Chủ, lẽ nào lại không vâng lời, nhưng làm nhọc lòng Chủ quá, mẹ con tôi không yên!

- Gì mà nhọc lòng? Không có nó, tôi lại không về hay sao? Thím cứ kể là tôi thay mặt cho đám này đền-bù chút tội-lỗi...

Ông Chủ nói câu ấy làm cả xóm đều ngùi-ngùi, nhứt là phe hai Hoá đứng lặng-trang nhìn ông bằng cặp mắt biết ơn không thể tả.

Xuống xuống, mẹ con tôi ngồi im thin-thít. Đi khỏi nhà hai Hoá một đôi, ông Chủ bỗng cười xòa lên:

- Thím thấy không, tôi thương thằng Sáu quá nên mới xử “chìm xuống” như vậy. Đáng lẽ bình-thường, oan ứng chưa biết, bắt được ăn trộm là tôi đóng trắng tại đó, đánh cho nhừ-tử rồi sáng đem ra làng, ra sao thì ra!...

Mẹ tôi chỉ biết trả lời:

- Ngàn lần cảm ơn Chủ, muôn lần cảm ơn Chủ!

Đến nhà, ông Chủ sai tên bơi xuống đỡ tôi dậy và dìu lên. Chính mình rọi đèn cho mẹ tôi và nín giữ cho mẹ tôi bước đường trơn khỏi té.

Ông ngồi cà-kê dê ngỗng một chập rồi mới chịu ra về.

Nhưng khi ra khỏi cửa, ông bỗng nhớ trực lại một chuyện gì, bèn trở lại ngoắt mẹ tôi ra ngoài.

Tôi nằm trong nhà nghe mẹ tôi nói lắp-vấp:

- Cám ơn Chủ, tôi không dám!

Và tiếng ông Chủ đáp:

- Ấy, không hề gì mà...!

Ông đi rồi, mẹ tôi buồn-bã trở vô nhà. Tôi hỏi mới biết ông đưa cho mẹ tôi năm đồng bạc bảo kiếm thuốc bó căng cho tôi. Mẹ tôi không dám thọ ơn thêm, toan chối-từ thì ông ấn đại tiền vào tay mẹ tôi rồi mới chịu đi về.

Mẹ tôi để năm đồng bạc trên bàn muốn nói với tôi một chuyện gì lắm, nhưng thôi, lại nằm phịch lên ván.

Trong đêm trường vắng-lặng, tôi càng suy-nghĩ càng thêm khoăn-khoái lạ-kỳ: Ôi câu thần-chú linh-thiên! Hãy giúp tôi thêm bao đường vinh-quang khác nữa...



Cô Yến chết không mấy ngày là tôi phải cắm đầu làm lúa.

Thế thường gặt xong lúa bó phơi khô, tá-diền phải chở về chất ngổ trong sân ruộng của ông Chủ. Sân ấy ở giữa điền rộng-rãi vô-cùng. Riêng phần ai nấy giữ, phần ai nấy lo đập hoặc cho trâu đập ra lúa hột.

Đập xong, còn phải giê lúa hột cho sạch rồi mới bắt đầu đong cho chủ điền.

Đong xong, còn dư bao nhiêu mới được phép chở đem về nhà.

Làm như thế không ai giấu-đút đi đâu được.

Nhưng ở các điền khác, tôi thường thấy lúa ở sân đong vừa triển cho chủ điền có khi còn thiếu là khác. Thế mà tá-diền vẫn còn lúa chở đi bán như thường.

Những cái bí-mật đó, chỉ có giới tá-diền của tôi mới hiểu nổi.

Nhưng nói cho chí công chí minh, nghèo chịu, chớ tôi chưa lần nào dỡ thủ-đoạn ấy, bởi tôi biết những người đã đem thủ-đoạn đó ra không ai giàu, không

ai dư xu nhỏ xu lớn nào. Họ cũng vẫn thiếu-thốn và nhiều kho cũng bỏ điền trốn đi như chú tư Lộ.

Năm nay, ở sân ông Chủ nhộn-nhip lắm. Tá-diền đập lúa ngày lẫn đêm. Ban đêm, nhứt là những đêm trăng tỏ, không thiếu mặt người nào ở sân lúa. Làm việc dưới ánh trăng đã ít nhọc lại không tốn đèn đuốc.

Thường thường ở những lúc tụ-hội đông-đảo ấy, người ta tranh nhau làm không biết mệt. Đàn-ông đánh cuộc nhau; đàn-bà, con nít chực sẵn từ bó lúa đập xong liệng ra giành giữ cho sạch hột dặng có ôm rơm chạy đua ra chất đống ngoài bìa sân.

Về lúa đập trâu thì ít nhọc hơn. Chờ khi bã lúa đã đập “chín”, họ dùng những mỏ-xảy xới rơm rất gọn-gàng.

Trong những lúc ấy, họ nói chuyện vang trời, nào kể chuyện “đời xưa”, nào nói chuyện tiểu-lâm, chuyện ma, chuyện quỷ, chuyện đời.

Lúc nghỉ, họ lại tổ-chức nhiều cuộc vui thú-vị như là nhảy chan-chán, trốn kiếm, u, cút bắt, nhảy dây, thí võ...

Những trò ấy không phải chỉ dành riêng cho trẻ nhỏ mà cả đàn-ông, đàn-bà cũng nhào vô chơi.

Đêm ấy trời trăng sáng như ban ngày. Lúa không còn bao nhiêu nữa là hết, nhưng gặp lúc nằm gác tay gờ lại nổi buồn, tôi nằm trường trên ván sạp, lâu lâu buông tiếng thở dài. Mẹ tôi thúc mãi, tôi buộc lòng thờ-thẫn ra sân.

Ở đó, đủ mặt dân điền..., có cả con tám Én và thằng tư Bồ...

Người ta biết cả sự hiềm-khích của chúng tôi nên khi đặt chân vô sân là muôn mắt đều đưa nhìn.

Thằng tư Bồ đang cong lưng đập lúa cho con tám Én, trực thấy tôi, bèn ho lên một tiếng rồi khạc nước miếng nhổ xuống đất. Con tám Én đang lom-khom giữ rơm, cũng ngưng lại nhìn tôi rồi cúi đầu.

Ồi chà! Thật là xứng đào xứng kếp! Thấy cảnh ấy, bỗng-nhiên lửa giận nổi phùng, tôi bậm môi nói thầm: À! Cho mặc bây trêu người, rồi bây sẽ biết tay tao như thế nào!

Tôi cố nén lòng lại ngổ lúa mình gần đó lấy cặp đập.

Trong lúc người ta đang đủ đôi đủ cặp, tôi thấy lòng trống-trái. Hình-ảnh cô Yến hữu-duyên thoáng ra trong óc, rồi cô Yến héo tàn...

Bó lúa trên đôi tay tôi nặng trĩu. Mình tôi đau nhức từ lóng xương, tâm-thần uế-oải.

Thằng tư Bồ cứ tăng-hăng, cứ ho-hen, kêu thằng năm Ô gọi chuyện:

- Ê Năm, đời người ta lắm lúc chịu nhiều cái oan “con chó”! Những thằng mà mình chỉ nín đầu cho một “loi” vô bản hòng là nằm ngay cán cuốc, thế mà mình phải quỳ trước mặt nó, lạy-lục nó, năn-nỉ nó, có ức không?

- Thôi, mầy nhắc đến lũ “cào-cào châu-chấu” đó tao ghét lắm. Nó có thể-thần; nó có “cò máy” với nhau! Nó dựa hơi, nó ỷ thế, chớ đồ “xỏ lá” ấy, “bung” được, tao “bung mẹ” nó một cái là rồi đời...

Đang quạu, đang buồn, tôi tức-giận tràn hông, không còn nhin được nữa, liệng cặp xốc lại:

- Ê hai thằng kia, bây nói ai “xỏ lá”, ai “cào-cào châu-chấu” hả?

- Nói ai mặc tao, can-dự chi đến mầy?

- Bây chỉ là một lũ tiểu-nhơn, được tài nói hành, nói lén người ta!...

Bị chửi ngay mặt, thằng tư Bồ nổi giận:

- Ê, tao có nói lén ai mậy, tao nói trước mặt mầy kia chớ! Mầy giỏi làm gì thử chơi? Đánh tay đôi, sức một?

- Chấp cả hai thằng? Đứa nào giỏi, đập lúa xong ra thử tài, không cần phải gây sự một cách hèn-hạ như vậy!

- Thiệt chơi?... “Mần”! Ai lại chạy ai à?

Người ta thấy gây lộn ồn-ào, bu lại coi.

Con tám Én đứng sừng người ra. Từ khi khởi đầu câu-chuyện, nó len-lét đưa mắt nhìn tôi như khẩn-cầu.

A, con này cũng biết ghê mình, muốn “xin” giùm cho tụi nó! Được đâu!... Rồi sẽ đến phần mầy nữa kia mà!

Nghĩ như vậy, tôi không thềm dan-ca, cũi-cọ làm gì nữa, rán đập cho rồi đồng lúa.

Bó lúa ban đầu nặng trĩu bao nhiêu, bây giờ nhẹ-nhôm bấy nhiêu.

Sân lúa chỉ còn vang lên những tiếng đập, tiếng ào-xào của rơm, tiếng net trâu, và tiếng rầm-rì của đàn-bà, con nít...



Đêm đã khuya lắm mà không một người nào chịu về. Cả sân đều biết cuộc đấu-võ chánh-thức của tôi. Và có lẽ họ lấy làm ngạc-nhiên cho một thằng đồn ca mà ra đánh võ. Họ xầm-xì chờ-đợi.

Đập xong đồng lúa, tôi đi dài ra ngoài mé sân thần-thờ dạo mát, chờ. Tôi đọc sơ lại câu thần-chú, dượt sơ lại cái ấn thần-tình. Phe thắng tư Bồ cũng hối-hả, không mấy chút đã đập xong phần lúa, rồi kéo nhau đi chọn một góc sân bằng-phẳng làm võ-trường.

Tôi quay đầu thông-thả đi vào, bỗng con tám Én ở đâu lù lù đi lại đón đầu tôi kêu nho-nhỏ:

- Anh Sáu, anh Sáu!

Tôi lạnh-lùng khinh-bĩ:

- Cô muốn gì.

- Tội-nghiệp, anh Sáu à, đánh làm gì, rui...

- À há! Cô sợ tôi đánh chết tụi nó? Không, không, cô đừng lo, tôi không hèn-mọn mà hạ thẳng tay đâu!

- Anh Sáu à, em chỉ sợ cho anh...

- Sợ cho tôi? Thôi đi cô, cho tôi xin, cô đừng mĩa-mai tôi chi cho lắm!

Tôi bứt ngang bỏ con tám Én bẽn-lẻn đó, rào bước đến bức tường người.

Thắng tư Bồ đã chực sẵn ở võ-trường.

Tôi chẳng nói chẳng rằng, vệt người ta chen vô chính giữa.

Thiên-hạ lại xầm-xì lên:

- Thằng “Sáu đờn kìm” giỏi lắm là chịu nổi một thoi của thằng tư Bồ là cùng!...Trời ơi, ai mà chẳng biết thằng tư Bồ có bộ “phụng-hoàng” tuyệt-diệu...

Thiên-hạ càng khen, thằng tư Bồ càng kiêu-hãnh. Nó hất ngược mặt lên trời:

- Ê, cho mày sửa-soạn năm phút! Cho mày tấn trước! Cho mày muốn đánh cách nào đánh, đâu cũng được!...

Rồi nó “đi” một đường thảo vòng tròn theo lớp người, miệng nói oang-oang lên:

- Xin lỗi bà-con đứng rộng ra một chút, tôi có tật đánh mạnh tay, rủi trong lúc đấu-thủ lỡ đụng bà-con thì kỳ lắm!...

Xong, nó quây vù-vù một bộ nữa rồi chớp một cái, nó đứng “sụn” hai cẳng xuống cung tay thủ thế coi vững-chắc như trồng:

- Nào! Nhào vô kiếm ăn?

Tôi vẫn một mực làm thình, tay bắt ấn, miệng đọc thần-chú lầm-thầm, lưỡi vẽ bùa, thối nhẹ ngay mặt nó cho mờ mắt... rồi định bụng lại “xán” cho nó một bộp tai cho nó mang xấu lần nữa tới già.

Thối bùa xong, tôi từ-từ đi lại, đưa tay sè lần ra...

Bỗng đâu một tiếng “khoan” vang-dậy từ phía ngoài, con tám Én vệt người nhảy xổ vào.

Tôi thụt tay lại ngơ-ngác, thằng tư Bồ chớp né cũng ngơ-ngác... thì con tám Én đã tới nơi.

Tôi, bụng bảo dạ: À con này nhào lại “đờ đạn” cho thằng tư Bồ đây!

Tôi sắp niệm thêm một câu thần-chú nữa để hạ nguyên cặp, thì bất-thình-linh con tám Én chộp ngực thằng tư Bồ lúc-lắc:

- Mày ý sức định hại người ta hả?

Rồi cũng bất-thình-linh, nó co giò, tổng ngay vô bụng thằng nọ một đập lộn nhào không kịp đỡ.

Cái thằng coi vậy mà yếu đòn, nằm ngay chừ dưới đất giãy tê-tê.

Tôi còn kinh-ngạc, bỗng-dưng người ta bên ngoài la ó lên:

- Đờ thẳng tư Bồ dậy! Giật dây lưng thẳng tư Bồ ra!... Giật mau-lẹ ra, nó mất thở rồi!...

Mà thiệt, thẳng tư Bồ đã nín thở.

Bỗng lại có tiếng la vang lên nữa:

- Tránh, tránh mau mầy, Sáu đồn kìm!

Tôi chưa kịp quay đầu lại, chỉ thấy thoáng bóng một cái chớp-nhoáng... xẹt xuống đầu tôi một cái “bốp” như trời đánh. Tôi xỉu xỉu, ngã quay ra không còn biết gì nữa...

TRĂNG THANH

NGHE tiếng khóc thút-thít bên tai, tôi giựt mình tỉnh dậy. Đầu tôi nhức-nhối như bị chẻ làm hai. Nghe hơi lạnh buốt cả thân mình, tôi lần lần mở mắt.

Ủa lạ! Làm gì tôi đang nằm sòng-sượt trên xuồng và trong bụi mắt?

Trăng vẫn sáng tỏ như thường để chen vào cảnh cây những tia sáng mong-manh.

Bóng cây đã ngả chỉ rằng trăng đã quá đầu. Xa xa có tiếng chó sủa dồn. Sương khuya nhều từng giọt, từng giọt, từ trên lá mắt xuống xuống, xuống mình tôi.

Tiếng khóc vẫn thút-thít trong vô-cùng yên-lặng. Tôi đưa tay sờ lên đầu. Đầu đã được bịt một cái khăn ướt-ướt.

Tôi rón chống tay ngồi dậy để nhìn kỹ người đang khóc phía mũi xuồng, nhưng vô-ích, tay chân tôi còn rữ-riệt.

Xuồng động, tiếng khóc thút-thít bỗng ngưng mất. Rồi xuồng lại động. Tôi có cảm-giác rằng người khóc ấy đang bò lại gần tôi.

Quả thiệt như vậy, “người ấy” bò lại, “người ấy” đỡ tôi dậy, để tôi nằm trên tay, rồi “người ấy” kêu nho-nhỏ:

- Anh Sáu!

Ý trời! Con tám Én!

Tôi rúng-rời không nói được gì hết. Sự ngạc-nhiên làm liệt-bại cả nói-năng và cử-động của tôi.

Con tám Én nhẹ-nhàng ôm tôi trên tay, kéo vào lòng. Hơi ấm ở người nó lần lần ra thấm vào da tôi, vào thịt tôi. Hơi ấm ấy, với tôi là một nguồn sanh-lực, một phương thuốc thần làm cho tôi định-tĩnh: nó đá thẳng tư Bồ nhào một đồng,... mình bị ai “khệng” một cây... Rồi bây giờ sao lại nằm đây, nằm trên xuồng, trong bụi mắt? Nó là gì tương-tiêu ôm mình?... nó làm gì mà...khóc? mà làm gì nữa lại ở trong bụi mắt này chớ? Lạ-lùng, lạ-lùng, thật lạ-lùng! Phải hỏi cho ra lẽ...

Tôi giỡm ngồi dậy, nhưng bàn tay mềm mềm của nó đưa lên, chỉ đè nhẹ một cái là tôi nằm yên xuống không cục-cựa.

- Anh nằm cho khoẻ một chút đi!...

Rồi nó lại nối tiếp cái “bản khóc” bi-ai thê-thảm.

Lần nữa tôi lại lạ-lùng: Hồi nãy mình nằm “ngay cán cuốc”, nó khóc; bây giờ mình sống nhả lại đây, nó cũng khóc. Quái-lạ cho con này!

Vừa lúc đó, tôi trực nhớ lại mối thù. Vùng một cái, tôi ngồi xống lên điểm mặt nó:

- Thôi đi, đừng màu-mè trên gan tao nữa!...

Tức-thì, con tám Én đưa tay bụm miệng tôi lại:

- Đừng la lớn, anh Sáu!

Tôi vẫn tròn mắt nói oang-oang trong bàn tay nó:

- Cái gì... cái gì mà bụm miệng người ta?... Ôm mà xơ rộp...

- Anh Sáu à, nằm yên xuống đây, em sẽ nói hết cho anh nghe.

Giọng nó tằm-tức, tằm-tươi nghẹn-ngào làm tôi cũng động lòng. Tôi gỡ tay nó ra dịu bớt:

- Làm gì tôi ở đây, mà làm gì...cô ở đây?

- Anh Sáu ơi, em đang trốn, người ta đang kiếm em rần-rần ngoài kia kìa!

- Kiếm cô? Sao cô không về, lại bắt tôi phải trốn theo trong bụi mắt này là nghĩa-lý gì vậy?

Tôi dứt câu, nó lại khóc thêm, khóc mướt.

Ai có lòng dạ sắt đá, chai, lì đến thế nào đi nữa cũng phải động mỗi thương-tình, huống gì tôi, thằng “Sáu đồn kìm”, đã có lần xưng “anh” ngọt với nó.

Tự-nhiên, tôi vuốt tóc nó, nịu tay nó, ngọt-ngào:

- Em Tám, sao em khóc, anh làm gì mà em khóc?

- Anh Sáu ơi, khổ cho em lắm. Chết em rồi anh Sáu à!

Mình tôi không thấy ấm nữa, mà trở lại nóng hầm:

- Trời, gì đó em Tám, sao vậy em Tám?

- Anh ơi, để em thuật hết đầu đuôi cho anh nghe. Thăng tư Bồ, như anh đã biết, là học-trò ruột của ba em, nghề nó giỏi lắm. Vậy mà anh dám rủ nó thí võ. Chẳng lẽ anh với nó gây lộn, em, người ngoại-cuộc, em lại xen vô được lời gì. Thấy anh hứa đánh với nó, em đón đầu cản anh, anh không nghe. Đến khi nó thủ cái bộ “lão-hổ” là cái thế độc-hiểm vô-cùng, mà anh không biết. Anh đã đứng xui-lơ, rồi lại còn dám xáp lại gần nó nữa. Em đứng ngoài hết vía, biết rằng nếu nó trở bộ một cái là đá vô bụng anh chết liền. Lúc đó quỳnh quá, em không kịp suy-nghĩ, chạy nhào vô để cứu anh. Đã vậy mà nó lại nghinh em, sẵn đang tức-giận, em cho nó một đạp nhào đầu. Rùi em đạp mạnh quá nhằm dạ dưới làm nó tức đến mất thở. Em đã điếng hồn, kể dùm lại thì anh đã bị thăng năm Ô vác cặp đập lúa đánh anh chết giắc...

- Trời, thăng năm Ô đánh anh? Đồ xỏ-lá, quân khốn-nạn!

Con tám Ớn lật-đật bùm miêng tôi:

- Nho-nhỏ chớ!... Lúc đó, máu trên đầu anh ra nhiều quá mà thiên-hạ chỉ lo cứu thăng tư Bồ không ai ngó-ngàng gì đến anh, em đau lòng rút khăn rằn bịt đầu cho anh, rồi mượn chị bảy Móm khiêng anh xuống xuống.

Đến đó, con tám Ớn lại nghẹn-ngào:

- Ba em mà bắt được em trốn đem anh đi như vậy thì em chết mất không còn.

Tôi cảm-động quá, bao nhiêu nước mắt trào ra, tôi siết chặt lấy tay nó:

- Em thương anh lắm sao em?

Con tám Ớn cúi đầu không đáp câu hỏi của tôi, tiếp:

- Em định chở anh về nhà cho bác băng-bó, nhưng vừa đi được một đôi có đèn đuốc rượt theo rần-rần, em phải lùi xuống vô đám mả này ẩn trốn. May quá, xuống vừa đậu yên thì họ theo tới. Họ chia ra từ tốp, kẻ trên bờ, người dưới xuống, cãi nhau om-sòm:

- Nó chở thăng “Sáu đờn kìm” đi ngả này, ngả này... Không xa đâu... sức nó mà bơi bao nhiêu!

Thấy họ kiếm em ráo-riết quá, em nhè-nhẹ vệt lá mả dùm ra ngoài thử coi.

Ba em ngồi trên một chiếc xuồng có hai người bơi. Dưới ánh trăng, em không thấy rõ vẻ mặt ông như thế nào, nhưng theo câu nói của ông thì khổ cho em vô-cùng.

- Cậu hai nói gì?

- Ba em hậm-hực như tức-tối: “Bắt nó được, tôi giết chết! Tôi giết không nghĩ tình cốt-nhục gì nữa...”

Con tám Én nói tới đó khóc oà.

Tôi càng thương-hại thêm, càng đau lòng thêm, càng yêu-mến thêm. Tôi chụp nó ôm sát vào lòng:

- Em Tám ơi, anh lầm em rồi, anh đâu có dè em có một tấm lòng đáng yêu như vậy! Vậy mà anh cứ coi như một kẻ thù, khốn-nạn!

- Trời, anh thù em?

- Vậy mới có chuyện tác-tệ đến đường này! Em có biết đâu từ ngày anh phục-luy em giữa đồng vì ba con cá, anh cho đó là một cái nhục không sông nào rửa sạch? Anh mới lập-tâm thế nào trả cho được cái nhục ấy, nghĩa là làm thế nào cho em quỳ lạy anh lại, năn-nỉ anh lại, mới vừa lòng. Anh bỏ điền cậu Bộ qua điền ông Chủ để được gần em thêm, mặc cho ông Chủ ông dè-nén, bóp chẹt đủ điều...

Ôi! anh đâu có dè vì một mối thù nhỏ-mọn đó mà đưa anh với em đến tình-cảnh này...

Con Tám Én gạt nước mắt mếu-máo:

- Anh ạ, em bây giờ chỉ biết có chết mà thôi chứ không còn mặt mũi nào dám thấy ba má em nữa. Ba má em có ý muốn gả em cho thằng tư Bồ, muốn bắt nó làm rể ở, nay em đập nó chết giặc, ba má em đâu có thể dung tình cho em được!

Tôi an-ủi:

- Em vì anh mà ra nông-nỗi này, lẽ nào anh không biết tìm cách gì để cứu em hay sao? Em yên lòng đi, chúng ta đang ở vào một hoàn-cảnh gay-go, thì thủng-thắng ta sẽ liệu-tính.

- Còn liệu-tính gì nữa? Ba em chỉ trông gặp em là giết chết. Em làm ba má em nhọc lòng, thì chỉ còn một nước là em nạp mình cho trọn hiếu. Rồi ông xử cách nào em cũng cam. Điều cần nhất là bây giờ làm sao cho anh về nhà bằng-bó cái đầu lại, để lâu không tốt.

- Anh hết biết đau-đớn gì nữa rồi. Dầu nó có nứt hai ra, anh cũng không ngại. Hãy lo cho phần em cái đã!...

Lo cho phần con tám Én? Tôi điên đầu nhức óc. Lo cách nào rồi cũng phải đưa nó về nhà. Mà đưa nó về? Ôi, khi nghĩ đến cảnh nó bị hành-hạ, là tôi không chịu nổi. Hai Hoá nào phải là một tay vừa! Nó mà chịu những thoi, những đá, thì còn chi là thân-thể... liễu-bồ?

Tôi nảy ra được một ý-nghĩ: Hay là dẫn nó theo trốn? Nhưng ý đó bị chống lập-tức: Trốn đi đâu? Mẹ còn đó, không ai nuôi, lúa còn đó, không ai làm, tiền không một xu dính túi, gạo không một hột đỡ lòng...

Sau cùng, tôi nghĩ được một kế kỳ-diệu:

- Em à, chúng ta không thể chần-chờ đây nữa được, sợ sáng ra thì bị bắt cả chùm. Ở đây có ngả tắt về nhà ông Chủ. Ông Chủ là người thân của anh. Anh em mình rán chống xuống lẹ về đó cầu cứu với ông. Anh sẽ thối bùa cho ông mê, anh gọi em cho ông, mượn ông đến xin tội cho em. Bề gì ông cũng là chủ điền của cậu Hai, anh chắc cậu Hai không nỡ hành-hạ em đâu.

- Anh thối bùa gì cho ông mê được?

- Bùa gì mặc anh, bây giờ em hãy nghe anh đi.

- Em sợ đi dọc đường...

- Đừng lo, gặp ai anh cũng không sợ, anh làm cho họ mờ mắt hết... đừng... lo.

Con tám Én vùng-vằng một chập, suy-nghĩ ráo-để rồi đáp:

- Không được anh à. Ai mà đi với anh lại nhà ông Chủ cho được, cho thiên-hạ họ cười thêm?

Thôi, em có cách này: Nếu anh “thân” với ông Chủ thì em đưa anh ra bờ. Anh đi một mình lại cầu cứu với ông, nói với ông sáng lại nhà em xin tội giùm em.

- Còn em?

- Em nằm trong bụi này chờ sáng cho ba em nguôi giận, em về nạp mình. Anh có thương em thì lo bấy nhiêu là đủ.

Con tám Én nói rồi lấy giầy chống xuống ra khỏi bụi nấp.

Tôi cảm ơn nó bằng một cái hun “dữ-tợn” rồi nhảy vọt lên bờ...

HẬN NGHÌN ĐỜI

TÔI xả giò chạy bay về nhà cho mẹ tôi vững lòng một chút rồi sẽ hay. Đầu tôi phơi ngoài sương lạnh trở lại nhức-nhối vô-cùng.

Tới nhà, tôi đã mệt đuối. Cửa mở bét. Cây đèn cháy lụn, còn “núu” chút lửa lập-loè chỉ chờ một hơi gió động là tắt.

Tôi vừa khêu lên vừa căn-nhần. Không biết mẹ tôi đi đâu mà bỏ nhà hoang lạnh như vậy, rui ăn trộm lỏn vô lấy hết đồ thì còn gì xoay-trở.

Nhưng tôi giựt mình: Hai cái ghế nhỏ ngã nằm sòng-sượt, khay trà, chén đĩa đều lăn đùn ra, cái trên bàn, cái dưới đất.

Mẹ tôi đâu kìa?... Mẹ tôi đâu?...

- Má ơi!

Tôi phập-phồng lo-sợ dường như có một sự gì không hay xảy đến.

Tôi dòm giốn-giác khắp nhà.

- Trời...

Tôi chạy nhào lại gốc cột bên vách.

- Trời ơi... ai nhẫn-tâm trói mẹ tôi, đánh mẹ tôi thân-thể như vậy?

Tôi khóc rống lên, quỳ phục xuống, ôm mẹ mà gan ruột chẳng còn.

Mẹ tôi bị trói ké vào gốc cột, áo bị xé nát, tóc phủ lùm-lùm xuống mặt, gục đầu ngất đi tự hồi nào.

- Má ơi! Má ơi!...

Không nghe mẹ tôi trả lời, tôi điếng cả đầu óc, rối-loạn cả tâm-can, vừa khóc vừa mở dây bông mẹ tôi để nằm trên ván.

Mẹ tôi thở hoi-hóp như sắp lìa trần.

Lúc này tôi mới nhận được mặt mày của mẹ tôi đầy những cục u-nần xanh xám, mình-mẩy đầy vết tím bầm.

Hỡi cả thiên-hạ trên thế-gian này!

Người con nào thấy mẹ như thế lại chẳng muốn bứt cả chùm ruột, cả tim gan, rồi kêu lên một tiếng cho thấu đến Trời, hét lên một tiếng cho ba-đào sóng dậy?

Tôi nằm phủ-phục bên mẹ, khóc la, rên-siết:

- Đây hẳn là quân độc-ác, lũ tàn-bạo, thẳng tư Bồ và thẳng hai Hoá trả thù mình bằng cách tàn-nhẫn vậy đây!...

Tôi tức-tối đến đổi hai bàn tay nắm chặt lại đập xuống ván ẩm ẩm cho sưng cả lên mà không biết đau-đớn.

- Tao sẽ ăn gan bây, uống huyết bây, để trả thù cho mẹ tao!... Má ơi... má! Tỉnh dậy với con má à! Con đây nè má...

Tôi kêu, tôi khóc, tôi la... Trong đêm tàn chỉ có tiếng dế âm-u bên ngoài đáp lại.

Cầu cứu với ai bây giờ! Xóm tôi nhà này cách nhà kia đến hàng chục công đất ruộng.

Kêu mẹ tôi không tỉnh, tôi chạy đi lấy khăn nhúng nước vỗ trán, vỗ mặt, vỗ đầu.

Tôi cầu Trời khẩn Phật, kêu réo hết cả thần thánh mười phương... vái-van khẩn-thiết.

Mẹ tôi cựa mình là tôi hồi-hộp, mẹ tôi bật ra được một tiếng rên là tôi thấy nhẹ như đang bị đè dưới Ngũ-hành-sơn vừa thoát dậy.

- Má ơi, con đây má!

Mẹ tôi từ-từ mở mắt, nhìn thấy tôi, nước mắt chan oà.

- Con... con... phải... không?

- Con đây má, con đây! Làm sao thân-thể má như vậy? Ai trói má, ai đánh má, má nói cho con nghe, con đi trả thù cho má ngay bây giờ!...

Mẹ tôi sẽ-sẽ lắc đầu đau-đớn:

- Con ơi, con làm gì mà mặt đầy máu-me như thế?

Tôi giật mình đưa tay lên vuốt mặt mới hay cái khăn con tám Én bị văng mất đi hồi nào, mà máu trên đầu bật ra nhiều quá, chảy dài xuống ướn cả hai gò má.

Tôi nghĩ rằng:

- Không sao, con té lỗ đầu chút-đỉnh. Má! có phải bọn hai Hoá và thằng tư Bờ đánh má không? Má nói liền cho con nghe, con nóng lắm!

Mẹ tôi lắc đầu thêm lượt nữa:

- Không, không phải con à! Hai Hoá hồi nãy có lại đây kêu cửa hỏi thăm con gái của nó rồi đi mất... làm gì nó dám đánh má!

- Nó chỉ hỏi thăm con tám Én rồi thôi à?

- Thì nó hỏi rồi đi chớ còn ở làm gì, vả lại khuya-khoắt rồi, mà nó đi hồi-hả lắm!

- Té ra má không hay gì hết... Má rồi ai đánh má đây chớ?

Rán trả lời với tôi đến đây, mẹ tôi mệt lắm, nằm yên, nhắm mắt lại, không đáp.

Một chập sau, mẹ tôi mở mắt ra nhìn tôi, nước mắt lại tràn theo:

- Con cho má chút nước đi con!

Vứt một cái, tôi bưng chén nước lại.

- Má ơi, xót ruột con không biết ngần nào, nước đây má uống đi, rồi má nói cho con biết kẻ nào đánh má, con xách dao đi lấy đầu nó ngay bây giờ... con mới hả dạ.

- Thôi con ơi, không nên! Như vậy cũng đủ nhục-nhã thân má lắm rồi, xấu-hổ cho má lắm rồi. Con đừng làm thiên-hạ hay thêm, để má yên mà chết, về với ba con.

- Trời, má nói gì vậy má?

- Con đừng trả thù, mà trả thù không được đâu con à. Sợ rồi làm luy thêm cho thân con. Người ta bắt má, đánh đập má ở giữa đồng. Mẹ con mình ở đây bơ-vơ... mà người ta là người thế-lực...

- Thế-lực bằng ông Trời con cũng không sợ. Má cứ nói đi, con xách đầu nó về đây liền cho má thấy cái gan của con.

- Con dần xuống. Má biết con đáng tức-tối lắm. Nhưng má còn tức-tối hơn con nhiều... Má cũng phải ôm lòng chờ chết... Con hãy để một mình má chịu nhục thôi! con!...

Nói xong, mẹ tôi khóc ngất gần bứt hơi.

Tôi hốt-hoảng, lấy quạt, quạt cho mẹ tôi, vuốt ngực cho mẹ tôi, đẩy những lo-sợ, uất-ức, nóng lòng...

- Má ơi, má nghỉ một chút cho khoẻ đi má, rồi má nói cho con nghe, thế nào má cũng nói cho con nghe;không, con chết theo má...

Trong lúc mẹ tôi nằm thở dốc, tôi bóp đầu nặn óc suy-nghĩ. Vết thương trên đầu lại động, máu lại trào ra.

Mệt-nhọc, nóng-nảy, tức-tối, đau-đớn bao nhiêu gom lại, nặng trên mình, tôi gục đầu bên mẹ tôi, nằm thêm-thiếp.



Đêm tàn. Ánh trăng mờ lại trong màu sương đục-đục ở ngoài trời. Vài tiếng chó sủa rời-rạc ở xóm ngoài. Mấy con dơi bay đớp muỗi, đập cánh sột-sạt bên vách lá.

Tôi đang chập-chờn trong ác-mộng, bỗng nghe tiếng mẹ tôi thở hỗn-hển kêu:

- Con ơi, con!...

Tôi giật mình chỗi dậy, kinh-hoàng đỡ mẹ tôi nằm trên tay.

- Con ơi... má bị đánh nặng lắm, bầm hết cả mình-mấy... bể hết cả gan phổi... Má sắp chết... Con kê tai xuống đây... má nói... má nói vì sao... và kẻ nào đánh má... Con... con, người giết một đời má là... là... ông Chủ!

Tôi nhảy chồm người:

- Sao? Ông Chủ giết má! ông Chủ giết mẹ tôi, trời nè...!

Tôi tức-giận run lên, lão-đảo toan nhảy xuống đất.

Nhưng mẹ tôi gượng nín giữ lại:

- Không... con, má nói người giết một đời má là ông Chủ... mà người đánh má là....

- Là ai?

- Người đánh má là bà Chủ! Thảm-thiết chưa con, nhục-nhã chưa con!...
Thằng tư Hoá lúc này đi rồi, ông Chủ lại đây, ổng ngồi, ổng lân-la chuyện-văn,
ổng mở lời chọc-gheo má... ổng ôm đại má... thì bà Chủ ở đâu nhảy xổ vào...
Bả nín đầu má, bả chửi, bả rửa... cùng với con-ở trối má vô gốc cột, đánh má,
đập má tơi-bời... Mà con ơi..., má đâu có tội-tình gì... Con...con!

Mẹ tôi nấc lên một hơi dài, rồi từ-từ nhắm mắt lại, vào giấc ngủ vô-cùng.

Tôi đập đầu xuống sạp, hét lên một tiếng lớn, rồi ngất lịm đi bên người mẹ xấu số!

ĐOẠN KẾT

ĂM năm tù và mười năm biệt-xứ không dài bao nhiêu, nhưng nó thay trọn cuộc đời tôi. Tôi muốn người ta cho tôi ngồi trong khám mãi để mà quên đi, quên biệt, còn hơn cho tôi trở về với người đời.

Năm năm trong tù, tôi học rành chữ quốc-ngữ và mon-men được chút-đỉnh chữ tây.

Mười năm biệt-xứ khiến tôi có dịp dạn-dày với cuộc đời và nới rộng tầm con mắt.

Tù hạn trả xong, tôi lần về làng cũ. Cảnh-vật không còn như xưa nữa. Ông và bà thầy pháp đã về cảnh Tiên, Phật; thằng Út đã đi theo cái-lương; đất ông Chủ Nghĩa bán cho người khác; con tám Én đã có chồng với một dục con dài: chồng nó là thằng tư Bờ.

Tôi cất tạm một căn nhà trên hòn Đá-bạc. Ở đó, ngày ngày nghe gió thét sóng gầm. Chỉ có gió thét sóng gầm mới an-ủi được lòng tôi.

Và chiều chiều, khi vừng thái-dương sắp chìm vào nước biển, tôi leo lên một mỏm đá cao chót-vót đứng nhìn về phía đất liền.

Sau rừng cây xanh bên ấy, chạy dài đồng này sang đồng kia, ruộng này sang ruộng khác. Trong những đồng ruộng mênh-mông, hiền-lành đó, ẩn-trú biết bao nhiêu là tá-điền và chủ điền...

Mà thôi, dĩ-vãng đã chết, còn nhắc lại làm gì nữa!...

Họ không phải là người gây nên tội-ác, họ chỉ là nạn-nhân của hoàn-cảnh xã-hội và của một thời-kỳ..

ĐÃ XUẤT - BẢN: LOẠI “Y-HỌC PHỔ-THÔNG “

của Bác-sĩ Bảo-Hương LÊ-VĂN-NGÔN

★ BỊNH HO LAO

Tựa của Giáo-sư Paul COURMONT

Đã được giải thưởng của Hội Khuyến-học Saigon năm 1943 và giải thưởng của Hội Alexandre de Rhodes Hanoi năm 1944

in lần thứ năm

★ BƯỚM - HOA

(Bệnh Dương-mai trên đất Việt)

in lần thứ ba

★ NỢ VU - SƠN

(Bệnh Dương-mai: Phương ngừa, Cách trị)

in lần thứ nhì

LOẠI “TINH-HOA ĐẤT-NƯỚC “

★ ĐỒNG QUÊ của PHI-VÂN

SẮP TÁI BẢN: LOẠI “Y-HỌC PHỔ-THÔNG “

của Bác-sĩ Bảo Hương LÊ-VĂN-NGÔN

★ LÁ GIÓ CÀNH CHIM

(Bệnh lậu, hột xoài, phong-tình thứ tư)

★ BỊNH RÉT Ở ĐỒNG-NAI

★ NHỮNG BỊNH CÓ THỂ TRÁNH

(Đậu trời, Thời-khí, Dịch hạch)

SẮP XUẤT BẢN:

★ BỊNH THƯỜNG CÓ CỦA TRẺ-CON

★ ĐỂ SỐNG KHOẺ

cùng một tác-giả

LOẠI “HỌC ĐỂ NÊN NGƯỜI”

★ HỌC ĐỂ LÀM GÌ?

của LÊ VĂN SIÊU

CÙNG MỘT TÁC - GIẢ

ĐÃ XUẤT BẢN:

TÌNH QUÊ

CÔ GÁI QUÊ

DÂN QUÊ

SẼ XUẤT BẢN:

HỒN QUÊ (Truyện dài)

NHÀ QUÊ TRONG KHÓI LỬA (Hồi ký)

Tác-giả giữ bản-quyền.

PHI - VÂN

“ĐỒNG QUÊ”

in xong ngày 25-5-1957

Nhà in AN-NINH

24, đường Nguyễn-An-Ninh

SAI GON

Giấy phép số 600/TXB,

ngày 18 tháng 4 năm 1957

của Nha Thông-Tin Nam-Phân

[\[←1\]](#)

Một tướng cướp có danh ở miệt đó.

[\[←2\]](#)

Con heo, theo ngôn ngữ của ông đồng bà cốt.

[\[←3\]](#)

Một loại thơm (dứa).

[\[←4\]](#)

Trống: cái trống; gông đóng, trống mang.

[\[←5\]](#)

Mấy câu hò trong bài này tôi chép hối-hả trong mui ghe, theo giọng hò đối-đáp, có thể sai đi nhiều. Nhưng tôi không sửa được vì không có nguyên-văn, xin nhờ bạn đọc nào biết rành cải-chánh giùm cho.

[←6]

Cốp.